

TRAI THAO

BẢN
CHỨC THU
TRÊN
NGON
ĐÌNH TRỜI



sáng tạo

BẢN CHÚC THƯ TRÊN NGỌN ĐỈNH TRỜI

Mai Thảo

**bản chúc thư
trên ngọn Đỉnh Trời**

Mai Thảo

bìa: *Nguyễn Trung*
nguồn: *Tieulun*
trình bày: *Muôn Phương*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**bản chúc thư
trên ngọn Đỉnh Trời**

MAI THẢO

**SÁNG TẠO
1963**

MỤC LỤC

1. Bản chúc thư trên ngọn Đỉnh Trời...	10
2. Luân...	71
3. Tiếng cười trên ấy...	109
4. Người điên dưới chân sườn Tam Đảo ...	149
5. Buổi trình diễn cuối cùng	191
6. Người đàn bà trong vòng đai trắng ...	231
7. Trong rạp chiếu bóng ...	310

8. Bên kia cồn cát ...	330
9. Buổi sáng và ngọn suối ...	355
10. Vết hằn trên da ...	404

BẢN CHÚC THƯ TRÊN NGỌN ĐỈNH TRỜI

Tặng Doãn Quốc Sỹ

Mai Thảo

Bức điện tín báo tin cho tôi người ta đã đưa chàng vào một bệnh viện thị trấn miền núi được bốn ngày. Chàng bị thương nặng. Chàng muốn gặp tôi. Người phu trạm già đã bỏ đi trên chiếc xe đạp cũ kỹ của y, tai tôi đếm rành rọt từng tiếng một, nhịp chuông leng keng đổ hồi về phía cuối xóm, nhưng tôi

không cử động được. Trong một khoảng khắc kỳ lạ kéo dài không biết bao lâu, tôi mất hẳn ý niệm thời gian, toàn thân tôi nhẹ hẫng như chơi với trên mây trên vực, đầu óc như có một mũi ê-te tiêm suốt thân, ý thức vẫn sáng suốt mà cảm xúc thì sượng sần tê điếng.

Tử thương trong vết đâm thủy tinh trong suốt, tôi trần trần ngó ra cánh đồng tuyết phủ – chúng tôi đang ở giữa mùa lạnh – mặt tuyết in lên những ô kính sáng trong, những tảng tuyết sạch sẽ đồng màu với những bức tường lát men sứ trắng tinh căn nhà bếp buổi sáng, tôi đứng đó, chết lạng như một pho tượng với bức điện tín báo tin dữ về chàng. Rồi chất tê tê của mũi ê-te tan dần nhường cho sự tràn ngập một cảm giác khủng khiếp ào ạt xâm chiếm cơ thể mảnh dẻ của tôi như một trận bão rừng hung dữ

thổi qua. Bàn ghế đồ đạc chung quanh cùng bảo nhau quay cuồng chóng mặt, những vòng quay hút xoáy xuống thành vực thẳm, trời đất bên trên đảo ngược, ngọn lửa trong lò bỗng nhiên bùng lóa thành một đám cháy cực lớn làm tối tăm mắt mũi, tôi lão đảo ngã vật xuống. Tôi ngã ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh. Tôi thảng thốt kêu lên: Trời ơi! Bao nhiêu đêm dài cô đơn quỳ gối dưới chân tượng Đức Mẹ trên căn phòng ngủ lạnh lẽo, bao nhiêu buổi sáng lủi thủi một mình, gục đầu trên mặt nước ngọn suối ở cánh rừng thưa đầu làng – nơi tôi thường đến đó gặp chàng – chân thành cầu nguyện cho sự đó không xảy đến cho chàng, niềm xao xuyến âm thầm ám ảnh tâm trí tôi không phải chỉ là một lần nào, mà tất cả những lần chàng đi, đã thành sự thực. Tôi nghĩ thế và tôi kêu lên: Trời ơi! Đôi mắt đã giàn dụa của tôi ngó nhìn như

một vật kỳ quái, bức điện tín vò nát tự lúc nào trong lòng tay. Chàng bị thương nặng, chàng cần có tôi, nhưng tôi làm được gì bây giờ, em làm được gì bây giờ?

Em chỉ là đứa em bé nhỏ, yếu đuối của anh. Em chỉ có tình yêu tuyệt đối, lòng tôn thờ tuyệt đối hiện hình thành cái nhìn khẩn cầu van lơn những khi em chợt thấy cái ánh lửa kỳ lạ ấy cháy lên như một báo hiệu nơi cuối đáy trông mắt đột nhiên xa thẳm của anh, em chỉ có niềm đau âm thầm tuyệt vọng dõi theo những vùng biển trời xa khuất và hoang vu hải hùng, cái thế giới của anh đó, khi mà sự tách rời ấy đã đến với anh, em chỉ có những giọt lệ thốn thức, những cử chỉ run rẩy lúc tiễn anh lên đường vào những buổi sáng cũng yên tĩnh như buổi sáng hôm này, và những giờ phút trở về một mình đắm chìm vào cầu nguyện mê man

thắm sâu bề trên che chở anh, em chỉ biết xin “Thượng đế phù hộ cho chàng”, em không có gì ngoài sự yếu đuối bất lực của em, em làm gì được. Tôi làm gì được. Tôi kêu lên. Tôi mở lớn đôi mắt tuyệt vọng như muốn gửi một lời cầu cứu thắm thiết đến những đồ đạc, bàn ghế chung quanh, căn nhà bếp với không khí trong sạch im lặng của buổi sáng này, cái thế giới bé nhỏ tôi sống từ những ngày thơ ấu cho đến khi gặp chàng, ngã vào con đường định mệnh của chàng. Nhưng tôi chỉ có một mình. Tôi hoảng hốt đến đại đột cùng người. Tôi níu chặt tay vào thành ghế, tôi khóc lên thành tiếng. Tôi òa khóc nức nở.

Khi tôi lên tới nhà trên, cha tôi vẫn ngồi ở chỗ cũ, trên chiếc ghế bành thấp gần cửa sổ, người vẫn ngồi đó tự bao giờ mà ngó đăm đăm ra cách đồng tuyết với

những hàng cây trụi lá giờ những cánh tay cành khẳng khiu lên nền trời mùa đông. Mẹ tôi ngồi đan áo cạnh lò sưởi. Người cúi đầu chăm chú một vẻ nhẫn nại quả cảm xuống những đường kim năm năm trở lại trên ngón tay run yếu của người mỗi khi mùa lạnh tới, chiếc áo màu xanh thắm người đang đan dở lần này, cho chàng.

Tôi đưa bức điện tín cho cha tôi, người đón lấy. Tôi vùng chạy lại trước mặt mẹ tôi, ngã quỵ xuống lòng người và tôi lại bật khóc. Cha tôi chậm chạp đọc bức điện tín theo thói quen người vẫn đọc tất cả thư từ, giấy má nhận được cho mẹ tôi cùng nghe. Một lát, rồi tôi thấy bàn tay mẹ tôi đặt nhẹ lên đầu, tiếng người thở dài náo nuột và tiếng cha tôi hỏi:

- Con định sao bây giờ?
- Con phải đến gặp chàng ngay.

Tôi ngẩng đầu trả lời, vừa sợ hãi, vừa cương quyết.

Mẹ tôi, do tấm lòng bao dung phúc hậu trời biển của người, đã nhận chàng từ lâu nhưng cha tôi vẫn tỏ ý không bằng lòng chàng. Tôi nghĩ trong thâm tâm, cha tôi đã gặp chàng ở một đồng tính nào đó của những người đàn ông. Nhưng điều đó cha tôi không bao giờ nói ra. Thương con, người chỉ muốn nghĩ đến hạnh phúc đời tôi qua hình ảnh những năm tháng bình yên bên cạnh một người chồng sống một đời sống hòa đối, tạo dựng được một mái nhà ấm, những điều mà người không tìm thấy cho tôi – với tất cả những bằng chứng hữu lý – ở tâm

hồn, cuộc sống kỳ lạ của chàng.

Tôi sửa soạn một phản ứng bướng bỉnh trước sự phản đối sẽ tới. Nhưng người chỉ gật đầu với một giọng trầm trầm:

- Cha nghĩ con nên làm như vậy”.

Đoạn người chậm chạp bỏ vào buồng trong và đóng cửa lại. Mẹ tôi để tay trên vai tôi, cử chỉ âu yếm tôi nhận được từ thuở nhỏ, người nói dịu dàng:

- Cha con nói thế, mẹ cũng nghĩ thế. Con sửa soạn hành lý ngay đi.

Tôi cúi xuống hôn tay mẹ tôi. Người lại nói:

- Mẹ sẽ cầu xin Thượng đế cho chúng con mọi sự tốt lành.

Trong khi tôi bỏ chạy lên gác và mẹ tôi cũng đứng dậy lên theo.

Vật đầu tiên tôi xếp vào va-li là tấm hình của chàng, tôi vẫn đặt ở trên đầu giường dưới vòm ánh sáng thu nhỏ của ngọn đèn ngủ. Tấm hình đã cũ, chụp cách đây nhiều năm ở một trong những chuyến viễn du đầy bí mật của đời chàng, khuôn mặt chàng trẻ thơ mỉm cười, và thân hình nhỏ nhắn nhưng dũng cảm, dũng cảm như tâm hồn chàng vậy, in lên một nền đại dương chập chùng lồng gió và có sương mù, chàng cắt nghĩa là địa cầu Thái Bình Dương trên một kinh tuyến tiếp giáp vùng tuyết băng dưới không độ và những giòng nước ngầm quanh năm chảy xiết.

Tấm hình chàng cho tôi đúng một tuần lễ sau ngày chúng tôi hứa hôn với

nhau. Sau đó chàng lại đã đi xa. Đặt tấm hình xuống đáy va-li, lòng tôi thấy ấm áp được đôi chút. Mẹ tôi ân cần săn sóc bên cạnh. Trước sự bối rối của tôi, người đỡ một tay bằng cách nhặt nhanh và xếp theo vào đồng quần áo những đồ dùng vặt vãnh cần thiết cho bất cứ người đàn bà nào, những đồ dùng thường vẫn khiến chàng mỉm cười ngộ nghĩnh những khi tới đây, nơi chàng thường gọi đùa là cái tu viện trữ tình êm ái. Tôi đóng va-li đi ra.

Tôi dừng lại ở nhà dưới xin phép cha tôi. Người đã trở ra ngồi ở chỗ cũ, trên chiếc ghế bành thấp gần cửa sổ. Vốn lo ngại cho sức khoẻ mỏng manh của tôi, người dặn tôi đi đường cẩn thận, đến nơi nhớ đánh điện tín về nhà. Mẹ tôi đưa tôi xuống đường. Lúc từ biệt, không cầm

giữ được, tôi lại gục đầu vào vai người, nức nở khóc.

– Con cần phải tự chủ. Mẹ tôi nói.

Người nhắc chiếc áo bành-tô xám người đang mặc khoác lên mình tôi:

– Con mặc cho ấm. Đường xa và sương tuyết nhiều lắm.

– Con xin phép mẹ.

Tôi ghen ngào nói qua nước mắt:

– Thôi con đi.

Mẹ tôi còn nhắc lại một lần nữa:

– Mẹ cầu xin Thượng đế che chở các con.

Trong khi tôi gạt nước mắt bước xuống thêm. Chiếc xe ngựa vừa dừng lại trước cửa nhà. Con vật đập chân thở ra những hơi khói trắng. Không khí rét ngọt. Trời khô sắn nhưng vẫn chưa nắng lên. Và tôi lên đường trong buổi sáng quê hương vẫn hoàn toàn yên tĩnh.

Trái ngược hẳn với chàng, đây là lần thứ nhất trong đời tôi ra khỏi làng, tôi đi xa. Chiếc xe ngựa lắc lư chuyển bánh trên lối đi tuyết phủ, chạy qua cửa trường tiểu học. Trên nền bảng đen của lớp học tiểu tụy, tôi nhìn thấy người thầy giáo già đã từng giảng dạy tôi và chàng những ngày thơ ấu cũ. Rồi qua chợ, trạm bưu điện, tiệm thuốc, phòng hội đồng hành chính, chiếc xe phóng ra khỏi làng trong tầm mắt đột nhiên mở rộng, hướng về nhà ga xếp thiết lập giữa cánh đồng tuyết cách làng chừng năm cây số.

Tôi nhóm dậy, nhìn ra. Chiếc xe đưa tôi vào một con đường nhỏ. Tim tôi thất lại. Con đường của chàng đây. Con đường nhỏ này bây giờ tuyết phủ kín, hai bên đứng trơ vơ những hàng cây gầy guộc trụi lá, nhưng mùa xuân, mùa hạ, bóng mát dày đặc che nghiêng như một vòm mái xanh biếc, hoa nở chói chang hai bờ cỏ bông, mùa thu, những trận lá vàng rụng lả tả, con đường tĩnh mịch, lối đi thiên đường này tôi đã bao lần sung sướng nép vào chàng, tay luôn trong tay chàng, đầu ngả trên vai chàng, những buổi chàng đưa tôi đến tự tình bên bờ con suối nhỏ. Chiếc xe lăn lóc cộc, tiếng người xà-ích quát tháo, tiếng roi đập vun vút lên mình con ngựa già yếu, tôi lắng nghe những âm thanh lạ tại vang lên trong buổi sáng yên lặng. Đôi mắt tôi rưng rưng nhìn ra con đường nhỏ, những gốc cây, ngó xuống ngọn suối,

tảng đá, dấu vết những ngày tháng thần tiên có chàng (khi có chàng tất cả đều thần tiên), dấu vết những thời khắc hạnh phúc quý giá chàng dành cho tôi giữa hai chuyến đi, những kỷ niệm bỗng trở nên hiếm hoi vô ngần bởi một linh cảm hãi hùng chợt đến là chẳng bao giờ tôi được sống lại.

Tôi thu mình, ngồi đợi ở thêm nhà ga xép nửa giờ đồng hồ. Những luồng gió đập trùng băng qua cánh đồng xoáy vào những bờ tường long lở với những khung cửa vỡ kính. Không khí buốt lạnh thấu xương Rồi con tàu đột ngột hiện ra chân trời phẳng tấp như một con thú dữ âm âm chồm tới. Tôi là người hành khách độc nhất. Sau đó, còi hú lên, con tàu lại rầm rộ chuyển đi. Cảnh vật hai bên đường buồn thảm. Làng xóm đồng ruộng tuyết phủ trắng xóa như những

nấm mộ lớn. Cả một vùng đất trời tái ngắt căm căm trong tiết mùa đông. Bánh sắt nghiêng rầm rầm trên con đường thẳng tắp, con tàu lắc lư chuyển mình, tôi ngồi thu mình vào đáy toa và nhìn qua khung cửa thoáng thoáng những cột sắt lùi ngược chóng mặt, tôi lại nghĩ đến chàng.

o O o

Chàng giòng giõi một gia đình, phải nói một giòng giống, có nhiều lượng máu phiêu lưu chảy trong huyết quản. Chàng thường mỉm cười đùa nghịch kể cho tôi nghe về tổ tiên chàng, thành phần sót lại một của bộ lạc du mục thuở khai thiên lập địa xuất hiện ở những vùng biển lạnh phương Bắc, vùng có những mùa mưa

tuyết quanh năm và đất đai chật hẹp chỉ có rừng hoang núi cản, những cánh đồng lầy ngút ngàn lau sậy và một giống người mà sự thèm khát chinh phục những miền đất mới vừa do nhu cầu đời sống vừa do thiên tính tạo nên. Tổ tiên chàng thuở đó sống rải rác trong những làng mạc dựng trong hốc đá, những vùng biển khuất gió, mình mặc áo lông thú dày, vũ khí là nỏ thuốc độc và dao ngắn, thờ thần mặt trời. Khi sương mù bắt đầu tan trên mặt biển, tất cả bộ lạc lại ào ạt kéo xuống những đoàn thuyền chiến buồm đen, mũi thuyền khắc nổi những hình thù kỳ quái. Đoàn thuyền rời bến bờ hoang dã trong tiếng ốc xuất quân rền rĩ, tiếng la hét mọi rợ, tiếng chèo vang mặt biển sớm đưa cả một đoàn người mà lẽ sống là chinh phục xuống những vùng trời có nắng, những đất đai trù phú ở phương Nam. Chàng bảo đời sống ngang tàng

tổ tiên chàng thuở đó nằm trong những viên trình, những chân trời xa khuất, những trùng dương mênh mông, những chiến trận không bao giờ chấm dứt, đời sống gắn liền vào đối đời và vũ khí, kẻ chết muốn lên thiên đàng khi ngã xuống phải có gươm nỏ trong tay, những cuộc tàn sát khủng khiếp, những đêm liên hoan điên cuồng trên đồng chiến lợi phẩm và thây xác kẻ thù. Cuộc sống đó không có phần chỗ cho đàn bà. Qua từng thế kỷ – vẫn theo lời chàng – giống nòi anh dũng ấy như thuần dần với đời sống văn minh, cả tính ngang tàng cũng chìm lặn vào huyết quản. Về sau chỉ còn lại niềm khát vọng luyến nhớ những vùng trời rộng những cuộc viễn hành. Rồi sự suy nhược tuần tự đến những thế hệ kế tiếp. Tới đời ông cha chàng, chỉ còn là những người di dân tầm thường tìm lập nghiệp ở những miền đất mới. Người

đàn bà nhu mì thuần hậu là mẹ chàng bỏ mình trong một chuyến đi gian khổ từ núi xuống đồng bằng, khi đó chàng còn sơ sinh, cái chết của mẹ chàng gây một phiền muộn không bao giờ nguôi cho cha chàng, khiến ông bỏ dở hành trình dừng lại ở đây và sống những ngày thăm sầu cuối cùng trong nỗi nhớ thương người khuất. Chàng mỉm cười bảo tôi:

– Bánh xe chở cha anh chỉ lăn thêm một đoạn đường nữa cũng đủ để không bao giờ anh gặp em.

Của cải cha chàng để lại thừa thãi cho cuộc sống độc thân của chàng. Người bố già nuôi dưỡng chàng từ thuở nhỏ tạ thế cách đây bảy năm, chàng mới 16 tuổi. Từ đó chàng sống hoàn toàn cô độc cho đến tuổi trưởng thành, như một loài cây hoang kỳ lạ định mệnh tình cờ đem trồng

xuống mảnh đất yên tĩnh của thôn xóm quê hương tôi.

Chàng có đôi mắt sâu như đựng chứa những hoang vu tiền sử, những đỉnh trời cao ngất không ngó thấy, những không gian buốt lạnh không có dấu chân và sự sống loài người. Đôi mắt phảng phất niềm mơ màng khó hiểu, như những cửa ngõ mở vào một thứ thế giới hư vô riêng biệt. Đôi mắt như hai vì sao trầm lặng buồn rầu ẩn chứa mọi phần tâm linh cùng thẳm, tất cả định mệnh chàng ủ kín trong đó, đôi mắt có một sức quyến rũ mãnh liệt, lúc ngủ, tròng mắt yên tĩnh bao bọc lấy đời sống hàng ngày, lấy tôi, trong cái nhìn khoan dung thỏa thuận. Đôi mắt khi cháy lên, khi ánh lửa dị thường nói sự bắt gặp của linh hồn chàng với niềm khát vọng tiền kiếp, đẩy chàng tách rời khỏi đời sống, mọi người chung quanh,

đi vào những miền gió bão hoang vu, bí mật và xa xôi như khói lửa nghìn đời xa cách, nhưng vẫn còn đó, vẫn thẳm thẳm cháy trong lòng đất.

Ít nói, cách biệt, nhưng chàng không phải là một con người lạnh lùng già nua, trái lại, tâm tính chàng rất đổi thơ trẻ hồn nhiên. Chàng không có những điệu bộ phách lối, thứ cao điệu tầm thường giả tạo thường thấy ở những kẻ muốn đặt mình thành những bậc á thánh bị đầy đoạ xuống cõi đời, chàng chưa từng một lần bất mãn, thù ghét đời sống. Nhưng tôi có cảm tưởng: ở phần cùng thẳm linh hồn chàng, có một tiếng gọi huyền bí nào. Khi tiếng gọi đó cất lên thì cái ánh lửa dị thường thoáng ngời trong đáy mắt. Tiếng réo gọi tâm linh ấy là giòng nước ngầm chảy siết dưới đáy biển sâu, cơn gió thoảng làm cho phiến lá muốn trở

lại ngàn, cánh buồm chợt thấy âm thanh của thủy triều vĩ đại, căng rộng, tìm vào biển khơi. Tiếng réo gọi đến từ những chốn sơn cùng thủy tận của nghìn đời, nơi có sóng nước trùng trùng, bờ bãi hoang vu, thứ thế giới tiền sử nhiều không gian và bí mật, cái thế giới chưa từng có dấu chân, tiếng nói, cái thế giới ban sơ im lặng của những tuổi đầu trái đất, của đầu sông, đầu bãi, đầu ghềnh, của những thung lũng cỏ hoa hoang dại, những con đường mất hút vào thiên nhiên dưới một vòm trời trải đi không giới hạn.

Tiếng gọi huyền bí đó, tôi biết, chàng phản kháng, chàng cưỡng chống nhiều lần mà chẳng được. Nó là một ám ảnh ma quái. Nó là vực thẳm chờ rình chàng ngã xuống, niềm giải thoát cuối cùng. Nó biểu hiện sự lớn lao của chàng. Nó là sự sống, cái chết của chàng. Nó là định

mệnh chàng, tiếng réo gọi trở về của một bản năng không hủy diệt và từ bỏ được, khiến đời chàng, ở phần nhận được của tôi, ở phần chàng đến, chỉ là hợp thành những trạm nghỉ một loài chim hiếm mỗi cánh mà định mệnh là những thượng tầng buốt lạnh, sự di chuyển vĩnh viễn không ngừng trong không gian và thời gian.

Ánh lửa dị thường mỗi khi cháy lên trong đôi mắt chàng, là một lần làm tôi hoảng hốt. Đang cười nói, chàng thoát im bật. Chàng ôm tôi trong tay chàng mà linh hồn chàng đã ở tận đâu đâu, con mắt chàng đã nhìn một cái gì tôi không nhìn thấy. Qua một linh tính tinh tế bởi tình yêu muốn đấu tranh gìn giữ, lần nào tôi cũng cảm thấy tức khắc, khi sự tách rời ấy đã đến với chàng. Tôi về quỳ gối trước tượng Đức Mẹ. Nhưng mọi cầu nguyện

đều bất lực. Thế nào chàng cũng bỏ đi. Không biết bao lâu, Dăm bảy tháng, một vài năm không chừng. Có lần, mới ba ngày chàng đã về. Nhưng lần nào thì chàng về lúc đó tôi mới biết chàng còn sống, tôi vẫn còn chàng.

Tâm tính chàng, sau mỗi chuyến đi, thư thái, bình tĩnh hơn và chúng tôi lại sống những ngày êm ái thân tiên bên bờ suối. Những buổi sáng mát trong, nhìn chàng và tôi cười lớn kéo tay nhau chạy trên con đường đầy hoa dại nở dẫn tới bờ suối, nhìn chúng tôi che vạt áo lên đầu hấp tấp ẩn trú trận mưa đột ngột dưới một gốc cây, hay nhìn chàng một mình đến tìm tôi trong phức sức đơn giản và điệu dáng trẻ trung đặc biệt của chàng, lễ độ chào hỏi cha mẹ tôi, không ai có thể ngờ chàng vừa nhập đoàn thám hiểm quốc tế đã cầm ngọn cờ đầu tiên

lên đỉnh Bắc Cực, vừa chia tay với những nhà bác học nghiên cứu tại chỗ, qua kiến trúc, những dấu tích cổ thời của nền văn minh Ai Cập, vừa lang thang một mình suốt một tuần trăng dưới những đêm sao nhiệt đới, vừa dựng lều ngủ giữa những bầy sư tử một đêm rừng Phi Châu, hay vừa cùng với thổ dân ngồi độc mộc đi vào một nhánh sông Hoàng Hà vừa khám phá thấy. Chàng đi như thế làm gì? Chàng muốn giải thoát cái gì chứa nén trong tâm hồn, trong tiềm thức của chàng? Tôi mang máng cảm thấy điều đó nhưng không bao giờ định nghĩa được. Cũng không bao giờ dám gặng hỏi. Tôi yêu chàng như chàng vẫn vậy. Tôi chỉ biết khóc. Tôi chỉ biết cầu nguyện Đức Mẹ.

Trừ một lần. Chàng cũng bỏ đi biệt tích như thế gần hai năm, tôi tưởng chàng

chết thật, khi chàng trở về tôi đang thập tử nhất sinh trên giường bệnh. Chàng ngồi ở đầu giường tôi ba đêm liền cho tới khi tôi tỉnh dậy. Vừa mừng vừa giận, tôi òa khóc. Tôi trách chàng không đoái tưởng đến tôi, tôi có thể chết mà chàng không hay biết gì hết. Chàng ôm lấy tôi xin lỗi và nói kỳ lạ:

– Em phải sống. Em phải sống ít nhất một phút sau cái chết của anh.

Chàng nong nân ôm lấy tôi. Chàng hứa không bao giờ đi xa, chẳng bao giờ bỏ tôi nữa.

– Anh có biết em thường cầu nguyện bề trên cho anh không? Tôi nói.

Chàng mỉm cười hỏi tôi cầu nguyện thế nào.

– Em cầu nguyện cho chuyến đi nào của anh cũng là chuyến đi cuối cùng.

Chàng gật đầu:

– Em hãy cầu nguyện cho anh như vậy.

Sau đó chàng tặng tôi làm kỷ niệm một con ốc biển có hình thù kỳ lạ chàng nói lượm được ở một hòn đảo vùng hải phận Mỹ-Châu, con ốc tôi đeo trong mình bây giờ như một linh vật. Tôi sung sướng uống từng lời hứa của chàng, nhưng tôi đã tha thứ cho chàng ngay từ phút đó. Tôi biết rồi một ngày, ngồi với tôi trên bờ suối, đi với tôi dưới bóng cây xanh, bắt chợt cái ánh lửa dị thường ấy lại cháy lên nơi cuối đáy tròng mắt sâu thẳm, và chàng lại thoát đi, tôi lại mất chàng. Không có sức mạnh nào kìm

giữ được chàng ở lại. Kể cả chính ý lực chàng. Những giàng buộc, những kỷ niệm với mảnh đất này. Kể cả tình yêu tuyệt đối của tôi, và sự thực tàn nhẫn đó là nguyên nhân niềm đau âm thầm tôi nhận cho đời tôi như một định mệnh lạ lùng và khắc nghiệt. Nhưng tôi yêu chàng. Chàng là mặt trời rực rỡ. Chàng là mùa xuân nguy nga. Niềm kính yêu tôn thờ tuyệt đối. Chàng là niềm hạnh phúc ấy, đầm đầm nước mắt và trầm trầm lời kinh cầu thảm thiết của tôi. Chàng là thế giới, chàng là vũ trụ. Chàng tạo nên tôi. Chàng là tôi tất cả. Tôi đón nhận tình chàng như một ơn thánh sủng, cái bình huyền diệu rót xuống cả thuốc thần êm ái thể chất, cả độc dược mê loạn thần kinh. Tôi yêu chàng như từng lần sống lại, như từng trận chết đi, giữa một trạng thái tâm thần mê mê tỉnh tỉnh. Tôi yêu chàng đắm đuối. Mỗi lần chàng đặt tay

lên vai tôi, những ngón tay như có điện truyền cùng thân thể. Mỗi lần chàng hôn là một lần tôi muốn ngất đi.

Nửa ngày về chiều, đoàn xe chạy qua một miền có bão lớn, Những luồng gió đập rào rạt vào hai bên thành tàu như ập đến từ hàng nghìn cây số. Còn tàu lắc lư chòng chành như bơi trên mặt biển động sóng. Cảnh vật biến mất. Đây vòm trời bão giông đen kịt chỉ còn ức triệu bông tuyết trắng xóa, phát phối, tơi tả bay về mọi chiều hướng, rồi bất thành linh như bị những bàn tay khổng lồ vô hình hút chặt lấy và ném thẳng vào khung kính trước mặt tôi. Từ đầu đến cuối sương sống tôi mỗi nhử. Thân thể lạnh tê từng chỗ. Tôi ngồi thu hình vào đáy ghế trong khi bóng tối bắt đầu xâm chiếm toa tàu tôi tàn.

Hàng ghế trước mặt tôi, cái gia đình quê mùa gồm một cặp vợ chồng trẻ và một con nhỏ cũng vừa thức giấc. Họ ngủ mê mết từ lúc tàu chạy. Đứa nhỏ, gò má còn hồng hào giấc ngủ thò cái đầu tóc tơ vàng ánh ra khỏi cái chăn dạ quần tròn lấy nó. Người vợ vạch áo cho con bú, trong khi người chồng bằng những cử chỉ vụng về, bầy lên chiếc khay nhôm nhỏ bữa ăn đồ nguội họ mang theo. Nhìn họ cặm cụi nhai dưới những ngọn điện đực yếu tỏa một thứ ánh sáng vàng khé, tôi nhớ đến những bữa ăn trên cỏ với chàng. Cạnh bờ suối. Những buổi sáng chủ nhật đẹp trời và có nắng. Chàng thường đến đón tôi thật sớm. Chàng huýt sáo miệng gọi. Khi tôi xách cái lẵng mây đựng đầy trái cây chạy xuống đã thấy chàng mỉm cười đứng đó với tấm khăn vải Lào sặc sỡ trong tay.

Chúng tôi đi trên con đường mặt đất còn ẩm ướt hơi sương, đến bờ suối khi tiếng chim đã riu rít truyền cảnh và những ánh nắng thứ nhất đã rục rở chiếu xuống mặt suối trong vắt. Chàng thường ngồi lặng hàng giờ mà nghiêng khuôn mặt thư thái có những nét đẹp rộng rãi như cả một vùng trời cao trên đầu xuống mặt suối. Đôi mắt mơ màng, chàng thông thả nhặt từng hòn cuội trắng thả xuống lòng nước. Nhưng rồi chàng bất chợt nhìn lên và mỉm cười với tôi. Chàng kéo đầu tôi đặt lên ngực. Tôi nằm êm ái trong cánh tay khoẻ mạnh của chàng, nghe hơi thở ấm áp và nhịp tim đập sau làn áo. Tâm hồn tôi tỉnh táo lắng theo những tiếng động vắng êm đầu đó, trong cỏ, trên cành, mắt tôi nhìn lên những vệt nắng nhảy múa trên đỉnh cây, nhìn lên những phiến trời thủy tinh, những tảng mây ngọc thạch trên kia, cho đến khi tâm trí

tôi chìm dần vào một thứ thế giới hoa hương kỳ ảo, tiếng chim đột nhiên xa đi, tiếng suối chảy ngừng lại, hình khối màu sắc biến chất thành những hơi sương vờn múa, đầu tôi nặng xuống, và trong một trạng thái ngà ngà thiêm thiếp, toàn thân tôi êm ái rụng xuống cái vông hoa lớn. Chẳng cúi xuống và tôi thiếp ngủ trên cánh tay chàng.

Tôi thiếp đi thật. Tỉnh dậy, con tàu đã thoát ra khỏi vùng bão tuyết tự lúc nào. Chỗ nó vừa dừng lại là một nhà ga lớn. Những đường rầy trùng điệp đan vào nhau, tỏa đi nhiều ngả trên một diện tích rộng với những kiện hàng hóa đủ loại chất từng đống cao ngất, những đầu máy đen chũi, bóng loáng, còn phì phì thở khói. Đèn thấp sáng choang sân ga. Những đoàn người đi lại nườm nượp. Kim đồng hồ chỉ đúng 9 giờ tối. Phía

sau nhà ga, là thành phố. Vòm ánh sáng rực rỡ hắt lên nền trời đêm, loang loáng những vệt đèn xe trập trùng đuổi nhau, những hàng chữ điện đảo lộn, nhấp nháy như cả một rừng sao cháy. Một thứ âm thanh âm âm ran ran vọng lại từ cuộc sinh hoạt mãnh liệt.

Tôi được người soát vé cho biết đây là đô thị đồng bằng cuối cùng. Con tàu còn phải đi suốt đêm này nữa sáng mai mới tới được cái thị trấn miền núi, nơi người ta đã đưa chàng tới. Nhìn về mỗi một của tôi, y ân cần khuyên tối nên xuống ga ăn uống, đi lại một chút cho tỉnh táo thoải mái. Điều mà tôi nghe theo. Tôi gọi một ly cà phê nóng, một cái bánh sữa ăn vội vàng. Đến khi còi hú lên báo hiệu khởi hành, tôi trở lên thì cái toa tàu vắng lặng bạn nãy đã đầy chật người.

Tốp hành khách mới lên đều là đàn ông. Những người trẻ tuổi này phục sức lịch sự, người nào cũng có vẻ thông minh, lanh lẹ. Màu da, ngôn ngữ, dáng điệu họ tố cáo họ đến từ những thành phố xa lạ, những xứ sở khác biệt nhau. Người nào cũng đội mũ dạ, mặc áo bành tô đeo lưng cụng đẩy người nào là máy chữ, máy ảnh, bút giấy, và cả những thứ máy móc kỳ dị có chân đứng và ống kính lớn, tôi đoán là những máy quay phim.

Họ hút thuốc lá, nhai kẹo cao su, đi đi lại lại, hoa chân múa tay, cười nói, tranh luận âm ỹ. Nghe một vài mẫu chuyện nghề nghiệp giữa họ, tôi dần dần biết họ là những nhà nhiếp ảnh, nhà báo, những phóng viên ngoại quốc, và họ cũng đáp tàu để đến cái thị trấn miền núi như tôi. Sự họ cùng có mặt ở đây, cùng đi một lộ trình với tôi, đột nhiên gây xúc

động và kích thích trí tò mò của tôi. Một người béo mập và một người gầy khẳng vừa ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, tôi bèn lắng tai theo dõi câu chuyện họ nói. Người béo mập nói:

– Chúng ta sẽ bầu họ là những người cao nhất thế kỷ này.

Người gầy gật gù:

– Đúng, chúng ta sẽ tôn họ là những anh hùng đã chiến thắng ngọn Đỉnh Trời.

Người béo mập hỏi:

– Bạn nghĩ sao về kỳ công của họ?

– Tôi sẽ viết một bài tường thuật vĩ đại ca ngợi thành tích vĩ đại của họ.

Người gầy trả lời thế và tiếp theo một giọng đùa cợt:

– Nhưng giá tôi, tôi chọn cái giường lò xo có đệm êm và gối ấm, anh nghĩ sao? Tôi sẽ chọn vợ con tôi ở nhà, hạnh phúc gia đình tôi. Có thể ngã chết mất xác được lắm chứ?

– Chuyện, họ là những con người phi thường.

– Đúng và chúng ta chỉ là những kẻ tầm thường.

Người béo trầm ngâm nhìn ra cửa sổ con tàu chạy như lao vào bóng đêm dày đặc, nói một cách văn hóa triết lý:

– Đời sống chia làm hai loại người, những kẻ chinh phục và những kẻ chiêm ngưỡng sùng bái kẻ chinh phục.

Hắn nhếch mép:

– Tôi xin chọn làm loại sau, còn anh?

Cả hai đều có vẻ thưởng thức câu nói trào lộng, cùng vỗ vai nhau cười lớn. Họ cùng rút sổ tay hí hoáy ghi chép một hồi, đoạn người béo ngừng bút:

– Bọn họ mấy người nhỉ?

– Theo tin tức nhận được và điện đài truyền đi, năm người.

– Sáu chứ?

Người béo tỏ vẻ ngạc nhiên.

– Không, chỉ có năm người lên tới được ngọn Đỉnh Trời.

– Còn người thứ sáu?

– Hắc đã ngã xuống vực.

– Ai đó?

Người béo mập hỏi và người gầy bĩu môi:

– Một thanh niên trẻ tuổi vô danh.

Người béo ngẫm nghĩ:

– Chúng ta cũng phải nói đến hắc chứ?

Người gầy cười lớn:

– Nói đến cái lối ngã lộn đầu xuống của hắc sao?

Và y nghiêm trọng:

– Chúng ta đến đây để tuyên dương và công bố cho toàn thể thế giới về sự

đắc thắng rực rỡ của những anh hùng đã chinh phục ngọn Đỉnh Trời. Thế kỷ chúng ta dành phần sùng bái cho những anh hùng thực hiện những sự nghiệp lớn. Báo chí chúng ta dành chỗ cho những anh hùng đó và không có chỗ cho những phần tử bất lực đã thất bại.

Câu chuyện giữa họ chấm dứt ở đây. Nếu họ có nói tiếp tôi cũng không nghe nổi nữa. Trạng thái kinh hoàng, cảm giác của mũi ê-te tiêm suốt thấu – khi nhận được bức điện tín – lại đến với tôi. Người tôi ướt đầm mồ hôi lạnh, mắt tôi mờ lòa, thái dương nhức nhối như có cả một bầy ong vỡ tổ ào ào trong đầu. Ruột tôi thắt lại. Kẻ vô danh theo họ nói, người thứ sáu không tới được ngọn Đỉnh Trời, là chàng? Câu chuyện họ vừa ném vào mặt tôi một sự thực tàn nhẫn. Tâm trí tôi như bị một vết chém chẻ đôi giữa những ngò

vực, giả thuyết ghê gớm, Tôi bụm tay lên miệng giữ lại một tiếng kêu. Nêu đích thực “kẻ vô danh” đó là chàng, thì, với nỗi đau thể chất, tâm hồn chàng còn ê chề đau đớn ngần nào ? Tôi không muốn chàng là một kẻ anh hùng. Không bao giờ. Tôi chỉ muốn chàng sống, tôi chỉ cầu nguyện một điều: chàng sống, chàng về cùng tôi. Nhưng bây giờ thì tôi không thể không đặt mình vào tâm trạng chàng để đo lường tất cả khối nặng trĩu buồn và thất vọng chàng đang âm thầm chịu đựng một mình ở cái bệnh viện miền núi kia. Nếu đích thực chàng là kẻ thứ sáu, kẻ vô danh xấu số của đoàn người chinh phục ngọn Đỉnh Trời thì trước thành công hiển hách của họ, chàng đã đau đớn biết ngần nào khi nhận thức sự thất bại riêng biệt, chua chát đó? Nếu chàng lại biết cả thế giới đang ca ngợi kỳ công của họ, tôn thờ họ như những vĩ nhân?

Hình ảnh lớp người tổ tiên tiền sử mà lý tưởng sống là vinh quang chiến thắng, sự phủ nhận mọi thất bại, trở lại như một ấn tượng hải hùng ám ảnh tôi. Người tôi bồn chồn như lửa đốt. Tôi muốn có cánh bay đến với chàng. Tôi muốn có mặt tức khắc cạnh chàng, để an ủi, vỗ về, chia sẻ tâm trạng buồn thảm với chàng, sự thất bại của chàng.

Rồi đột nhiên, một niềm uất ức vô cơ dâng lên nghẹn ở cổ họng, tôi bỗng thấy thù ghét tất cả mọi người, thù ghét tất cả loài người. Bọn phóng viên ngoại quốc đang cười cười nói nói chung quanh, tôi nhìn chúng hằn học, tức tối, tôi ngó chúng như những quái vật. Chàng không may rồi mà những kẻ tàn nhẫn còn muốn đạp sấp chàng xuống hàng kẻ vô danh, đánh chìm vào lãng quên người đã thất thế. Sự tức giận làm tôi ứa nước mắt. Thiếu một

chút kiêu hãnh, tôi đã òa khóc. Tâm hồn tan nát, rối loạn, tôi úp mặt vào cánh tay thốn thức trong khi còn tàu vẫn lao đi trong đêm tối.

o O o

Thị trấn miền núi nằm giữa thung lũng. Nhà: những biệt thự nhỏ nhắn, mái thấp, ống khói cao, nặng. Đường phố bậc thang. Ở đó người ta chỉ hướng cho tôi lên bệnh viện, thiết lập cách thị trấn chừng nửa cây số. Chiếc xe ngựa chở tôi qua mấy khu phố tấp nập người đi lại – bọn phóng viên, nhiếp ảnh với dụng cụ công kênh lẫn giữa lớp người sở tại đi ủng cao, mặc áo lông thú – rồi bắt đầu leo lên một con đường dốc vắng vẻ. Hai bên đường, những hàng cây khởi

đầu thưa thớt, dây đặc và xanh đậm dần mãi về một triền núi xa. Người mã phu chỉ cho tôi thấy ngọn núi cao ngất trước mắt, ngọn núi dựng lên hùng vĩ như muốn vươn tới cùng thăm, đỉnh núi nhòa chìm trong tuyết trắng vây bọc như một cái tán khổng lồ, và nói đó là ngọn Đỉnh Trời. Sau đó, chiếc xe dừng lại trước bệnh viện. Đó là một căn nhà sơn trắng nằm ở lưng chừng một sườn đồi thấp. Trái với tưởng tượng, dự đoán của tôi, nó nhỏ bé và im vắng như một tu viện. Không khí cô tịch, cảnh tượng hoang vu của một nơi ít người lui tới.

Một nữ tu sĩ già tiếp tôi ở cửa vào. Kế đó bà đưa tôi đến gặp vị bác sĩ trẻ tuổi ở căn buồng cuối cùng hành lang bệnh viện, vẻ người trầm lặng nhưng không thiếu niềm nở, vị bác sĩ hỏi tôi đến thăm ai. Tôi nói tên chàng. Tôi nói tôi là vợ

chưa cưới của chàng, bức điện tín gửi từ đây báo tin chàng bị thương nặng và tôi đến đây. Vị bác sĩ tỏ vẻ hài lòng, ông nói chính tay ông thảo bức điện tín. Chàng đã yêu cầu ông làm việc đó ngày sau khi chàng tỉnh dậy. Tôi ngỏ ý xin phép được gặp chàng ngay nhưng ông lắc đầu nói hiện chàng đang ngủ say, và giấc ngủ rất cần thiết.

Tôi ngồi xuống ghế và tôi chờ đợi trong khi ông kể qua loa cho nghe về bệnh tình chàng. Khi người ta khiêng chàng đến bệnh viện, chàng mê man đến ngày thứ hai mới tỉnh. Sau đó, chàng lại ngất đi. Người ta tìm thấy chàng ở đáy vực sâu. Chàng ngã xuống đó. Xương sống gãy, một bên đầu đập vào đá tảng, chàng mất nhiều máu. Rất nhiều máu, bác sĩ nhắc lại. Tôi định hỏi ông câu hỏi nung đột tâm trí tôi từ mấy hôm nay, là:

chàng có qua khỏi được không? Nhưng tôi không có can đảm. Chừng bác sĩ cũng đoán thấy điều đó. Ông cho tôi biết bệnh viện đã cứu chữa chàng với tất cả tận tâm và phương tiện đã có. Nhưng bây giờ thì tính mệnh chàng do chính tay chàng nắm giữ, ông không dám tiên đoán kết quả cuộc chiến đấu giữa chàng với tử thần. Ông nhìn đồng hồ nói chắc chàng đã tỉnh dậy. Trước khi đi ra, ông giữ lấy vai tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, khuyên tôi hãy can đảm. Vì, theo lời ông, ông chưa từng thấy ai can đảm như chàng.

o O o

Chàng nằm đó trên chiếc giường sắt nhỏ. Vai, cổ trở xuống chìm lấp dưới lớp chăn đệm, chỉ có cánh tay trái thò ra,

buông thả trên nền vải trắng. Những lớp băng dày quấn nhiều vòng, che kín hết mái tóc, một nửa trán, vòng qua tai xuống cằm chỉ để hở phần giữa của khuôn mặt. Đôi mắt nhắm lại. Hai đường mi mệt nhọc. Gò má sâu trũng hốc hác, làm nổi thêm sống mũi thẳng và cao, cặp môi tái nhợt mở hé. Hơi thở đều và yếu. Tôi cái nhìn khuôn mặt yêu dấu, mà đau yếu không làm mất được những nét vừa cương quyết rắn rỏi, vừa thơ trẻ hồn hậu, khuôn mặt mỗi lần nghiêng xuống gần tôi như mặt trời hào quang rực rỡ, mà không cầm được nước mắt. Tưởng như tất cả những thống khổ nghìn đời cùng kết đọng lại, những mến thương thâm sâu nghìn kiếp cùng dồn đổ về tôi lúc đó. Tôi cố hết sức can đảm: Chàng thường bảo tôi là phải sống phải chết can đảm và kiêu hãnh. Nhưng tôi không cầm giữ được nữa. Nỗi thống khổ như một dòng

sông tràn bờ, toàn thân tôi biến thành một niềm ghen ngào rưng rưng và bật lên thành tiếng khóc.

Tiếng khóc đã làm chàng thức dậy. Một thoáng cử động chìm lặn chạy dưới làn da trên suốt phần khuôn mặt để hở, lông mày nhích lên, cặp môi mím lại, đôi mắt chàng mở ra từ từ.

Tôi có cảm tưởng chàng vẫn tỉnh táo, khối sống nguyên vẹn, rục rở dưới làn vải băng. Chàng đã thấy tôi. “Em đây ư?” Giọng nói yếu nhưng ấm áp, chàng ra hiệu cho tôi lại gần. Tôi cúi xuống hôn nhẹ lên khuôn mặt yêu dấu. Chàng mỉm cười nghịch ngợm, nói rằng lời cầu nguyện của tôi thế là đã thành tựu rồi đấy, chuyến đi này của chàng tất là chuyến đi cuối cùng. Câu nói đùa làm tôi ứa nước mắt. Tôi chỉ mong chàng bình

phục, chàng có thể đi nữa, đi mãi, nếu sự đó là một cần thiết, tôi nói, và những cầu nguyện của tôi chỉ đọc bởi tình yêu, ý muốn ích kỷ chiếm giữ chàng trọn vẹn đây thôi. Nhưng chàng phải sống, tôi cần sức mạnh, sự che chở và tình yêu trời biển của chàng. Vẫn không bỏ được giọng nghịch ngợm, chàng gật đầu:

– Anh sẽ sống vì bác sĩ đã bảo thế. Anh sẽ sống mãi mãi với em.

Sau đó theo lời chàng yêu cầu, tôi kể lại một vài việc chính xảy ra ở làng, về con đường, ngọn suối, sự đổi thay của khí hậu thời tiết, về cha mẹ tôi, trong những ngày chàng đi xa. Tôi cũng không quên kể cho chàng nghe về cuộc hành trình, những người phóng viên, nhiếp ảnh, câu chuyện của họ chung quanh đoàn thám hiểm ngọn Đỉnh Trời. Chàng nghe chăm

chú và điều khiến tôi lạ lùng khó hiểu là suốt câu chuyện tôi kể, chàng chẳng một lần tỏ vẻ buồn rầu, ngượng thẹn bực tức về những điều người ta ám chỉ, riều cợt chàng. Danh từ “người thứ sáu”, “kẻ vô danh” trái lại chỉ làm chàng âu yếm mỉm cười bảo tôi, vẫn với giọng nghịch ngợm cố hữu:

– Kẻ ngã xuống vực chính là anh.

Thấy tôi lặng im, chàng lại nói:

– Em không thất vọng về anh đấy chứ?

Tôi lắc đầu, thiếu thành thực. Chàng nắm lấy tay tôi:

– Em không bao giờ phải thất vọng vì anh về chuyện đó.

Thái độ thư thái, bình tĩnh của chàng sau mỗi chuyến đi, tôi vừa bắt gặp lại. Tưởng như điều quan trọng đối với chàng vẫn chỉ là một giải thoát kiếm tìm trong di chuyển, và kết quả của chuyến đi này, như mọi bận, không đáng kể, chẳng hề bao giờ khiến chàng quan tâm.

Chúng tôi không nói gì nữa. Bệnh viện tĩnh mịch. Tôi nắm chặt lấy tay chàng nghe ngóng không khí êm ả chung quanh, ngoài hành lang đôi khi dội lên tiếng giày người nữ tu sĩ già, tiếng cánh đập một con chim núi bay qua, tiếng sỏi lăn ngoài đầu dốc cho đến khi cúi xuống thì chàng đã lại thiếp đi.

Và chính trong thời gian chàng thiếp đi, tôi đã tìm thấy sự thực về chàng.

Không phải toàn thể – đời chàng vẫn ẩn dấu cái phần bí mật tôi không bao giờ thấu hiểu – nhưng tôi đã khám phá được một phần sự thực. Một mảnh, một phiến sự thực, ở đó đã phơi bày trạng thái tâm hồn kỳ lạ của chàng. Trong ý định thu xếp lại quần áo, đồ đạc của chàng trong cái bạc-đà (hành lý) để góc buồng, tôi tình cờ nhìn thấy một cuốn sổ tay nhỏ nằm dưới đáy.

Một cuốn nhật ký. Lăn giở một vài tờ, bút tích của chàng, những điều chàng ghi trong đó đã kích thích dữ dội trí tò mò của tôi. Tôi mang cuốn nhật ký lại gần cửa sổ. Nó là sự gồm thành theo thứ tự ngày tháng, những điều ghi chép của chàng về chuyện gia nhập đoàn thám hiểm ngọn Đỉnh Trời. Những trang đầu không có gì đặc biệt. Chàng ghi ngày giờ khởi hành từ quê hương, những ngày

lưu trú ở thị trấn miền núi, trường hợp gia nhập đoàn thám hiểm, những sửa soạn trước khi tiến đến ngọn Đỉnh Trời. Cảm tưởng của mỗi độ cao, sau từng đoạn nghỉ. Duy có mấy trang cuối cùng là đột ngột. Chúng gây xúc động trong tôi như một ý niệm kỳ lạ, một khám phá bất ngờ kinh dị. Những trang ghi những giờ phút cuối cùng của chàng trên ngọn Đỉnh Trời. Và đây là những giòng chữ đã được chàng ghi lại trên thượng đỉnh:

“...7895 thước trên mặt biển. Thời tiết: 28 dưới không độ. Lạnh khủng khiếp. Giòng già bảy ngày leo núi, ngày đi đêm nghỉ, sau một trận bão tuyết khiến chúng tôi phải ẩn nấu trọn một ngày ở khoảng 5.500 thước, chúng tôi đã lên gần tới ngọn Đỉnh Trời. Gần lắm. 100 thước 200 thước gì đó. Nhưng đã rất gần. Đoạn đường cuối cùng này là một

khoảng dốc thoải thoải rất rộng, không còn trở lực đáng kể, và có thể coi từ đây như chính sự chinh phục ngọn Đỉnh Trời này là một điều chắc chắn. Tôi đứng lặng người nhìn lên đỉnh núi. Nó gần quá, ngay trước tầm mắt chúng tôi và cái đích xa thăm thẳm của ngọn đỉnh mơ tưởng từ khởi đầu chuyển đi lên, cái đích ấy bây giờ gần gũi, ngày kia, đột nhiên gây cho tôi một cảm giác kỳ quái. Lần thám hiểm cái vực sâu gần 2.000 thước dưới lòng đất ở vùng núi đá Mỹ Châu, khi gần tới đáy huyết, tôi đã có cảm giác kỳ quái này. Nhưng không rõ rệt, mãnh liệt bằng lần này. Cảm giác kỳ quái vì là một sự thất vọng. Phải, thất vọng. Đúng thế, tôi đã thất vọng. Thất vọng một cách kinh khủng. Đúng là như thế đó. Cái đỉnh bí mật ẩn kín từ khai thiên lập địa trong mây tuyết và không gian, vượt khỏi nhỡn giới loài người như một niềm

kiêu hãnh tuyệt đối của thiên nhiên, tôi nhìn nó, thấy nó không còn kiêu hãnh. Sự tầm thường, vẻ cúi đầu thần phục của nó làm tôi thất vọng. Tôi thấy ghét nó, ghét lạ lòng Ngọn Đỉnh Trời cao ngất, ghê gớm, huyền bí, khủng khiếp, bí mật như một thách đố chỉ có thể này thôi ư, chỉ là thế đó thôi ư ? Tôi muốn nó phản ứng lại. Tôi muốn thấy nó trong một vườn mình huyền diệu vụt tới đỉnh mây cho không bao giờ chúng tôi đuổi bắt được nó. Nhưng nó đứng đó nặng nề, trơ trẽn, tầm thường, hàng phục. Nặng nề. Trơ trẽn. Tầm thường. Thần phục. Và đê hèn.

Mấy người cùng đoàn với tôi chắc không nghĩ như tôi đâu. Nhìn họ đủ biết. Vừa gỡ bạc đà (hành lý), dụng cụ xuống mặt tuyết – chúng tôi đứng trên một khoảng phòng nhỏ nhô khỏi triển

núi như một cánh tay trần giữa thiên nhiên – họ đã ôm choàng lấy nhau, hò hét điên cuồng với tất cả sức mạnh của lồng ngực. Tôi đứng lặng, chứng kiến nỗi vui sướng vô biên của họ mà lòng tôi thì dừng dừng. Họ đã đạt tới đích, họ mãn nguyện nhưng tôi thì không. Tôi thấy họ tầm thường. Những kẻ đã tới đích đều tầm thường, những cái đã đạt được đều tầm thường, tôi thấy thế. Chắc họ cho tôi điên. Họ bỏ nhau ra, họ ôm lấy tôi, họ bỏ tôi ra, họ ôm lấy nhau, họ nhẩy căng lên như những đứa con nít. Tôi không hiểu được. Tôi hoàn toàn ở ngoài niềm vui sướng của họ. Và họ thì đã bàn tán ồn ào đến cái thành tích vĩ đại sẽ được đón nhận thế nào ở thế giới dưới kia, trong khi tôi nhìn lên, sự cao cả không còn đối tượng nào nữa là vòm trời, là vũ trụ xanh thẳm.

Tôi muốn ngã vào vũ trụ, vào cái biển trời vô cùng vô tận. Tôi muốn tan đi trong ấy. Rồi một cái chết rộng lớn nào đó chiếm cứ dần mãi phần cùng thẳm của linh hồn tôi, cái chết của một niềm khát khác không thoả mãn, những lượng máu không gian không còn nữa, và con người thì trở về những kích thước tầm thường tù ngục. Suốt một tuần leo núi lên, qua những vực núi sâu thẳm, những tường đá dốc ngược, những mỏm đá nhọn hoắt, người tôi bùng bùng một niềm đam mê mãnh liệt, cái sức sống đầy tới không ngừng, bây giờ cái sức sống ấy như tan biến, như trút khỏi cơ thể tôi và tôi mệt nhọc muốn ngã xuống, ngã xuống dưới ấy. Ngọn Đỉnh Trời khốn nạn, thảm thương đứng đó như một đứa con gái thất thế chờ phút ô nhục cuối cùng. Trong tôi bỗng nảy ra niềm ước muốn kỳ quái: mọi người chúng ta

cùng ngã xuống vực, cùng chết một lượt, cho không ai lên tới được nó. Cho nó vẫn được là một thần tượng, một cái gì không bao giờ đạt được. Cho nó vẫn là một bí mật. Một tuyệt đối. Một sự thật. Nhưng đoạn đường chỉ còn trên dưới 100 thước, và không có chướng ngại nào nữa. Thế nào họ cũng leo tới nó. Không thể tránh được. Rồi tôi lại có cảm giác kỳ lạ là sự thất thế của ngọn Đỉnh Trời cũng là sự thất thế của chính tôi. Nó là tôi. Niềm thất vọng của nó chính là niềm thất vọng của tôi. Khi mọi người đứng dậy sửa soạn lên đỉnh là lúc tôi đã quyết định. Tôi quyết định ở lại. Họ kinh ngạc nhìn tôi. Họ bỏ tôi ở đây và bắt đầu leo lên.

Tôi không nhìn họ nữa. Tôi nhìn xuống cái vực sâu hút dưới kia, ngay dưới chân tôi. Cái vực cuốn hút tôi như một

chiều cao mới, một cái đích mới, một cái đỉnh mới, tôi muốn ném thân thể, linh hồn vào đó. Tôi nghĩ rằng con đường về của tôi phải là bằng cách đó. Vào vô tận. Như một giọt sao rơi. Khi mà sự hướng thượng không còn vô tận.

Chàng tắt thở nửa giờ sau khi tôi đọc đến giòng chữ cuối cùng của tập nhật ký. Những trang cuối cùng này đến với tôi như những tờ di chúc, chàng tự ký thác lại. Trước khi về. Chàng ngã xuống vực hay chàng tự ý đi vào cái chiều cao mới ấy, tôi không bao giờ được biết. Trái đất này nhỏ quá, cuộc sống này nhỏ quá với tâm hồn chàng? Tôi không bao giờ được biết. Chàng trở về với tổ tiên chàng trên những vùng biển lạnh hoang vu có sương mù để khởi những cuộc hành trình đến những bến bờ xa lạ khác? Tôi không bao giờ biết được. Lúc lâm chung chàng

tỉnh dậy. Chàng ra hiệu cho tôi mở cửa sổ. Chàng nằm nghiêng mình trên cánh tay tôi mà nhìn ra ngọn Đỉnh Trời. Ngọn núi bây giờ phủ kín dưới làn tuyết trắng, đỉnh núi lẫn vào biển mây. Tôi cúi xuống tôi nhìn vào đôi mắt của chàng. Đôi mắt sâu thẳm bao lần bất chợt cháy lên cái ánh lửa dị thường như một niềm khát khao và kiếm tìm vời vợi, đôi mắt ấy chỉ còn là một niềm mơ màng yên tĩnh như hai cánh cửa vừa mở rộng vào một thế giới vô tận nào, bát ngát nghìn vạn lần hơn cái thế giới này, mà tôi không nhìn thấy. Cái thế giới của chàng. Quê hương chàng. Nguồn gốc, khởi điểm, trạm nghỉ cuối cùng cuộc hành trình gió bão của đời chàng. Tôi đỡ chàng trên tay và chàng nhìn ra ngọn Đỉnh Trời như thế cho đến khi chàng trở mình quay lại. Chàng vòng tay ôm lấy người tôi. Chàng mỉm cười âu yếm ngó tôi. Đôi mắt chàng từ từ khép

lại. Chàng úp mặt vào vai tôi và tắt thở.

Vị bác sĩ và người tu sĩ già giúp tôi trong việc chôn cất chàng trong cái nghĩa địa dưới chân ngọn đồi bệnh viện. Tâm hồn yên tĩnh, chàng nằm đó, đầu hướng về ngọn núi Đỉnh Trời, và tôi có cảm tưởng như chàng và ngọn núi, hai tâm hồn cao lớn ấy sẽ kết bạn và sẽ kính trọng nhau muôn đời qua không gian. Chàng nằm đây mà chính là chàng nằm trên đó, trên cái đỉnh cao ngời ngời tuyết băng bao phủ cũng kỳ lạ như con đường chàng đến, chàng đi, kỳ lạ như sự có mặt, sự mất đi, như định mệnh của đời chàng. Tôi rời khỏi bệnh viện, cái thị trấn miền núi đang từng bừng tiếp rước đoàn người chiến thắng, vào buổi sớm hôm sau. Nắng đã lên và tuyết bắt đầu tan trong thung lũng.

Khi vị bác sĩ tiễn tôi ra xe, ông an ủi tôi. Nhưng tôi chắc con người thấu hiểu đến từng tế bào, từng mạch máu, từng đường dây thần kinh trong cơ thể, con người này cũng không thể nào thấu hiểu được sự đổi khác lớn lao đã đến với tâm hồn tôi. Chàng chết đi, tôi lại thấy bớt cô đơn hơn khi chàng còn sống, gần chàng muôn nghìn lần hơn khi chàng ở bên tôi. Chàng chết rồi, nhưng chàng đã ở trong tôi. Tôi biết tôi sẽ khởi một cuộc sống mới từ đây, không bằng những bóng hình kỷ niệm chàng để lại mà bằng sự hiện hữu thường trực của chàng.

LUÂN

Xôi vui mừng vỡ òa trong tôi phút đó khi đã nhận ra Luân, Luân trên kia, Luân đứng đó, bắt tôi phải chạy bay lên mới đúng. Nhưng trước bấy nhiêu con mắt cùng chăm chú ngó xuống người lạ mặt như một cái đích, họ chưa nhận ra ai, tự nhiên tôi thấy ngượng, ngượng đến nổi nóng bừng cả mặt mũi. Tôi định thần. Tôi cố trấn tĩnh lại. Tôi tháo khỏi lưng cái bạc-đà đã ướt đầm mồ hôi, và xách nó lửng lảng trong tay, tôi thông thả đi lên. Vợ chồng

cụ Chánh, thằng Tạo, anh chị Mùi đứng đó, thành một hàng dài. Những cái bóng nắng chiều làm nghiêng đi, nổi bật lên cái nền xanh thẫm trùng điệp của núi rừng Nông Cống. Xa hơn một chút, lùi về phía sau một chút, in hằn lên nền trời: Luân.

Tôi thầm cảm ơn bà cụ bán hàng tôi gặp ngoài đường lớn. Không có cái ngón tay chỉ đường quý báu của bà cụ, tôi đã tiến sâu mãi vào phía núi biếc, tôi đã không tạt vào con đường nhỏ, tôi đã không đến đứng dưới chân ngọn đồi này, tôi đã trở về căn nhà lạnh lẽo của cơ quan, phía bên kia sông Mã. Tôi đã không bao giờ, không bao giờ nữa, gặp lại được Luân. Đất rừng mới đốt rẫy, cỏ chất từng đồng lớn vàng cháy giữa những thân cây bị đào bật lên, còn cả gốc rễ và những cành lá tươi. Một lối đi nhỏ của

chân người dẫm lên, còn mới.

Đến lưng đồi, tôi đứng lại. Thằng Tạo nhận ra tôi trước nhất. Nó lập tức chạy bay xuống, vừa chạy vừa ngoái cổ lại la lớn: «Anh Trí, anh Trí». Tôi chỉ kịp đỡ cái đà người nó đâm xâm vào mình. Thằng Tạo nắm chặt lấy cổ tay tôi, kéo tôi lên, miệng vẫn la lớn: “Anh Trí, anh Trí”. Rồi tất cả mọi người đều nhận ra tôi, và, trừ Luân, đều reo lên “Anh Trí, anh Trí”. Tôi cười nhưng trông mắt đã rưng rưng.

Cuộc chiến tranh lâu dài với những khổ đau chồng chất nếu có gỡ lại được một phần nào, cái phần khiến con người còn chịu đựng được cái tác động hủy phá ghê khiếp của nó, là ở cái nét đẹp ánh lên của những phút gặp lại ghen ngào và tủi mừng đến ứa nước mắt như vậy đó. Người ta xa nhau, không nhìn thấy

nhau sau bức tường lửa đạn. Tưởng rằng đã chết, đã mất. Thấy nhau bất ngờ như thấy kẻ đã chết rồi lại vừa sống lại. Tôi chào mọi người, trao bạc–đà cho thằng Tạo. Nó đón lấy và khệ nệ đi lên đỉnh đồi. Cả gia đình cụ Chánh đứng vây lấy tôi, mỗi người, trừ Luân, hỏi tôi một câu. Cụ Chánh nói với cụ bà tôi đen và gầy đi nhiều. Chị Mùi hỏi tôi từ đâu đến, sao biết gia đình chị ở đây, anh Mùi hỏi tôi bây giờ làm gì. Duy có Luân từ lúc thấy tôi là không nói một lời nào. Luân đứng đó, hai tay buông thẳng, chân như chôn chặt xuống đất, đôi mắt đen láy mở to trên khuôn mặt nửa như muốn cười, nửa như muốn khóc của Luân. Thái độ yên lặng, chỉ có tôi hiểu, làm lầm mọi người. Chị Mùi thì bảo Luân:

– Anh Trí đấy mà!

Cụ Chánh thì bảo tôi:

– Em Luân, cậu Trí nhớ không?

Tôi đáp: – Có nhớ ạ.

Và lách mọi người tôi đi lại phía Luân. Tôi nhìn cái khuôn mặt nửa muốn cười nửa muốn khóc của Luân mà sự kinh ngạc còn in lên gần như một niềm đau đớn. Tôi muốn nâng hai tay đỡ lấy khuôn mặt ấy, mười ngón tay tôi cười lấy hai gò má ấy, tôi muốn ôm chặt lấy Luân, ôm thật chặt cái thân thể yếu đuối, tôi muốn hôn vào đôi mắt kinh ngạc, tôi muốn nói với Luân một hơi, không ngừng, một câu nói thật dài, không bao giờ hết. Tôi muốn nói với Luân, đau xót và thành thật nói, câu nói tôi muốn gửi không riêng gì cho Luân mà cho tất cả những người thiếu nữ Việt Nam, qua hình ảnh Luân lúc đó.

Những người thiếu nữ xấu số của một đất nước hiền hậu như họ không bao giờ thích hợp với một không khí chiến thời nào.

Tôi muốn bảo Luân, tôi muốn bảo Luân. Anh xót thương em những đêm dài trong núi, dưới mái nhà sàn cơ quan, trên những con đường hầm hố vết thương, những xóm làng hủy phá, trên những thềm nhà cỏ hoang phủ kín, trên những vì tường đổ gục, trên những thân cây chặt đứt, qua những chân cầu đổ nghiêng, trong hầm trú ẩn máy bay. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em đêm già từ Hà Nội ra đi, nhìn về Hà Nội cái rừng lửa cháy, buổi chiều đứng trên con đê Hồng Hà, buổi trưa về thăm lại Hưng Yên, buổi ra đi bãi ấy còn xanh biếc ngô non, buổi về chỉ thấy mênh mông phù sa kín nhòa bãi cũ. Tôi muốn bảo Luân,

anh xót thương em trên những đầu ngón chân anh đi, cái hình ảnh xót thương lăn theo sỏi đá dọc đường, nằm trên từng cột cây số từng nền lũy tre xanh, chảy theo mặt nước lúc xuống đò qua sông, khuôn theo lòng đường lúc xuống đò lên bộ, từng buổi sớm xuống suối rửa mặt, cái hình ảnh xót thương trong veo trên nền sỏi trắng, từng buổi chiều không biết đi đâu, cái hình ảnh xót thương bát ngát đầy chiều.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vệt lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bỏ núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thăm, khi tin yêu sáng chói mặt

trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm.

Nhưng tôi không nói được một lời nào. Tôi cũng đứng sững đó trong nỗi xúc động mãnh liệt chưa từng cảm thấy. Tôi đứng sững đó, tối đang sống một trong những phút giây xúc động nhất của đời tôi, tôi tưởng đã chết rồi những niềm xúc động. Khuôn mặt yêu dấu của Luân cứ lớn dần, lớn dần, như khởi đầu là một phiến trời thật nhỏ sau một khung cửa hẹp, một hẻm núi, bây giờ ra ngoài khung cửa, đi khỏi hẻm núi cái phiến trời nhỏ đã lớn thành cả một vùng mênh mông, tôi ngẩng nhìn nỗi vui mừng của tôi mênh mông trong đó.

Rồi đáy mắt Luân thoáng lên một

ánh lửa. Tôi nhận cái ánh lửa ấy như một tiếng chào thăm, một sự đáp lại yên lặng. Luân nhìn tôi như thế, đoạn Luân cúi đầu xuống và quay gót đi trở lên.

Chúng tôi lên theo. Căn nhà lớn dựng trên đỉnh đồi trọc nhìn xuống một căn thứ hai, phía tay trái, nhỏ hơn, tôi đoán là nhà bếp. Cả hai cùng mới cất. Mái lá tươi nằm trên những cột nhà là những thân cây rừng. Tường vách là những tấm phen đan hình mắt cáo, nhiều tấm còn chưa trát đất. Thằng Tạo bung lại cho tôi một bát nước chè tươi nóng. Anh Mùi quán cho tôi một điều thuốc lấy ra ở một cồng sành nhỏ dưới gầm giường, điều thứ hai anh cuộn cho cụ Chánh, điều thứ ba cho anh. Chúng tôi cùng châm lửa và thở ra những đợt khói tan bay mau chóng trong gió rừng buổi chiều lồng lộng thổi qua.

Vẫn xa hơn mọi người một chút, vẫn thái độ yên lặng, Luân ngồi yên trên một góc giường giữa cái vui vẻ ồn ào của mọi người, như đắm chìm vào một suy nghĩ riêng tư thâm kín. Lúc tôi trả lời cụ Chánh là trên đường đi tìm địa điểm an toàn cho cơ quan tôi tình cờ qua đây, Luân đột nhiên đứng dậy đi ra. Tôi nhìn theo Luân đi khuất về phía căn nhà bếp. Mọi người, trừ tôi hình như không ai để ý đến sự bỏ đi bất thành linh của Luân, đã mỗi người một câu kể lại cho tôi nghe về những lần di chuyển gian khổ, những ngày tháng lênh đênh điêu linh kể từ ngày tản cư khỏi thị xã Hưng Yên, về vùng Ân Thi, rồi từ Ân Thi sang Đồng Năm, Cống Thần, Hồng Phú, qua Liên Khu Ba vào Thanh Hóa, chợ Rừng Thông, phủ Thiệu Hóa, với hình ảnh những căn nhà mới dựng lên chưa ấm hơi người đã bị bom đạn đốt cháy tan tành ở những thị trấn

năm ấy, khiến cho gia đình cụ Chánh – chạy trốn lửa đạn đuổi theo, đánh xuống như một kẻ thù dai dẳng – cố tìm cho được một đất sống thực an toàn đã phải tìm đến khoảng đồi trọc giữa vùng núi rừng hoang vu này.

Kiểm điểm lại đoạn đường dài với những đổi thay không ngừng, cụ Chánh đã mỉm cười chỉ cho tôi gian nhà trống không ngoài mấy chiếc tay nải để trên hai chiếc giường gỗ và nói cả cơ nghiệp của gia đình cụ, mỗi lần di chuyển như vậy, mất đi, bỏ lại, bây giờ chỉ còn có thể. Cũng may là còn được mạnh khỏe cả và còn những bàn tay làm lụng được.

Tôi cảm động nhìn bàn tay gầy yếu của cụ Chánh, và liên tưởng đến một bàn tay khác, với những ngón tôi nhớ rất dài rất thon, bàn tay của Luân. Ngày xưa

tôi đã ngắm nhìn bao lần không chán mắt những cái ngón trắng muốt khi xòe mở khi thu lại, hình nét đều mềm mại như một bông hoa. Tôi giật mình tưởng như cụ Chánh đoán được ý nghĩ tôi. Cụ nói gia đình cụ bây giờ – kể cả thằng Tạo người nào cũng đã quen lắm với những công việc cực nhọc cắt nhà, chặt cây, phát cỏ, đốt rẫy, làm đất rừng. Cụ nói:

– Anh ở lại đây sáng mai sẽ thấy cả nhà chúng tôi, già trẻ lớn bé kéo nhau ra làm đất rẫy. Bây giờ biến thành nông dân cả rồi. Em Luân nữa, nó cũng cấy bừa giỏi ra phết rồi đấy cậu Trí nhé.

Hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lười cấy trên nền đất rừng cần cỗi, khiến tôi xót xa nghĩ đến hình ảnh Luân ngày trước.

Bấy giờ là vào khoảng giữa năm 1945. Cuộc đảo chính Nhật vừa kết liễu. Bắt đầu những trận mưa bom của phi cơ đồng minh. Chúng tôi theo trường tản cư về thị xã Hưng Yên. Và quen Luân ở đó. Chúng tôi, vì là ba người: Phạm, Trường và tôi do một sự tình cờ đã đến trọ học cùng nhà một bà cụ già: cụ Lý Bằng. Luân là cháu gái cụ Lý. Cùng một phố, hai nhà ở cách nhau khá xa nhưng vì thị xã hồi đó thiếu nước, chúng tôi hằng ngày gặp Luân. Ấy là những buổi sáng, mùa hè thật sớm, mùa đông muộn hơn một chút, nhưng sáng nào trở dậy là chúng tôi đã thấy Luân cắp một cái rổ quần áo cao có ngọn sang giặt ở cái ao rộng phía sau nhà cụ Lý. Bờ ao sát liền với ruộng học – tường là những tấm liếp mỏng – khiến cứ nằm ở giường nhìn ra chúng tôi cũng ngó thấy Luân thấp thoáng ở ngoài hàng rào xương rồng đầu

cổng, Luân đi qua vườn, Luân tiến lại phía bờ ao.

Hình ảnh mà tôi còn giữ được ở những buổi sáng lâu dần đã là những buổi sáng đợi chờ ấy, của Luân là một mái tóc phủ kín vai kín lưng, mặt nước xao động sóng sánh, những cánh bèo Nhật Bản dạt rộng thành một vòng tròn chung quanh cái cầu tre mỏng manh, tiếng rữ tiếng đập, tiếng nước đổ ào ào trong yên lặng mát trong, và những cái bọt xà phòng trắng xộp trôi đầy mặt nước. Qua thời gian làm quen khởi đầu ngây ngô, tức cười, ở Luân là những lắc đầu, những nụ cười muốn dấu, một vẻ sợ hãi luống cuống rất đáng yêu, ở chúng tôi là những câu thả tình bóng gió, băng quơ, những thăm dò ý tứ một cách hóm hỉnh vụng dại, những phút đứng cạnh bờ ao hàng giờ mà không biết làm gì hơn

là bút những cánh lá trên đầu Luân thả đầy mặt nước, những hẹn hò vu vơ lúc Luân đã giặt xong đứng dậy, chúng tôi quen nhau.

Cho đến bây giờ, tôi không có đủ bằng chứng để quyết đoán chắc chắn – chưa từng ai hỏi ai điều đó – tôi vẫn nghĩ rằng cả ba chúng tôi đều yêu Luân, Phạm yêu Luân, Trương yêu Luân và tôi cũng vậy. Cùng yêu và điều buồn cười, nhưng đúng, cùng yêu như nhau. Tình cảm của mỗi người đối với Luân có thể khác biệt trong phần tâm tưởng thâm kín, nhưng ở những biểu tỏ thì có thể nói là đồng đều. Tình yêu chung gửi cho một người này nếu không gây những va chạm, những tổn thương đáng tiếc cho tình bằng hữu chúng tôi suốt thời gian đó, một phần do sự đồng đều này. Cả ba như cùng ước hẹn ngầm: nên đứng đó, đừng ai đi xa

hơn. Một phần, và cũng là nguyên nhân chính, tình yêu của chúng tôi thuở đó, như tuổi, như lối sống, cũng lãng mạn, hồn nhiên, cũng mát trong như tâm hồn mỗi đứa chúng tôi lúc bấy giờ.

Yêu một người cũng như yêu cảnh vật, một đêm trăng, một ngày mưa, một buổi chiều có nắng đẹp, một bông hoa cùng ngó thấy một buổi sớm trong vườn, không ai tính đến chuyện ngắt bông hoa vì lòng còn ngây ngất. Yêu như yêu một hình ảnh, yêu như yêu thiên nhiên, tạo vật, cuộc đời. Yêu như yêu chính cái bản thân mình. Tình yêu ấy lúc đó và về sau, chẳng những đã không gây những tiếc hận mất mát cho ai mà mỗi người đều cảm thấy ở mình như nó lớn gấp ba lần, nó cộng tâm hồn mình với tâm hồn hai thằng bạn thân làm một.

Đối với Luân, cũng không có chuyện lựa chọn khó xử, Luân nhận cả, Luân không nghiêng về phía nào. Không nhận riêng một tình yêu nào hết, Luân sung sướng nhận lấy cái không khí yêu thương. Hoặc nếu có sự lựa chọn rồi của Luân trong thâm tâm, chúng tôi không biết. Chỉ biết những thời gian sau thân mật hơn, những việc đáng lẽ chỉ có ý nghĩa vì thầm kín riêng tư: tặng một kỷ niệm, viết một lá thư, hẹn một buổi tối gặp mặt, chúng tôi cũng bàn với nhau, có thỏa thuận mới tặng mới gửi. Tôi cảm động nhớ lại cái thế giới đẹp, một vẻ đẹp hoang đường những năm tháng ấy. Cuộc sống thân tiên. Sách vở bạn bè. Luân ở giữa chúng tôi.

Từ một người bạn nhỏ, một cô gái lảng giềng đến người thiếu nữ của mỗi tình thơ mộng thú nhất đầy vẻ bờ ngõ,

khám phá như cái ý thức đầu tiên mở vào cuộc sống. Tâm hồn ấy thiên thần tạo nên cuộc sống ấy thiên đường. Nỗi buồn ghê gớm nhất cũng chỉ là niềm băng khuâng, nỗi nhớ nhung cũng là lửa ấm, cả cái bối cảnh âm u của một thời chiến bắt đầu bén lửa cũng không chạm được vào cái thế giới thần tiên.

Mấy tháng về sau, khi cụ Chánh đau nặng, Luân phải đi chợ xa thay mẹ, chúng tôi thường chiều chiều kéo nhau ra khỏi thị xã lên trên con đê cao đầu làng Mậu Dương đón Luân gánh hàng từ phía Tân Châu về. Vượt qua con sông Hồng mênh mông lúc đó đã đỏ thẫm ráng chiều, cái bóng nhỏ bé của Luân khi hiện ra ở đầu con đê cao vẫn có cái tác động màu nhiệm đổi thay cảnh vật, làm tươi sáng cả một vùng hoàng hôn bát ngát đang thấm vào tâm hồn dễ xúc động của chúng tôi.

Luân đến, đặt gánh hàng xuống, thở ra, thường vẫn cau mặt trách chúng tôi “đón đường” như thế. Nhưng trong cái cau mặt rất đáng yêu có thoáng lên một ánh sung sướng. Nhiều lần, nghịch ngợm, Luân chịu để cho chúng tôi thay nhau gánh đỡ gánh hàng nặng một đoạn đường. Những đoạn ngắn chỉ dăm bảy bước. Chúng tôi không quen, đau vai, đã hạ vội cái đòn gánh xuống. Và Luân lại được dịp cười phá lên và chế “cái vai học trò của các anh”.

Con mắt yêu thương của chúng tôi, trước sau đều nhìn thấy bất cứ cái gì ở Luân cũng hay cũng đẹp. Riêng tôi, đẹp nhất là cái tiếng nói. Chỉ là âm thanh mà nghe thành hình ảnh. Tiếng nói mỗi khi nghe thấy, nhớ tới thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những

thảm cỏ mượt những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận.

Tiếng nói có một ấn tượng vui ấm tương tự như khi đi một mình trên cánh đồng mưa tối chợt bước vào một đầu phố, một thôn xóm có ánh sáng, có người ở, có tiếng cười, có sự sống chung quanh. Tôi vẫn nghĩ tâm hồn Luân phải trong đẹp lắm Luân mới có tiếng nói thủy tinh trong suốt như vậy. Tiếng nói tựa như cái toàn thể hiển hậu của một khuôn mặt hiền hậu, nhìn vào tâm hồn kẻ nhìn cũng hiền hậu theo. Nó tác động mãnh liệt trong tôi đến nỗi đã có nhiều buổi tối tôi đã rủ Phạm rủ Trương cùng lên nằm ở căn gác trọ một người bạn cùng lớp – hẳn ở sát nhà Luân – và qua một khung cửa khói bốc lên làm chảy nước

mắt, chúng tôi đã chụm đầu hàng giờ lắng nghe tiếng Luân cười, nói từ dưới bếp nhà Luân vọng lên.

Nỗi thích thú không bao giờ tìm lại được đã khiến tôi về sau thường nghi ngờ cái khiếu thẩm âm của mình trước bất cứ một tiếng hát một điệu nhạc nào. Vọng lại từ quá khứ, hình ảnh Luân có thể sẽ nhòa mờ dần, nhưng tiếng nói của Luân cất lên từ những ngày đẹp cũ, âm thanh huyền hoặc của nó còn nguyên vẹn trong đầu óc tôi. Về sau, rời bỏ Hưng Yên, ở những lá thư dài viết cho Phạm cho Trường, tôi nhớ vẫn nói với bạn về cái tiếng nói của âm thanh và hình ảnh. Tiếng nói ấy suốt đời tôi vẫn còn nghe thấy.

Cụ Chánh kể chuyện gia đình cụ, tôi thuật lại đời sống mấy năm tản cư kháng chiến của tôi và đêm rừng bên ngoài tự bao giờ đã xuống. Chị Mùi đứng lên mắc màn, cụ Chánh mời tôi đi ngủ. Tôi nói tôi chưa buồn ngủ và đứng dậy. Ý chừng cụ Chánh đoán được ý tôi:

– Thế anh ra ngoài một lát cho thoáng rồi vào đi ngủ kéo muộn. Chắc em Luân nó còn dưới bếp.

Tôi châm một điếu thuốc trong khoảng tối đen hoa mắt và lần bước về phía căn nhà bếp thấp thoáng ánh lửa hắt lên. Một tấm khăn trắng bịt kín đầu cho bụi cám khỏi vướng vào mái tóc, một cái áo bông đen phủ lên vai – đêm rừng lạnh buốt – Luân ngồi sàng gạo dưới ánh lửa. Tôi đứng lại. Tôi nhìn như thu vào hồn hình ảnh Luân lúc đó, lòng tay

Luân nắm chắc mép sàng, những ngón tay xòe mở mềm mại, dáng ngồi nghiêng nghiêng, bờ vai rung nhẹ theo nhịp sàng, và những hạt gạo trắng muốt lọt sàng rơi rào rào xuống cái yên tĩnh huyền bí của đêm núi rừng. Cho tới khi cảm thấy sự có mặt của tôi, Luân ngừng đầu lên. Đôi mắt thật buồn của Luân bắt gặp cái nhìn không giấu được cảm động của tôi. Luân ngừng tay sàng trong một giây ngắn rồi lại sàng tiếp. Tiếng nói nhỏ chỉ vừa đủ nghe thấy:

– Anh ngồi xuống đây, anh Trí.

Tôi ngồi xuống trước mặt Luân. Một khoảng yên lặng tôi đoán sao rừng chắc đang sáng nhiều vô kể – rồi Luân cất tiếng:

– Anh nói đi tìm địa điểm cơ quan, anh nói dối thầy em, phải không?

Tôi gật đầu:

– Anh biết Luân ở đây, anh lên tìm Luân.

Câu trả lời hình như không làm Luân sung sướng. Mà trái lại. Khuôn mặt buồn, đều tay sàng với một giọng nói cố làm thản nhiên:

– Anh sắp đi khỏi nơi này. Anh sắp về Hà Nội phải không?

Tôi kinh ngạc về cái dự định thâm kín bị Luân đoán trúng tuy đã định sẽ kể hết cho Luân nghe chuyện tôi sắp bỏ đi xa, cuộc khởi hành sắp tới là nguyên nhân chính khiến tôi đã đi bộ suốt hai ngày đường để gặp lại Luân lần cuối cùng. Tôi cúi đầu xuống trước viễn tượng một chuyến đi tự nhiên trở nên buồn thảm lạ lùng. Đúng đấy em ạ! Người đàn bà

đưa đường cho anh đã nằm chờ sẵn ở một địa điểm bí mật gần giới tuyến. Trên đường sang đây tìm em, anh đã ném một hòn đá xuống dòng sông Mã, một hòn nữa xuống dòng sông Chu như những dấu hiệu vĩnh biệt, và sớm mai khi rời bỏ ngọn đồi này đi xuống anh sẽ đi những bước đầu tiên trên con đường trở về một thứ đất nước và thế giới bên kia.

Anh biết em ở đây, trước khi bỏ đi anh không thể không tìm gặp lại em một lần sau cùng. Gặp lại cho Phạm. Cho Trương. Cho em. Cho chúng mình. Cho một cái gì đã mất. Cho cái thế giới thần tiên, cái thiên đường lộng lẫy. Cho những buổi chiều của chúng ta trên con đê xưa, những buổi sáng của chúng ta trong căn vườn cũ. Cho cái vốn kỷ niệm cần thiết của một đời người khi tới lúc không thể sống bằng kỷ niệm. Cho những ảo

tưởng thực hơn nghìn lần sự thực. Cho những sự thực đã thành ảo tưởng. Cho sự chấm dứt của những năm tháng bình yên. Cho sự khởi đầu của những tháng năm đau đớn. Anh muốn khởi một cuộc hành hương trở về tuổi ấy, cái tuổi trắng tuổi sao trong máu trong tim, cái tuổi con bướm bông hoa ngoài đồng nội. Khi ngày mai đã là một đổi khác lớn lao, anh muốn về với lá thư, tấm hình, nỗi nhớ thương, niềm băng khuâng, cái thế giới ảo tưởng, những rung động khởi đầu, tình yêu thứ nhất.

Nhưng tôi không thể trả lời mà hỏi:

– Sao Luân biết anh về Hà Nội?

Luân đặt sàng xuống, lấy tay vun gạo thành một đồng lớn, san phẳng rồi lại vun lên.

– Em biết anh sẽ rời bỏ nơi này ngay từ lúc trông thấy anh đột ngột hiện ra ở dưới chân đồi. Người xa lạ em còn biết, nữa là anh. Người đi xa có trở lại, người đi không về, em đều biết trước. Có lẽ vì mấy năm nay em nhìn thấy nhiều quá những cảnh kẻ ở người đi như thế.

Con mắt Luân gửi vào một khoảng không, tiếng nói chỉ còn là hơi thở:

– Các anh đi và các anh không trở lại.

Tôi cảm thấy một buốt lạnh toàn thân, còn buốt lạnh hơn đêm rừng vây quanh khi Luân nói tiếp:

– Em cũng không bao giờ gặp lại anh nữa đâu. Gặp anh lần này là lần cuối cùng đấy, anh Trí.

Câu nói đượm một vẻ chịu đựng nhẫn nhục. Một thứ cúi đầu trước định mệnh. Tôi không tìm được ý tưởng chống lại nó. Chính tôi cũng cảm thấy như vậy. Lần cuối cùng. Hình ảnh của chia cách vĩnh viễn vây lấy chúng tôi. Khoảng tối đen khủng khiếp mở ngay từ chỗ này như đêm rừng trước mặt.

Luân lắc đầu như muốn đuổi đi hình ảnh đó. Luân đẩy cái sàng về phía tôi:

– Sàng hộ em một tay.

Tôi đỡ lấy chiếc sàng nhưng không biết cách, làm gạo văng tung tóe khắp chung quanh khiến Luân bật cười.

– Các anh vẫn thế, chẳng được cái tích sự gì hết.

Rồi Luân hỏi tôi còn nhớ không,

những buổi chiều ngày xưa trên con đê Hưng Yên, chúng tôi tranh nhau gánh hàng cho Luân chưa được mấy bước đã bỏ vội đòn gánh xuống, những buổi sáng ở cầu ao nhà cụ Lý đòi giặt hộ Luân, đánh rơi cả quần áo, bàn chải, xà phòng xuống nước. Nhưng một vài kỷ niệm ngộ nghĩnh vừa nhắc lại chỉ gây được cho Luân và tôi một nỗi vui ngắn. Nét buồn đã trở lại khuôn mặt khi Luân hỏi tôi về Phạm về Trương. Tôi cho Luân biết Phạm đã chết, thân thể tan nát trong một cuộc oanh tạc ngay trên mảnh đất quê hương của Phạm, và tin cuối cùng tôi nhận được của Trương cách đây đã hai năm là Trương sống vất vưởng bệnh tật tại một vùng nước độc gần biên giới.

Chỉ còn nghe thấy tiếng Luân nói:

– Tội nghiệp cho các anh.

Lửa bếp tự một lúc nào leo lét vừa tắt hẳn. Chỉ còn điểm sáng nhỏ của điều thuốc cháy dở. Một tiếng tàn than nổ gọn trong bóng tối. Chúng tôi ngồi đối diện mà không trông thấy nhau như thế, rất lâu, tưởng như cùng lắng nghe một sự im lặng kỳ lạ nào, cho tới lúc Luân cất tiếng trước:

– Mấy năm rồi anh Trí nhỉ?

Tôi đáp: – Sáu năm.

Bên kia tiếng Luân nhắc lại: – Sáu năm.

Sự yên lặng, bóng tối, khiến tôi trở lại ý nghĩ ban nãy: chắc bây giờ sao rừng đang sáng vô kể bên ngoài. Tôi rủ Luân ra ngoài. Tôi nghe thấy tiếng gao vun lại, tiếng sột soạt của chiếc vĩ buồm được kéo gọn về một phía. Bước ra khỏi cửa

bếp, tay tôi chạm nhẹ vào tay Luân. Tôi nghĩ đúng. Sao rừng trên đầu chúng tôi phút đó sáng nhiều vô kể. Những điểm sáng to nhỏ, lơ đãng, tưởng như một lúc nào đó sẽ rớt xuống sẽ đậu đầy trên đầu trên cổ chúng tôi. Mùi đất bốc lên, tiếng côn trùng rậm rạp ở những khoảng thấp. Nhịp chân siêu siêu cho tôi biết mình đang đi xuống. Được một quãng Luân đứng lại. Chúng tôi ngồi xuống một thân cây. Tôi kéo Luân vào gần cùng lúc một vệt sao sa tự đỉnh trời kéo một vệt thật thẳng thật dài mất hút vào những bóng núi. Luân đã cởi chiếc khăn bịt đầu tự lúc nào. Tôi ngồi yên, mặc cho những sợi tóc vương vào cổ, vòng tay về phía trước thu gọn lấy hai bàn tay Luân. Luân không chống lại. Cái thân hình thu nhỏ lại ấy như muốn kiếm tìm một sự che chở. Tôi thấy tôi không còn che chở gì được nữa cho Luân. Cuộc sống đổi khác

và con người đã lớn. Cái thế giới thiên đường, thần thánh ngày xưa của chúng tôi đã che chở Luân. Cái thế giới ấy đã mất.

Luân ngã đầu vào vai tôi.

– Anh về Hà Nội sẽ làm gì?

– Chưa biết em ạ, có điều chắc chắn anh sẽ bỏ học. Anh nghĩ anh sẽ sống một cuộc đời vô nghĩa và tầm thường. Đi buôn chẳng hạn. Nhưng thế nào anh cũng về thăm lại Hưng Yên. Đó là một trong những việc làm thú nhất.

Luân nắm chặt lấy tay tôi như tìm thấy nguồn an ủi.

– Anh có về thăm Hưng Yên nhớ thăm cả nó cho em.

Tôi gật đầu. Anh sẽ về thăm lại cái dấu tích, cái thiên đường đổ vỡ của chúng ta. Cho em. Cho anh. Cho Phạm cho Trương nữa. Thêm nhà cỏ hoang, bờ ao không người. Bờ đê, những lối đi cũ. Anh sẽ không lấy lại được gì trên những dấu tích kỷ niệm ấy, nhưng anh sẽ về. Người ta không sống được bằng kỷ niệm, nhưng trên những lông lá mới mọc và sự đổi khác ghê gớm của tâm hồn và hình thể, anh muốn trở về soi ngắm mặt mũi mình xuống lòng nước cũ. Người ta không sống được bằng quá khứ nhưng người ta cần có quá khứ như một tấm gương. Anh muốn nhận định lại nhiều điều và điểm khởi hành phải bắt đầu từ đó.

– Em thì không bao giờ trở về Hưng Yên được nữa, Luân nói một cách tuyệt vọng. Em sắp lấy chồng rồi.

Tựa hần đầu vào vai tôi, Luân đã kể cho tôi bằng cái giọng đều đều nhần nhục của kẻ ứng chịu cảnh ngộ về người đàn ông mấy tháng nữa, thân thể tàn phế, sẽ chống lên mình chiếc nạng gỗ và sẽ tập tễnh đi lên ngọn đồi này. Tên hần là Mạnh. Cũng tử tế, hiền lành, người quê mùa, theo Luân: Mạnh bị thương trong một trận đánh đồng bằng ngoài liên khu Ba, hiện đang nằm ở một quân y viện cách đây ngót hai mươi cây số, lý do chính đã khiến cho gia đình Luân đến khẩn ho-ang ở ngọn đồi trọc này. Luân không yêu Mạnh. Cuộc hôn nhân cũng vô nghĩa như đời sống những tháng năm vừa qua, vô nghĩa như đời sống con người trong chiến tranh. Nhưng cái ý định ở mãi mãi với Mạnh có từ buổi xuống thăm Mạnh ở bệnh viện.

– Em nhìn thấy chiếc nạng gỗ và

Mạnh lúc đó. Và thế là xong. Luân nhắc lại một cách tuyệt vọng – Thế là xong.

Tôi muốn tìm một câu nói an ủi Luân, nhưng tôi không nói được gì. Trong một yên lặng kéo dài vòng tay tôi ôm chặt lấy người Luân hơn, tôi nhìn những điểm sao lấp lánh trước mặt, nghe tiếng côn trùng rậm rập xuất lên từ những khoảng thấp dưới kia, và tôi nghĩ đến cái đêm cuối cùng, lần gặp gỡ cuối cùng, tôi không ngờ là ở nơi này, khoảng núi rừng cách biệt không bao giờ trở lại tôi đã sống với Luân những phút cuối cùng của một thời đã mất. Tôi xoay người Luân trở lại và trong cái ý nghĩ gửi về một cái gì đã mất ấy, tôi cúi xuống hôn Luân. Tôi hôn Luân nồng nàn và tôi nói:

– Anh hôn em lần đầu tiên và lần cuối cùng.

Luân khóc không thành tiếng. Nước mắt Luân ướt đầm hai gò má. Lúc tôi đỡ Luân đứng dậy và chúng tôi cùng đi trở lên đỉnh đồi, cánh tay Luân khoác chặt lấy tay tôi khiến tôi có cảm tưởng như tôi, Luân cũng muốn ghi nhớ những phút cuối cùng như kỷ niệm nồn nà đau đớn nhất của một thời đã mất.

Sáng hôm sau, tôi xuống núi thật sớm. Như người đi trốn. Tôi không có can đảm ở lại để nhìn thấy cái hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lười cây trên nền đất rừng cần cỗi. Con đường nhỏ mờ mờ mở ra từ chân ngọn đồi. Trời đã sáng nhưng hai bên núi rừng còn yên lặng ngủ. Gần tới đường lớn tôi trông thấy một con bướm. Nó đậu trên một bụi cây thấp. Mình nó vàng ánh với những chấm đen ở hai đầu cánh. Tôi bắt lấy con bướm và bỏ đi không nhìn trở lại.

Suốt dọc đường tôi nghĩ đến Luân, đến Phạm, đến Trường, đến tôi. Lúc nhìn xuống, con bướm tự lúc nào đã chết nát trong lòng bàn tay.

TIẾNG CƯỜI TRÊN ẤY

Những vệt đèn pha loang loáng, hỗn loạn, cuống quýt quét sâu vào màn đêm đặc kịt. Gió giật trùng trùng. Mưa đổ ào ạt. Trận bão lớn thịnh nộ trên hàng ngàn cây số núi rừng. Đoàn xe nối đuôi nhau, thận trọng trèo men theo những bờ vực, những thành cầu, vượt qua khu trại cửa, chùn lại trên con đường dốc khắp khểnh, rú máy, leo lên, tiến vào khoảng đất trống, màu đất hiện

lên từng khoảng đỏ thẫm, trơn nhẵn. Tất cả lần lượt đậu lại, máy réo âm âm, khói bốc khét lẹt, rồi máy tắt những đầu xe nghi ngút đậu chúc mũi vào thêm quán.

Từ khoảng sân tối thẫm phía sau quán đàn bęc-giê lao ra, chồm lên, sủa dữ dội. Người ta nghe thấy những tiếng chửi thề, tiếng những cánh cửa xe mở vội vã rồi đóng sập lại. Từ những ca-bin kính mờ hơi nước đọng, từ những khuynh vãi bạt bịt bùng, những bóng người tới tấp nhẩy xuống, cúi lom khom, dúi lại dưới màn mưa, chạy thốc vào thêm quán. Hàng hiên nhỏ lỗ nhỏ đầu người, mụ Năm dơ cao ngọn đèn bão, ánh lửa lay tạt chiếu vào những khuôn mặt lướt thướt, loang lổ dầu mỡ. Tài xế, lơ, khách quá giang, bạn hàng, cả thầy đến năm chục mạng, rũ mưa rào rào. Họ cố dạt mụ Năm ra, ùa vào trong quán. Mụ Năm

cầm đèn đi theo, cánh cửa đóng nghiêng lại, ánh sáng tắt ngấm trên khoảng hiên nhỏ đã nhòa vào bóng tối, gió giạt từng hồi, như muốn bóc cái quán lên không gian, mưa lại ào ào đổ xuống.

Đám thực khách ngồi chen vai thích cánh nhau trên hai hàng ghế làm bằng những thân cây rừng vẩy lấy một dãy bàn dài, đối diện với cái quầy rượu ngất ngưỡng. Tiếng nói chuyện, đả đả, chửi thề, cười nói, khạc nhổ, khịt mũi suýt soát át hẳn tiếng mưa bên ngoài.

– Đói thấy ông tổ nội.

– Chuyện, từ sáng đến giờ.

– Không về được đến đây thì dễ nhin đói suốt đêm nay, hả mày ?

– Phải cố mà bò về chứ. Phải cà rịch

cà tang mà về, chứ không thì chết đói chắc. Chà, trời với đất, mưa thối đời thối núi !

Tài xế nói chuyện với lơ, lơ nói chuyện với khách hàng, khách hàng nói chuyện với mụ Năm về chuyến đi nguy hiểm – mưa bão liên miên không dứt đã ba ngày trên khắp vùng cao nguyên này, hàng chục chiếc xe chở nặng còn đang nằm ở dọc đường bể bánh, đứt thắng, chết điện, lênh đênh nghiêng ngả, ở lưng chừng những con dốc không leo lên được, dưới lòng những vực thẳm không bỏ qua được. Mụ Năm cười cười nói nói, suồng sã với kẻ này, thân mật với kẻ khác, cái thân thể mập hủ bì bạch như con vịt bầu te tái đi từ đầu bàn đến cuối bàn. Mụ vừa lo vừa mừng. Mụ muốn kéo dài thì giờ. Không xong. Đám người bụng đói, dạ rét ấy đã đòi ăn nhộn lên. Thật tình,

mụ không ngờ họ lại về đông đến thế. Gạo còn, nhưng thịt nai thì gần hết rồi. Trong bếp chỉ còn chừng nửa nồi ra-gu, san khéo lắm chỉ đủ sáu phần ăn.

– Bây giờ các chú ăn cơm phải không?

Mụ Năm làm bộ tươi tỉnh cất tiếng hỏi tất cả. Thế là lại ồn ào lên, lại nháo nhác lên, lại những bàn tay vung vít, nóng nảy, lại kêu giời, lại chửi thề âm ỹ.

– Đói thấy mồ còn hỏi lắm lắm, chị Năm kỳ thiệt đấy nhỉ!

– Cho ăn đi mau lên chị Năm.

– Bộ nhà hết thức ăn rồi sao chị Năm? Tội tôi chết đói cả rồi đây, chị Năm.

Một thằng lơ oắt con, mặt choắt lại như hai cái ngón tay bắt chéo, bỗng réo

lên:

– Thằng Dắc! Thằng Dắc đâu.

Những tiếng khác ồn ào phụ họa:

– Phải rồi, phải rồi, Thằng Dắc. Gọi thằng Dắc ra đây. Lôi cổ thằng Dắc ra đây cho bọn tui, mụ Năm.

Đúng thằng Dắc. Tại thằng Dắc hết. Thức ăn không có là tại cái thằng Dắc. Cái quán hàng này một dạo vắng ngắt như chùa Bà Đanh là tại cái thằng trời đánh thánh vật. Đêm nay mụ mất một đám khách hàng đông đảo như thế này là tại nó hết. Mà nó đâu rồi chứ. Mụ bỗng thấy giận điên lên. Cái máu tam bành lục tặc chạy vút một vòng khắp người, bốc lửa lên đầu mụ, mụ lại muốn xía xói rửa xả một hồi. Mụ lạch bạch chạy vào phía sau quầy rượu. Dắc vẫn thường ngồi thu

mình trong đó, với lũ chai cốc. Nhưng cái quầy vắng ngắt, vắng ngơ. Tiếng mụ Năm the thé la lớn:

– Dắc ! Dắc ! Dắc.

Và Dắc tỉnh đây. Dắc bàng hoàng tỉnh dậy như vừa từ một chiếc đài hoa lớn mà tỉnh dậy, tiếng thét lạnh lạnh của mụ Năm là chiếc gai buốt nhọn đâm thấu suốt đài hoa. Dắc nằm ngửa, thân thể đỏ hỏn, lông lá, tênh hênh trên chiếc giường vải gấp, thân trí chập chờn của Dắc còn vang vọng tiếng mưa lũ dạt dào dội lại từ một phương trời nào, phương trời đó ở cách đây hàng vạn cây số, mịt mù, hoa cỏ đứng yên phẳng phắc, như trên một năm mỗ, một nghĩa địa và cơn mộng dữ đã đưa linh hồn Dắc trở về, đẩy cái khối linh hồn đón đau đó thức tỉnh đột ngột bởi những tiếng thét của con quỷ cái từ

buồng ngoài dội vào. Thoáng hiện, trong một giây phút ngắn ngủi, mong manh, và đã tan vỡ, đã rời gãy, những hình ảnh cũ. Đỉnh núi chất ngất. Hoa tuyết lả tả. Những cánh rừng thông bát ngát động đặc lại trong buổi sáng mùa Đông. Con đường nhỏ chạy vòng từ trên cao xuống đáy thung lũng như một tâm hồn thi sĩ lang thang, rồi mùa Xuân, cỏ bông bênh khắp hai bờ, đợt khói tà tà cuộn lên trong vòm trời tím dần, tím dần, tiếng chuông thả giọt vào lòng lũng hẹp, những mái nhà già nua thở nồng mùi gỗ cũ, người mẹ, những đàn bà. Và nó. Và nó. Và nó. Cái khăn kim tuyến bay phất phất trên suối tóc nó vàng ánh như một cánh đồng lúa mì, đôi mắt nó xanh biếc ác độc, tiếng cười ròn rã giữa cổ trắng ngần thấy rõ cuống họng. Nước mắt Dắc trào ra. Dắc không biết mình đang nằm ở nơi nào, thân thể, thần trí, những hình ảnh chập

chờn trong đầu thấy đều như những cục bông nồn nổi trôi trên một cái nền nhạt loãng, đục lờ mờ của sương mù. Tiếng mưa Năm lại réo lên:

– Dắc! Dắc! Dắc! Dắc!

Đã biết hắn đang nằm ở đâu rồi. Hắn chửi thề, đoạn lồm cồm bò dậy:

– Tao đây, con đĩ đại, tao đây.

Dắc lầu nhầu. Không khí rét buốt như cắt từng miếng thịt vây lấy Dắc. Hắn thả chân xuống lòng đất tối, xỏ vào đôi guốc mộc, quơ tay, nhặt lấy chiếc áo sơ mi ka ky cũ khoác lên người, loạng choạng đi ra. Cánh cửa thông kêu ken két, ánh sáng đập vào mắt Dắc, hắn gấp gáy, cái thân thể lực lưỡng lắc lư giữa thân cửa, những tiếng cười phá nhất tề ngổ dậy.

– Trông nó kia. Tội nghiệp cho tôi chưa ?

Mụ Năm chống cánh tay vào sườn, đứng khuyên khuyên, như muốn phân vua với mọi người. Mụ thở dài sườn sượt, giận dữ nhìn theo Dắc lão đảo đi lần về phía quây rượu. Dắc xô vào thằng lơ ngồi ở đầu dãy, thằng lơ giơ chân ngáng, Dắc ngã chúi đầu đập vào thành quây, những đợt cười lại ào ào nổi lên. Dắc nặng nhọc đứng dậy, không thềm ngó ai, lăm lăm men theo quây đi vào phía trong. Ngọn đèn từ trên cao trút hết ánh sáng xuống đầu xuống cổ Dắc. Mái tóc Dắc thưa thớt, những sợi ngắn và cứng quăn tít như những bụi cỏ già màu lửa, lông mày trắng toát phủ xuống trong mắt xanh nhạt, da mặt lốm đốm tàn nhang, cái cổ to và banh ra như cổ bò rừng, khoảng lông lá xồm xoàm che

phủ kín khắp tảng ngực để hở. Dắc rút ở trong găm quây ra một cái ly nhỏ, với tay lấy chai cognac trên giá, mở nút, rót đầy ly, ngửa cô tu thẳng một hơi, men rượu chạy sốc vào người bùng bùng. Dắc đã tỉnh ngủ hẳn. Và bắt đầu nghe thấy tiếng mưa tiếng gió gào thét ngoài trời.

– Ngủ chảy thây suốt ngày suốt đêm, mở mắt đã rượu, đầy, đầy.

Mụ Năm rên lên và lại nói như phân vua:

– Đấy đấy, các ông các bà xem, đã bảo tôi chịu hết nổi rồi mà!

Mụ hùng hổ, tiến vào quây, giật cái ly khỏi tay Dắc, ném mạnh xuống đất. Cái ly vỡ tan. Dắc ngó theo, nét mặt bình thản không thay đổi, thoáng một chút khinh bỉ ngao ngán. Những tiếng cười

nói im bật. Những cái mồm há hốc chờ mụ Năm làm dữ thêm nữa với Dắc. Mụ Năm đứng đối diện với Dắc, dằn mạnh từng tiếng:

– Dắc, nhà hết thịt nai từ ba bữa nay rồi, mày biết không?

– Biết.

– Biết mà mày cứ ngủ lã ra, mày không đi thì tao làm sao với khách hàng đây. Bộ việc đó tao phải làm cho mày nữa sao?

Dắc nín thinh không trả lời. Hắn bình tĩnh rút ở quầy ra một chiếc ly khác, rót đầy rượu, ngửa cổ tu thẳng một hơi, đặt phịch cái ly xuống, đóng nút chai rượu, đẩy mụ Năm lạng sang một bên, đoạn lảng lảng đi ra. Cái bóng cao lớn mất đi sau cánh cửa thông sang chỗ Dắc

vừa ngủ dậy. Mụ Năm nhìn theo chép miệng:

– Chồng với con. Thế đấy.

Một người đàn bà, vẻ người hiền lành, cất tiếng bảo mụ Năm:

– Mưa gió thế này, chị Năm. Bắt nó đi làm gì tội nghiệp. Thôi thôi chúng tôi nhịn cũng được mà!

– Nó nghỉ nhà đã ba hôm rồi cơ. Đêm nay không đi không được. Mặc nó.

– Tao đi rồi đây, mày còn mở mồm gì nữa con quỷ cái?

Tiếng thét lớn giận dữ đến cực điểm làm mọi người giật mình. Mụ Năm nín bật quay lại. Dắc đứng quắc mắt nhìn mụ Năm, sự phẫn nộ dồn nén, chịu đựng,

bùng bùng trên khuôn mặt hăm hăm, đôi mắt tóe lửa. Dắc như đã đổi khác, hoàn toàn đổi khác. Thành một con người mới. Và con người mới đó thật dữ dội, thật hùng dũng. Chiếc áo choàng nhà binh màu cứt ngựa, cài hết khuy, buông xuống đầu gối, phủ lên đôi ủng đen. Khẩu súng săn cầm lăm lăm trong tay, băng đạn da thò ra những cái đầu đồng sáng loáng, chiếc đèn chiếu đeo giữa trán, một sợi dây chun bịt sát đầu làm hằn lên những đường gân xanh biếc nơi thái dương tạo cho Dắc một vẻ kỳ dị, quái đản, lăm liết của một nhà thám hiểm, một tên biệt kích. Mụ Năm lùi lại. Đám người châu đầu nhìn theo Dắc và đám dụng cụ kèn còi càng từ từ đi ra phía cửa. Mụ Năm lon ton chạy theo. Mụ mở cửa cho Dắc, giọng đầu dậu :

– Thôi chịu khó, Dắc. Nhà hết thịt

rồi. Săn có một con rồi về ngay, nhé Dắc.

Dắc mở cửa. Mụ Năm nói theo:

– Cẩn thận nhé Dắc. Rồi mai này lại ở nhà cả tuần. Nhớ tránh xa cái vực Chàm-Bàm đó Dắc.

Dắc đứng yên lặng một giây. Hắn nhìn ra khoảng tối đen hoa mắt, mưa gió ào ào lồng lộn trong đó. Đoạn hắn đẩy mụ Năm ra và không thèm ngó lại, cúi đầu bước vội ra ngoài. Người ta nghe thấy tiếng mưa, tiếng gió vi vút và tiếng sủa khô khan của bầy chó săn chạy theo Dắc xa dần về phía đầu dốc.

Ra khỏi sân quán, Dắc bấm đèn, lần mò đi ngược con dốc trơn nhẫy về phía cửa rừng. Mưa tạt vào mặt buốt rát như hàng nghìn bàn tay tát liên hồi vào mặt vào mũi. Những đợt tóc ướt sũng

dán bết vào trán vào gáy, vào màng tai, nước rỉ qua cổ áo thấm vào người. Dắt bắt đầu thấy rét run lên. Một bên vai mồi rời, bóng súng đập lạnh canh vào những đầu xương đau nhói. Đôi ủng lết đi trên những vũng sình, chạt chưỡng trên những cạnh đá nhọn hoắt. Cái áo thấm nước đè nặng lên người Dắt như một tấm áo giáp. Dắt cúi gập người xuống, dò từng thước đường một. Hai bên, những dãy nhà sàn thưa thớt đã lùi khuất sau những chùm cây tối đen, con đường nhỏ dần rồi thành linh đổ xuống giữa những bãi cỏ rậm rạp kêu loạt soạt dưới những gót giầy dẫm đạp lên, tiến dần vào. Con đường độc đạo này Dắt đã thuộc lòng. Nhắm mắt lại cũng đoán được từng gốc cây, từng khúc quặt, từng cái cành thấp nếu không cúi xuống thì nó sẽ đập vỡ tan ngọn đèn chiếu, từng khúc rẽ ngang nếu không nhắc chân lên thì nó sẽ phạt

thẳng vào ống xương. Phải không Dắt ?

Mười năm rồi. Hàng nghìn đêm, những đêm hải hùng địa ngục. Một cuộc đời, một cuộc đời như chết rồi, như đã xong, đã đứng, đã tịch mịch, đã thôi, đã hết, cuộc đời đó như một thân cây mục bị sét đốn ngã giữa rừng, một mối đùn lên, gặm nhấm, đục khoét từng thớ gỗ, đến xương, đến tủy đến hồn, phải không Dắt? Những đêm ngủ đầy đặc những ác mộng què quặt, nhớp nháp, vật vã, để tỉnh dậy, bị đuổi vào rừng như một con vật bị hất hủi, mày đã khổ sở quá lắm, tuyệt vọng đến cùng, nó xinh đẹp quá lắm, nhưng nó cũng ác độc đến cùng, phải không Dắt.

Vòm trời quê hương, những đỉnh núi tuyết lả tả, con đường lượn vòng xuống đáy thung lũng như một tâm hồn thi sỹ

lang thang, những lòng sưởi sỏi lăn trắng muốt, những mái nhà thờ nồng mùi gỗ mục, cái vòm trời Alsace xa xôi cách trở nghìn trùng, tiếng cười thủy tinh vỡ vụn như hàng triệu mũi nhọn đâm suốt trái tim nứt nở, trái tim đó mỗi khi ngó xuống vẫn rờn rờn chảy máu, vết thương đó từ mười năm nay dùng đủ thứ: chiến tranh, chém giết, thời gian, xê dịch, giấc ngủ, men rượu và cái thân thể hàng trăm con đàn bà khác, để lấp đầy, để bôi kín mà không được, phải không Dắc? Mày muốn quên, nhưng mày vẫn nhớ đến nó. Trong lạnh buốt giấc ngủ mà quỷ choáng váng. Trên chuyến tàu chở mày sang Viễn Đông, trên kinh Suez, ở Nasan, Điện Biên, đường 39, đường số 5, trên những cánh đồng lầy ngoài Bắc, trong một hộp đêm Hà Nội năm nào, ở Đồng Tháp Mười, và bây giờ, đã sáu năm trời đằng đẵng, ở vùng Ba Biên Giới heo

hút này phải không Dắc? Mày đã mất nó. Mày đã giết nó. Cho nó vĩnh viễn thuộc về mày. Nhưng nó chết rồi mà vẫn chẳng bao giờ thuộc về mày. Nó cười ngật nghễo, nó chế nhạo, nó riếu cợt, nó bám vào tiềm thức, linh hồn mày như một con yêu, một con quỷ, mày điên cuồng chạy trốn, nó đuổi theo mày cùng khắp các xứ sở, các vòm trời, nó vẫn còn đó, như một trùng phạt, một cực hình và mày lại nổi gai ốc, lại rùng rợn cả người mày lên, phải không Dắc?

Phải. Phải. Phải. Phải. Phải. Trời ơi! Bây giờ xin cho tôi được nói. Xin đừng tra khảo, đừng hành hạ, xin để cho thằng Dắc đáng thương này được nói. Xin để cho tôi được kể cái chết của tôi.

Xin cho thằng Dắc này được khai về cái chết của nó. Chỉ có người chết rồi mới

biết đích thực nó chết như thế nào. Đau đớn, thảm thiết, lạ lùng, kỳ dị như thế nào. Tôi muốn chết, chết thực. Tôi muốn chết đã hàng nghìn lần. Nhưng tôi vẫn sống. Sờ sờ, tôi tả. Như một miếng giẻ rách buộc lòng thông vào cái đuôi thàng ngày lê thê. Tôi chỉ muốn quên nhưng tôi còn nhớ. Mãi mãi. Câu chuyện xưa, vết thương thưở ấy, cái sống, cái chết bây giờ, giấc mộng nồn nà, thiên tiểu thuyết đầm đầm nước mắt, cái thế giới chiêm bao thức tỉnh bàng hoàng. Tất cả đã xảy ra vào cái đêm định mệnh đó, ở Alsace.

Tôi thử sẵn một cái búa chim lớn từ chiều hôm trước, sau khi nó nhận lời gặp tôi lần cuối cùng. Tôi vẫn dùng cái búa đó để bổ củi, đốt lửa cho mẹ tôi sưởi, mẹ tôi bị bệnh tê thấp không biết đã bao nhiêu năm. Suốt ngày người ngồi trên chiếc xe lăn đặt sát lò sưởi, người nhìn

ánh lửa bập bùng trong lò và người cầu nguyện. Buổi tối hôm đó, khi tôi từ trên lầu bước xuống, mẹ tôi cũng đang lâm râm cầu nguyện. Nghe thấy tiếng chân tôi, mẹ tôi ngừng lên, khuôn mặt hiện đầy vẻ buồn rầu:

– Con đi đâu đấy Dắc?

Tôi ngoảnh mặt, tránh cái nhìn soi thấu linh hồn:

– Con ra ngoài hóng mát.

– Đêm núi lạnh như đêm địa ngục. Bộ con điên sao, hả con của mẹ?

Tôi vùng đi ra cửa. Tiếng mẹ ghen ngào đuổi theo, người đã biết hết chuyện tôi với nó:

– Mẹ xin con, con quên nó đi. Nó

không thể là vợ con, nó không thể là dâu mẹ, nó chỉ là một con dĩ trăm thang.

– Cấm mẹ không được nói thế. Tôi làm gì mặc tôi, trời ơi!

Tôi hét lên và mở cửa lao mình vào bóng tối. Tôi chạy như bay trên con đường dốc dẫn lên sườn núi. Nó đợi tôi ở đó, bên thành chiếc cầu treo vắt qua lòng vực thẳm. Sao dải lân tinh trên khắp vòm trời Alsace. Những đỉnh núi tuyết lấp lánh. Tiếng ngọn suối rì rào đổ xuống ở một khoảng xa thấp dưới chân. Nó đứng đó, tựa lưng vào thành cầu, cái khăn kim tuyến gió thổi phất phất, những sợi tóc vàng óng ánh trong bóng đêm, đôi mắt ngời sáng, chiếc váy lụa trắng chạm vào tay tôi như một cánh bướm mỏng chấp chới muốn bay đi, bay thật xa về một thế giới nào ở những triền núi bên kia. Tôi

ôm lấy nó, nó đẩy tôi ra. Tôi cầu xin nó ở lại. Tôi nói tôi không thể sống không có nó, tôi không thể mất nó. Tôi van nó đừng đi khỏi thung lũng, tôi nhắc lại mỗi tình đầu đắm thắm, những kỷ niệm tuổi thơ, nghẹn ngào giải thích cho nó nghe là thằng khốn nạn chỉ là một kẻ đang điếm, không cùng một giai cấp với nó, rồi thằng ấy sẽ bỏ nó lạc lõng, bơ vơ như một con chó đói trên những hè đường ở Paris, lúc đó nó tỉnh ngộ, nó hối hận cũng không kịp nữa. Nó thờ ơ nghe tôi, rồi nghiêng mình ném một vật gì từ lòng tay xuống vực, nhìn theo:

– Anh khỏi phải nói. Tôi không yêu thằng cha ấy. Chuyện nó bỏ tôi sau này không thành vấn đề.

– Thế tại sao em lại bỏ anh?

– Tôi không thể ở mãi nơi này. Sáng mai tôi sẽ rời khỏi thung lũng. Tôi sẽ lên Paris và không ai có thể ngăn cản tôi được.

Tôi định nói nữa, nhưng nó đã ra hiệu cản lại:

– Tôi đã nhất quyết. Giữa chúng ta, tất cả đã hết. Thôi khuya rồi, anh về đi. Tôi về phải thu xếp hành lý mai còn lên đường sớm.

Thoắt một cái, nó đã quay đi. Mắt tôi hoa lên. Hơi thở tôi nghẹn ứ. Tôi gọi nó lại nhưng nó cứ lăm lũi bước. Thật hết, thật hết rồi. Tôi đã mất nó. Không được. Không thể như thế được. Cái búa đã từ vạt áo nằm lăm lăm trong tay tôi từ lúc nào. Tôi lao theo nó. Tất cả xảy ra như một cơn mê hoảng. Chỉ nghe thấy thành

thịnh vang vọng khắp thung lũng, tiếng thét thất thanh của nó, rồi tôi bổ xuống cái đồng lầy nhầy ngã quỵ, bổ xuống cái váy lụa trắng, cái khăn kim tuyến, mái tóc vàng óng ánh không biết bao nhiêu là nhát búa nữa. Khi tôi ngừng lại, thân thể tôi rời rã như muốn ngã quỵ xuống theo. Tôi bàng hoàng đứng đó, nhìn trời, nhìn những vì sao, những đỉnh núi tuyết không biết bao lâu. Không khí núi lạnh buốt làm tôi hồi tỉnh lại. Tôi kéo lết cái tử thi trở lại đầu cầu, thu hết tàn lực, hất mạnh xuống lòng vực. Và ném cái búa xuống theo.

Đêm đó tôi không trở về nhà mà từ cái cầu treo trên sườn núi đi thẳng xuống thung lũng. Tôi lén ra khỏi xóm khi sương mù còn trắng xóa. Một ngày sau tôi đã ở Marseille. Tôi ẩn mình ở một khách sạn tồi tàn dưới bến. Một tuần lễ

sau, tôi đã đăng tên vào đoàn lê dương tình nguyện. Thế là vào một buổi sáng mưa lớn, một con tàu rời bến chở chúng tôi sang chiến trường Đông Dương.

o O o

Địa ngục nuốt chửng Dắc vào một thế giới lông lá, ma quỷ. Dắc chỉ còn là một tên lính đánh thuê. Dắc không nhớ được nữa. Đó là một cuộc đi dài, rã rời, vật vờ, hết chiến trường này đến chiến trường khác, hết đồn bót này đến đồn bót khác, qua những vùng lội, những sinh lầy, những hầm hố, những bãi hoang, những vành đai trắng, những làng xóm hủy phá, những cánh đồng sa mạc, những ngọn suối độc, những cánh rừng thẳm, những thấy người. Thần trí chập

chờn hồi tưởng lại, hình ảnh lướt lướt hiện lên, nhờ nhờ, chói với như những hoang đảo trên một mặt biển tiền sử đầy bão tố. Những cái bóng thấp thoáng, tiếng đại bác đình tại nhức óc, những tiếng kêu thét rợn người và ngón tay Dắc bấm liên hồi vào cò súng, những tảng óc tóe ra trắng như màu tuyết trên những đỉnh núi nơi quê hương thăm thẳm nghìn trùng, tiếng Dắc cười điên dại, hấn bấn sà vào những ám ảnh xưa, những hình hài cũ, nước mắt Dắc dòng dòng, đôi mắt Dắc như hai khối lửa đỏ khé, máu tươi đầm lên đầu lên tóc lên tim lên hồn Dắc, những viên đạn đồng bóng loáng như bắn ngược trở lại đâm thủng bộ ngực lông lá của Dắc. Dắc không nhớ nữa. Hấn đứng trên một con tàu say, hấn sa vào một vùng gió lốc quay tít chóng mặt, hấn ngã xuống, hấn đứng dậy, hấn lại đi nữa, lại bắn nữa, lại uống rượu cho

đến khi gục xuống, lại cười, lại khóc, lại đập phá tan tành, lại hò hét điên dại ở tất cả những quán rượu hân đã dừng lại, đã bỏ đi, ngày tháng xô dạt, bay biến, đẩy Dắc ngã sấp xuống nữa, xuống mãi, cánh đầm lầy vô hình dâng lên, tới ngực, tới cổ, tới mũi, tới mắt, Dắc sặc sụa, Dắc la hét, địa ngục úp chụp xuống Dắc, cái nắp ván thiên đóng sập lại, những tiếng vỗ chát chúa vang lên kinh hoàng. Tất cả tối đen và Dắc thiếp đi để tỉnh dậy thấy mình nằm trong một bệnh viện.

Những ngày tháng tĩnh dưỡng kéo dài trong trạng thái sượng sần bất động, đồng tro than phủ xuống khối linh hồn lửa bỏng, Dắc ra khỏi nhà thương và Dắc gặp mụ Năm.

Dắc ăn ở với mụ Năm ở Lái Thiêu được hai tháng thì mụ Năm nhường lại

cái tiệm nước cạnh bệnh viện dọn lên mở quán Ba Biên Giới.

Dắc đã đổi khác, khác hẳn. Xưa hung bạo cục cằn, giờ hiền khô như một đứa con nít. Dắc lăm lăm lì lì suốt ngày, mụ Năm bảo gì Dắc làm vậy, như một con vật, một tên nô lệ. Buổi sáng, Dắc trở dậy thật sớm, mở cửa hàng, lau bàn ghế, quét nhà, xuống suối kín nước, cho chó ăn. Buổi chiều khi những đoàn xe từ miệt Ban Mê Thuật đổ về, từ miệt Bù Đăng đổ lên tới nghỉ đêm ở sân quán, Dắc lại ra khuôn đỡ hàng cho khách, giúp bạn tài lơ bơm lại một cái bánh, sửa lại một ngọn đèn lái, chế dầu mỡ vào máy và dọn cơm nai ra-gu cho họ ăn. Thoạt đầu, chúng có vẻ ngán Dắc. Lâu dần thấy Dắc hiền, chúng trêu ghẹo và bắt nạt. Cũng vui thôi chứ chẳng có ác ý gì. Nhiều khi chúng làm quá Dắc cũng mặc. Duy có một lần,

Dắc nổi khùng lên, và cái tâm tính cục cằn lỗ mãng của một tên lính đánh thuê giết mướn ở Dắc lại chồm dậy.

Hôm đó chúng hè nhau tắt đèn tối bùng rồi nhảy đại vào Dắc, vật cổ Dắc xuống. Chúng cười hơ hớ. Dắc vùng mạnh tay chồm dậy đấm đá, chửi loạn sạ. Sau đó, mụ Năm mắng Dắc như tát nước và cũng từ đó Dắc không bao giờ nổi nóng nữa. Công việc chính của Dắc là đi săn. Thường thường Dắc ăn cơm chiều xong là lừ đừ đi ngủ ngay. Thức giấc vào khoảng nửa đêm, Dắc đeo đèn, mang súng, gọi đàn béc giê đi vào những cánh rừng Ba Biên Giới. Dắc săn thật giỏi, không mấy khi là không khiêng về một con nai vào lúc tảng sáng. Lâu dần thịt nai là món ăn chính của khách hàng, và đã thành cũ, cứ hai ngày là Dắc phải đem về cho mụ Năm một con nai. Bán

không hết thì ướp muối, phơi nắng ngoài hàng rào làm khô nai.

Nhưng vết thương đó không bao giờ lành, những kỷ niệm đó không bao giờ chết, dĩ vãng đó vẫn chờ rình trở lại, con quỷ cái vẫn đuổi theo mày xuống tận cùng địa ngục, phải thế không Dắc?

– Phải.

Càng đi sâu vào, những bụi cỏ càng cao hơn, rậm rạp hơn. Rừng cây đặc kịt. Cành lá thoang thoảng sát mắt. Mưa vẫn đổ xuống ào ào. Tiếng sấm sét rền rền dội lại từ những triền núi không nhìn thấy. Dắc kẹp chặt báng súng vào nách, điều chỉnh lại ngọn đèn chiếu, đứng dừng lại, thở dốc một hơi. Bầy chó găm gừ quần vào chân Dắc. Dắc đạp mạnh chúng ra,

chửi thề, rồi lại tiếp tục cất bước. Hết khoảng rừng rậm, tới một khoảng rừng thưa, cao hơn. Mưa ngớt dần và Dắc cũng đã đi được một đoạn khá dài. Hắn hạ súng, tháo ngọn đèn chiếu trên trán, lần mò đến một gốc cây và ngồi xuống.

Trời đêm lơ mờ. Những tảng mây lớn vẫn vũ chuyển qua nền trời còn nặng chũu hơi nước, nhòa vào những bóng núi trập trùng, lỗ đổ, kéo dài khắp bốn phía, âm âm trên những vòm lá trên đầu. Tiếng mưa nhỏ rì rào, như những ngón tay lướt thật nhẹ trên một phím dương cầm. Dắc tỳ người vào báng súng gác đầu xuống, những giọt nước lọt qua kẽ lá rỏ tí tách trên những vũng nước thoang thoáng hai bên. Những tiếng động của trận mưa lớn vẫn còn gây cho Dắc cảm giác tương tự về âm thanh của những tàn than nổ yếu ớt trên một đồng lửa đã

phai tàn, nhưng rõ rệt là rừng cây đang đi dần vào yên tĩnh. Định thần một lát rồi Dắc ngẩng đầu giờ cao ngọn đèn, xem lại phương hướng và địa thế. Khoảng trống mịt mù hắt xuống ở phía sau những hàng cây sao cao vút cho Dắc biết hắn đang ngồi nghỉ trên một thân cây chỉ cách cái vực thẳm Chàm Bàm độ mười thước. Nơi này họa hoằn lắm Dắc mới lần tới, thường những đêm săn vào mùa khan hiếm thú này, các tay súng trong vùng trù Dắc, không ai dám bén mảng tới vào ban đêm, phần sợ cọp, phần sợ xẩy chân sa xuống vực. Chính vì thế mà khu rừng này nhiều thú nhất. Dắc yên trí thế nào lát nữa hắn cũng hạ được dễ dàng một chú nai lớn. Chỉ cần ngồi yên đó và chờ đợi cho trận mưa ngớt hẳn.

Và Dắc làm thế. Hắn ngả người vào thân cây, đôi ủng duỗi dài trên những

nhánh rẽ chẳng chịt, khẩu súng đặt ghếch trên đùi gối. Tiếng mưa lao xao, dịu dịu, nhẹ nhẹ trầm trầm đưa hồn Dắc bay đi. Và hồn Dắc bay đến với những giọt lệ cũ, những hình ảnh thuốc độc, những kỷ niệm ung thư. Giấc ngủ chập chờn như ủ kín trong một đài hoa lớn. Chiếc gai nhọn đâm suốt qua đài hoa và tỉnh dậy. Cái vật gì ở lòng tay ấy rơi xuống vực thẳm ? Người mẹ tê liệt với chiếc chăn da cừu cũ, khuôn mặt ứa héo trong ánh lửa lay tạt. Những đỉnh tuyết ngồi ngồi, những bông tuyết lả tả. Tôi vẫn không thể, vẫn chẳng bao giờ quên được nó. Tất cả không thay đổi, sự trốn chạy ngu xuẩn và vô ích. Đêm nay, tôi ngồi một mình ở cánh rừng thưa này làm gì ? Tôi muốn được một ngày trở lại thung lũng cũ, sốc lại quần áo, vuốt lại tóc, đi lên. Những căn nhà thấp, thở nồng mùi gỗ cũ nằm nép bóng dưới triền núi chất

ngất. Những đàn bò lù đù. Con đường uốn khúc men theo dòng suối sẽ đưa tới trở lại cái cánh cửa khép hờ, tôi đẩy nhẹ bước vào, mẹ tôi vẫn ngồi đó và tôi sẽ nói:

– Con đã trở lại, không bao giờ rời khỏi thung lũng nữa đâu mẹ.

Đám bụi phấn lả tả dấy lên theo những gót chân đặt lên từng bậc cầu thang già nua. Khung cửa tò vò nhìn xuống một vùng hoa cỏ xanh biếc. Cuộc sống sẽ tiếp diễn như không một thảm kịch nào đã xảy ra, và buổi sáng thức dậy tôi sẽ lại đứng ở khoảng sân đầu nhà vung búa bổ xuống những thân gỗ. Anh sẽ trở về, anh không thể trốn chạy em mãi mãi, và em sẽ tha thứ cho anh, cho em hiện hình trong những giấc mộng anh bằng cái hình ảnh lộng lẫy tươi cười

của em mặc dầu em đã phản bội, nhưng anh vẫn chỉ nhìn thấy em lộng lẫy, tươi cười và dịu dàng như thế đó.

o O o

Tiếng gầm gừ ở phía sau làm Dắc bàng hoàng sực tỉnh. Hắn đứng vật dậy, đeo vô ngọn đèn chiếu trên trán, rất từ từ, rất từ từ cúi xuống nhặt lấy khẩu súng, đoạn lùi lại ba thước. Ánh đèn chiếu thành một đường ánh sáng thẳng vút ngang tầm trán và Dắc nhìn thấy đôi mắt đỏ rực như hai cục lửa của nó. Đó là một con cạp vằn cực lớn. Nó đứng thu hình, hai cục lửa như bắt chặt vào luồng ánh sáng. Tiếng gầm gừ nghe thấy thật rõ trong bầu không khí đã ngớt mưa, đã yên tĩnh hoàn toàn.

Dắc vừa lùi vừa thông thả đưa dần khẩu súng lên, đặt vào bả vai. Một con mắt Dắc từ từ khép lại, con mắt kia mở lớn, nòng súng nhích dần nhích dần, cái đầu ruồi rung rung rồi đứng lại giữa khoảng cách của hai khối lửa đỏ rực. Ngón tay Dắc móc vào cò súng bỗng nhiên lạnh toát, tê đi, rồi trong đầu Dắc một tiếng cười rùng rợn nổi lên. Tiếng cười lan đi, vang dội khắp thân thể, thần trí Dắc, tiếng cười của nó, tiếng cười cất lên từ địa ngục, từ vực thẳm. Bắn đi Dắc. Bắn đi. Để cứu lấy đời mày, để sống, Dắc. Nhưng mày sống nữa để làm gì Dắc! Phải, tôi chết rồi. Phải, tôi chết rồi. Nhưng tôi muốn trở về, tôi muốn trở về. Nước mắt Dắc dàn dụa trào ra. Dắc vừa khóc vừa nói. Chân Dắc run lẩy bẩy. Dắc thảng thốt lùi lại, tiếng gầm gừ của con thú, tiếng cười của nó đuổi theo Dắc. Dắc lùi mãi, Dắc biết Dắc phải bấm tay

vào cò súng cho viên đạn vọt ra, nhưng Dắc không bấm được, ngón tay Dắc cứng nhắc như chết, Dắc biết cái vực sâu thẳm ở phía sau đã gần mãi lại, gần mãi lại, nhưng Dắc không ngừng bước được, miệng vực đen ngòm hút lấy Dắc như một sức mạnh kỳ quái. Rồi khẩu súng ở tay Dắc rớt xuống, một tiếng nổ vang lên, con thú gầm lên, chồm tới và Dắc chới với ngã ngửa về phía sau.

Dắc thấy hắc rơi xuống, thân thể, thần trí thoát như được giải thoát. Hắc muốn thét lên vì khoái lạc, vì sung sướng. Rồi sự va chạm dữ dội đẩy hắc bổng lên, toàn thân hắc chìm dần, chìm dần vào một lớp bông nõn mềm mại vô tận và những hoa tuyết lả tả bắt đầu phủ xuống.

NGƯỜI ĐIÊN DƯỚI CHÂN SƯỜN TAM ĐẢO

Thế là, giữa một buổi sáng Sài Gòn rục rịch, tin dữ mà gia đình tôi chờ đợi thấp thỏm suốt mười năm ở bên này vĩ tuyến, đã từ bên kia vĩ tuyến mười bảy bay sang. Bà ngoại tôi, người cuối cùng của dòng họ Nguyễn còn ở lại miền Bắc đã tạ thế.

Hung tin thu gom trong mấy dòng

bưu thiếp lời lẽ mơ hồ, ngày giờ và chi tiết cái chết nghìn trùng cách trở không được nói đến tường tận, nhưng tôi, tôi biết bà ngoại đã nằm xuống ở đâu, cặp mắt nhân hậu một đời nhỏ lệ xót thương kẻ khác ấy đã khép lại dưới vòm trời nào, thước đất nào đã được bà lựa chọn gửi nằm xương tàn của một tuổi già cô độc.

Thửa ruộng nhỏ nằm dưới chân một sườn đồi trọc. Đất đỏ rờ rờ màu máu. Thửa ruộng có một thân cây lớn nghiêng bóng, kế liền với một con đường sỏi đá và cỏ bông hoang vu, trên đầu là những đám mây trung du và đám mây của một vòm trời trung du trắng xốp như bông nõn ấy nổi chìm ở bên này và bên kia một vùng rậm rì xanh đặc là hai sườn Tam Đảo.

Từ đỉnh núi, đổ xuống một ngọn

thác trắng phau nhìn xa như một sợi chỉ bạc. Từ cuối con đường hoang, vang lên tiếng vó ngựa lộc cộc về chiều. Từ những xóm xa lọt vọng vào thị xã tiếng chày giã gạo ba trắng. Từ miền cao phả về cái hơi thở âm u của núi rừng Việt Bắc. Từ miền dưới thổi lên cái hương thơm đầm ấm của lúa mạ đồng bằng. Người ta khiêng quan tài bà từ căn nhà rêu phong cổ cũ đi ra, cách hàng nghìn cây số tôi cũng hình dung thấy rõ ràng như vậy, đám tang kéo dài trên con đường lả lay cò bông, chiếc quan tài in lên nền trời Tam Đảo, và nó được hạ huyệt trong thửa ruộng đó, không thể trên một thửa đất nghĩa địa nào khác. Bởi vì bà tôi, nếu đã ở lại, nếu đã chối từ vượt tuyến cũng chỉ để được nằm xuống bên cạnh đứa con xấu số của bà là bác Cả Đoàn. Bác Cả được chôn ở thửa ruộng ấy, mấy giờ sau khi bác chết, cái thân thể trần truồng lồ chỗ vừa đứng

17 vết đạn liên thanh.

o O o

Câu chuyện xảy ra cách đây đã mười lăm năm. Nhưng thảm kịch của người bác điên loạn, còn xảy ra lâu hơn nữa về trước, từ khi tôi còn nhỏ dại. Tôi kể lại dưới đây. Vì cái chết của người bác điên rõ là một trong những hiện tượng lạ lùng không bao giờ tôi giải thích được.

Mãi mãi tôi còn nhớ tới những chuyến về thăm quê ngoại đó, chuyến xe hàng cũ kỹ nổ máy từ tối đất nơi chân sóng rì rào của một xóm đạo vùng biển ỳ ạch chuyển mình trên những con đường liên tỉnh trải đá xanh hun hút. Những dốc đò rồi những bến phà. Dưới vành trời hắt hiu của mùa đông miền Bắc, chiếc xe cũ kiên nhẫn nuốt dần từng cây

số trắng, thả lùi những xóm làng chài lưới về sau, tiến dần vào một vùng rừng núi căn cỗi. Ngọn Tam Đảo hiện ra trong sương chiều, đỉnh núi chìm nhòe trong lớp mây xám loãng như một chiếc khăn choàng đánh đai lấy nó. Rồi là niềm vui náo nức tràn trề trong gió rừng đổ xuống khi chiếc xe trườn vào thị xã Vĩnh Yên le lói ánh đèn. Chiếc xe kéo thả mẹ con tôi xuống một căn nhà cuối tỉnh lỵ.

Cha tôi đánh điện tín từ hôm trước. Và bà tôi ngồi đó, trước thêm cửa, chờ đón chúng tôi. Bà chít khăn mỏ quạ, mặc áo bông ngắn. Mỗi năm bà mỗi già, nhưng ánh vui mừng cảm động của đôi mắt vẫn ngời lên, lấp lánh, khi tôi từ xe nhảy cẫng xuống, và mặc mẹ tôi quát mắng không được lôi bà như thế, tôi kéo bà sênh sếch vào nhà. Bữa cơm, tôi ngồi chồm chồm trên lòng bà, vùi quấy đủ thứ. Bà nấu chè

và làm mứt dừa ngon vô cùng. Chè bà cốt, màu mật đặc quánh, mùi gừng thơm cay phảng phất trong mùi hương gạo nếp bùi ngậy. Dừa mật Vĩnh Yên nổi tiếng miền Bắc, bà nấu thành một thứ mứt dẻo quện, trong suốt, đỏ thắm, đựng đầy trong một vỏ thủy tinh lớn. Những ngày về thăm bà ngoại, dạ dày tôi căng phình, đuôi mép lúc nào cũng nhuếch nhoáng màu đường màu mật. Vui thú không bắt nào tả xiết.

Thức dậy sau một đêm ngủ vùi vì chuyển đi mệt nhọc, buổi sáng tôi chạy ra đầu nhà, và cặp mắt của đứa nhỏ chỉ quen nhìn bãi cát và sóng biển trong tôi đã ngó nhìn đến độ bàng hoàng ngây ngất ngọn Tam Đảo hiện hình chất ngất trong buổi sáng trung du yên tĩnh, ngọn núi đứng đó, sừng sững trước mắt như một hình ảnh thần linh hoang đường,

với cả một thế giới kỳ lạ, bí mật của nó ẩn kín ở sườn núi bên kia.

o O o

Chính là một trong những chuyến về Vĩnh Yên thăm ông bà ngoại mà tôi biết đến sự hiện hữu của bác Cả Đoàn. Lần thứ nhất ngó thấy bác, tôi đứng đờ người, mặt tái nhợt vì khiếp hãi. Đang nháy nhót chung quanh cái bể non bộ ở khoảng sân sau, tiếng gõ loong coong làm nhịp cho một giọng hát ê a lạ tại ở căn buồng sát hông nhà bếp làm tôi ngừng nháy, tò mò tiến lại.

Qua khung cửa khép hờ, tôi nhìn thấy một người đàn ông. Râu ria và đầu tóc người ấy xồm xoàm như một con thú.

Người ấy khoác một tấm bao bố

trên vai, đóng khố ngồi khoanh chân trên nền đất nhộp nhua của căn buồng không có đồ đạc gì ngoài một tấm phản mộc. Hai chân người ấy bị xích chặt. Cái xích quấn nhiều vòng chung quanh mắt cá, đầu xích cột chặt vào một cái cọc gỗ chôn nghiêng.

Cảnh tượng người đàn ông gần như lóa thể bị cùm xích đột ngột hiện ra làm tôi rợn người, nín thở, trái tim đập thình thình trong lồng ngực. Người đàn ông chưa nhìn thấy tôi. Hắn vẫn ngồi nguyên trong dáng điệu cũ, mắt nhắm nghiền, hai tay cầm hai mảnh que nhỏ loong coong lên đít một cái ông bơ sữa bò lật úp, miệng ê a như một thầy bùa đang tụng niệm.

Hắn cứ ê a và cứ nhắm nghiền mắt mà gõ loong coong không ngừng trên

nắp ống bơ như thế một hồi lâu, thần trí như đắm chìm hoàn toàn vào một thế giới mơ hồ nào đó. Tôi tròn xoe mắt, nhìn ngẩn không chớp. Tôi không biết người đàn ông cời trần bị xích chân và đang ê a hát nhảm ấy là ai. Tại sao hắn ở trong nhà bà ngoại tôi? Tại sao hắn bị cùm xích như thế? Ông tôi, bà tôi, mẹ tôi, không một ai nói chuyện cho tôi về hắn, về sự hiện hữu của hắn trong căn nhà này, dù chỉ một lần.

Bỗng dưng, một tiếng động làm người đàn ông bừng tỉnh. Hắn mở choàng mắt, ngừng hát ngừng gõ. Thấy tôi đứng đó, hắn trợn mắt nhìn rồi thình lình hắn chỉ thẳng chiếc que vào mặt tôi, và cười nhe hàm răng trắng ớn. Tôi chỉ kịp rú lên khiếp hãi rồi quay đầu, cắm cổ chạy bay lên nhà trên.

Tôi còn nhớ khi tôi vừa thở vừa kể chuyện cho bà tôi về người đàn ông nhìn thấy dưới căn buồng hông bếp, bà tôi và mẹ tôi đã đưa mắt nhìn nhau, cái nhìn trao đổi ấy cực kỳ buồn rầu và chua xót.

Tôi nín áo bà, hỏi dồn:

– Ai thế, bà ngoại?

Mẹ tôi trừng mắt mắng át:

– Trẻ con biết gì mà hỏi. Cấm mày không được xuống đó nữa, nghe không?

Thấy tôi phụng phịu sắp khóc, bà ngoại kéo tôi vào lòng, vuốt tóc. Bà nói, giọng nghẹn ngào nước mắt lưng tròng:

– Cháu nó biết gì mà mắng nó! Bác Cả Đoàn đẩy cháu ạ! Mẹ bảo cháu phải nghe, cháu đừng lảng vảng xuống gần

chỗ bác Cả nữa nhé!

– Tại sao thế bà ngoại?”

Bà tôi ngập ngừng nói:

– Vì bác ấy điên.

Mãi mấy năm về sau, khi lớn khôn hơn, tôi mới được mẹ tôi nói chuyện về bác Cả Đoàn. Bác là con trưởng và là người con trai độc nhất của ông bà tôi. Theo lời mẹ tôi thuật lại, bác thông minh và hiền từ vô cùng. Ông bà tôi cho bác ra Hà Nội học, đến khi đỗ bằng cao đẳng tiểu học, bác Cả ở luôn ngoài Hà Nội, làm thư ký cho một hãng buôn lớn, thỉnh thoảng mới về Vĩnh Yên thăm ông bà tôi, thường thường là vào cuối mùa gặt để làm giúp ông tôi sổ sách về thóc lúa thu hoạch được. Gia sản của ông tôi ước chừng vài ba chục mẫu ruộng ở các miền

kế cận thị xã, những thửa ruộng nằm rải rác trong những thung lũng, những chân đồi trước mặt ngọn Tam Đảo, Đường sá miền trung du gập ghềnh núi đồi cheo leo, đó chỉ là một hệ thống thiên nhiên của những lối mòn đổ xuống thung này vắt qua lũng khác, xe cộ không thể đi tới, nên mỗi lần đi thăm ruộng ông tôi vẫn phải dùng ngựa. Ông tôi có một con ngựa hồng, khi nào không cưỡi vẫn thả rông cho ăn cỏ ở khoảng đồi thấp sau nhà.

Năm đó – năm xảy ra bất hạnh – bác Cả từ Hà Nội về giữa lúc ông tôi bị đau nặng. Thế là bác Cả sáng sáng cưỡi ngựa đi thăm ruộng thay cha. Buổi sáng hôm đó, bác cũng cưỡi ngựa phóng nước kiệu ra khỏi nhà đi thăm mấy thửa ruộng gặt dở trong thung như thường lệ.

Đến nơi, bác thả ngựa cho ăn cỏ ở một bóng cây, chạy xuống chuyện trò vui vẻ với đám thợ gặt. Sự tình cờ tai hại là thửa ruộng ấy sát liền với thửa ruộng của một điền chủ khác, người này hôm ấy cũng cưỡi ngựa đến thăm ruộng mình và cũng thả ngựa cho ăn cỏ dưới cùng một bóng cây. Một lát sau, những tiếng hô vang lên. Tiếng móng đạp loạn xạ. Hai con ngựa đá nhau dữ dội. Hoặc là bác Cả không biết khi hai con ngựa đá nhau như thế là cực kỳ nguy hiểm, hoặc là bác sợ con ngựa của ông tôi bị thương – không biết – chỉ biết bác chạy lao tới, kéo con ngựa của ông tôi ra, và liên bị nó đá hậu một đá trúng giữa khoảng bụng dưới. Bác thét lên một tiếng đau đớn rồi ngã vật xuống, ngất đi.

Khi đám thợ gặt khiêng bác về nhà, ai cũng tưởng bác bị ngựa đá chết. Rờ tim,

còn đập thoi thóp, nhưng bác vẫn mê man không hồi tỉnh lại được. Bà ngoại tôi cuống cuống, kêu thóc thảm thiết. Phương kế nào cũng không làm bác tỉnh lại. Cho đến khi một người hàng xóm mách bà tôi cho bác uống mật gấu. Chất mật gấu có một tác dụng kích thích cực kỳ mãnh liệt. Chỉ mười lăm phút sau, bác Cả cựa mình và mở mắt.

Có điều là thương con quá độ, muốn cứu con mau chóng, bà tôi đã đổ vào miệng bác quá nhiều mật gấu. Sau tai nạn, bác khỏe mạnh như người thường. Nhưng một năm sau, chất mật gấu bắt đầu phá phách cơ thể và thần trí, bác Cả Đoàn phát điên. Bà tôi đau đớn ra tận Hà Nội đón đưa con điên loạn về Vĩnh Yên, nhất định không chịu để người ta đưa bác vào nhà thương Vôi, là nhà thương người điên ở miền Bắc thời bấy giờ.

Sự buồn thảm như một đám mây đen tối đổ dồn vào mái nhà êm ấm, biến nó thành địa ngục và nhà mồ. Ông tôi giết con ngựa phản chủ, suốt ngày ngồi lặng lẽ trên góc phản, khuôn mặt u uất rầu lạnh như chưa thôi đau đớn trước một thất đức tiền kiếp nào đó, bây giờ hiện thân thành trừng phạt mà người phải gánh chịu qua chứng điên loạn của người con. Bà tôi thì cả ngày vật vã khóc lóc. Nhà có người điên nên bạn bè thân thuộc cũng xa lánh dần dần. Sự thật là ông tôi đóng kín cửa không chịu tiếp ai, trong nỗi đau âm thầm có pha lẫn một niềm tủi hổ mà sống người để bụng, chết người mang theo, vĩnh viễn không bao giờ xóa bỏ được.

Căn nhà chứa lúa dưới hông bếp không dùng làm gì nữa – ông tôi đã bán rẻ hết ruộng đất sau tai họa – biến thành

cái thế giới lưu đầy bé nhỏ cho bác Cả sống với những hình ảnh quái dị nhảy múa trước mắt, nơi sự tỉnh táo sáng suốt chỉ còn là những vùng thư thái thu hẹp như những giọt nắng thoi thóp cuối cùng của một vòm trời bão giông. Căn bệnh không thuyên giảm, ngày một trầm trọng thêm mãi cho đến khi mọi phương sách cứu chữa tuyệt vọng đều uổng công.

Mấy tháng đầu, cơn điên chập chờn trong một trạng thái mất trí hiền lành, Bác Cả cười khóc rồi lăn ra ngủ. Bác ngủ suốt ngày suốt đêm, đầu ghéch lên một góc tường, tay chân co quắp, như một con chó ốm. Sau, chứng bệnh nặng dần. Cái thế giới bệnh hoạn ngọt ngạt nung nấu biến con vật hiền lành thêm thiếp thành một con thú dữ tợn, mỗi lần nổi cơn là một lần đập phá gào thét khủng khiếp. Tóc bạc mọc dài ra, râu ria xồm xoàm.

Rớt rãi sùi trắng hai bên mép. Con mắt trợn trừng đỏ rực màu máu. Đêm đêm tiếng gầm rú của người điên vang động khắp khu phố, như lan xa tới vách Tam Đảo và vang trở lại, gọi trong nó cái âm thanh rùng rợn của một con hổ vằn tử thương tru rộng từ một đáy rừng sương.

Một buổi chiều nóng nực, bác Cả phát cơn điên đã chạy lên nhà đập phá loạn xạ. Rồi vớ được một gióng cửa gỗ lim, bác thẳng cánh quất xuống đầu ông tôi máu chảy lênh láng. Từ đó, mặc dù bà tôi phản đối, ông tôi cho xích bác lại. Người điên khỏe lạ lùng. Cái dây xích lớn thế, cái cọc đóng sâu vào nền đất như thế mà nhiều lần bác thét rồi vươn tay nhổ phăng cọc, cứ trần truồng ôm xích mà chạy tóa ra đường. Bác vừa chạy vừa hò hét, cứ nhằm hướng Tam Đảo tiến vào. Phải hàng chục người trai tráng trong

phổ mới chế ngự được bác sau một cuộc vật lộn dữ dội.

Người độc nhất mà bác còn nể sợ là bà tôi. Đang gào thét, chửi rửa, đập phá, chỉ cần bà tôi đến ngó bác bằng cái nhìn đầm lệ và dịu dàng nói: “Cả, làm gì thế con?” là bác im ngay, bác từ từ ngồi xuống, cái nhìn nem nép cúi gằm như một đứa nhỏ phạm tội. Tình thương đó của bà tôi là dòng ánh sáng duy nhất còn chiếu soi được vào vùng tối đặc mê mẫn, là trận mưa duy nhất còn đổ xuống và thấm lắng được vào thần trí bác như một vùng đất đai khô cằn, làm nở lên những bông hoa. Nhưng tình thương đó chỉ là một liều thuốc an thần chốc lát. Căn buồng chứa thóc ngày trước ở hông bếp là một địa ngục vĩnh viễn giam cầm bác Cả tôi trong cái thế giới cô độc của kẻ

mất trí, cái thế giới rùng rợn của người điên.

o O o

Từ ngày biết rõ chuyện bác Cả như thế, tôi vẫn được mẹ tôi hằng năm cho về thăm bà ngoại. Tôi sợ, nên chỉ quanh quẩn trên nhà, đôi khi lảng vảng xuống khoảng sân sau cũng chỉ dám đứng ngó bác thấp thoáng trong căn buồng mờ tối từ xa. Cho đến khi cuộc chiến tranh đột ngột bùng nổ, cắt đứt đường về thăm quê ngoại. Hai năm trôi qua như thế, rồi là một tin buồn từ ngọn Tam Đảo vượt qua nghìn trùng cách trở xuống với gia đình tôi ở dưới biển: ông ngoại tôi tạ thế. Mẹ tôi khóc ngất, thương cha chết một phần thương người mẹ già một thân một

mình lui thủi kéo lê cái tuổi già buồn thảm dưới bóng núi xa đến mười phần.

Tôi còn nhớ năm đó là một mùa đông cực kỳ buốt lạnh. Sau một đêm bàn bạc, cha tôi bằng lòng để mẹ tôi tìm đường lên Vĩnh Yên đón bà ngoại xuống ở với gia đình tôi. Mọi đường giao thông trên bộ đã bị gián đoạn hết, phải chuyển vận bằng thuyền. Vì chuyển đi nguy hiểm gian lao, tôi phải năn nỉ vò vĩnh mãi mới được mẹ tôi cho phép đi theo. Ngày đi đêm nghỉ, chiếc thuyền nan ngược dòng, vượt nhánh sông này tới nhánh sông khác, len lỏi qua các mặt trận, tránh xa những vùng súng đạn, ròng rã đúng vào nửa tháng mới tới được cái bến đá hẻo lánh dưới chân ngọn Tam Đảo.

Bấy giờ, từ mạn cầu Đuống tràn ngược lên qua Hương Canh, Phúc Yên,

cánh quân mở đường của Pháp đã tiến dần đến thị xã. Chúng tôi đặt chân vào căn nhà rêu phong cổ cũ đúng ngày bà ngoại tôi đang sửa soạn tản cư vào núi. Đứa trẻ đã lớn, đã biết nhận xét ở tôi, chuyển cuối cùng về thăm quê ngoại đó, thu vào tầm mắt nó những hình ảnh cực kỳ buồn thảm. Bà tôi đã già, già lắm. Bà vẫn đội cái khăn mỏ quạ, mặc cái áo bông ngắn như cũ, nhưng ánh lửa nhân hậu sưởi ấm những tháng ngày thơ dại của tôi đã tắt trong cặp mắt nhòe mờ, khuôn mặt tươi cười thuở nào chỉ còn là một vùng héo hon đầy những nếp nhăn, in hằn những đường rãnh nước mắt không thôi chảy ròng từ ngày đứa con trai độc nhất bị ngựa đá thành điên. Cùng với tiếng súng của một thời loạn lạc âm ỉ dội tới từ đầu thị xã, buổi tối mùa đông đầy đặc khí núi thổi lửa từng đợt lạnh căm căm vào căn nhà le lói ánh đèn, nơi

mẹ tôi và bà tôi ngồi thao thức bên đống hành lý gói buộc sẵn sàng trong đêm dài kinh hoàng, chờ buổi sáng tới để chạy ẩn vào hang núi. Những tiếng thở dài náo nuột phát ra từ hai cái bóng âm thầm. Bỗng mẹ tôi hỏi:

– Còn bác Cả.

– Mẹ cũng chưa biết tính sao đây, bà ngoại vừa khóc vừa nói. Nó điên loạn như thế cùm xích bao nhiêu năm rồi, bây giờ tháo xích đưa nó đi theo, biết nó chịu đi không? Nó nổi cơn lên thì làm thế nào chứ! Mà để nó ở lại thì thà mẹ ở lại đây cho lính Tây nó bắn chết còn hơn.

– Hồi này bệnh tình anh con ra sao?

Mẹ tôi hỏi.

Bà tôi gạt nước mắt nhìn xuống phía nhà bếp:

– Mỗi ngày một nặng thêm. Trước nó còn chịu nghe mẹ, bây giờ mê loạn hoàn toàn rồi, bảo gì cũng không chịu nghe nữa.

Tôi cứ nằm nghe tiếng đại bác âm ì và tiếng nói chuyện rì rầm như thế rồi ngủ đi trên gối bà lúc nào không hay. Khi mẹ tôi lay vai đánh thức dậy, trời đã tảng sáng. Tiếng súng lớn vọng tới trong đêm giờ đã biến thành tiếng liên thanh tặc tặc réo réo từng hồi, thật gần, rõ mồn một, tưởng như đã nghe thấy tiếng giầy đinh, tiếng xì xô của quân Pháp ở ngay đầu phố.

Mẹ tôi và bà đeo khăn gói lên vai hấp tấp đi xuống còn buông bên hông

nhà bếp. Phút quyết liệt đã tới. Bà tôi mở cánh cửa gỗ, mẹ tôi rón rén đi theo, cùng tiến vào chỗ bác Cả Đoàn nằm. Tôi nín thở, đứng nép sau lưng bà. Cái bao bố rách tôi tả phủ lên một thân hình gầy đét đến xương, bác Cả nằm nghiêng, quay mặt vào tường, sợi dây xích đen nháy căng thẳng từ có chân bác tới đầu cọc. Mùi cứt đái xông lên nồng nặc khiến tôi nôn ọe bịt vôi mũi lại. Cái ống bơ và hai thanh tre, thú tiêu khiển và cũng là bạn bè độc nhất suốt một đời của người điên – tôi nhìn thấy ở nguyên chỗ cũ, dưới chân bác. Bác nằm, nhưng không ngủ. Tiếng nôn ọe của tôi làm bác bất thần quay ra và ngồi vụt dậy. Tôi hoảng hốt không giữ được tiếng thét sợ hãi. Mọi người chờ đợi những tràng dài quát tháo nguyên rửa nổi lên. Nhưng không, bác lùi vội lại một bước như con thú dữ thu mình, tròn xoe mắt, nhìn bà tôi không

chớp. Mẹ tôi gạt nước mắt đứng yên. Bà tôi ngồi xuống. Bằng một giọng nói hết sức dịu dàng, rành rọt từng tiếng một, bà tôi cắt nghĩa cho bác là quân Pháp đã tràn vào thị xã, chúng tôi phải bỏ nhà tản cư vào núi và xuống đây đem bác đi theo.

– Con bằng lòng đi theo mẹ không?

Bác Cả nín thinh, rồi cái nhìn vụt chuyển thẳng từ bà tôi tới tôi khiến tôi thất thần lạnh toát người đi.

– Con giai em con đó, mẹ con nó lận lộn từ dưới bể lên thăm con đó.

Bà ngoại quay lại tôi:

– Cháu chào bác Cả đi. Bác yêu cháu lắm. Cháu chào bác đi.

Tôi nhợt người, ấp úng mãi mới nói được với người điên:

– Lạy bác ạ!

Bác vẫn nín thinh trong dáng điệu thủ thế cũ. Bà tôi ngồi xích lại gần bác, ghen ngào:

– Con thế này, sống cũng như chết rồi, mẹ chẳng muốn đưa con ra khỏi chỗ này làm gì, nhưng Tây nó đến, mẹ bỏ con lại không đành, con nghe lời mẹ, con đừng giận dữ, con đi theo mẹ nhé!

Bác vẫn nín thinh và nhìn ngó trùng trùng. Bà tôi ngọt ngào dỗ:

- Bây giờ mẹ cởi xích cho con.

Miệng nói bà tôi thò tay vào chân bác. Bác Cả rút phắt chân lại. Dây xích

căng thẳng, tiếng kêu loảng xoảng trong căn buồng tối nhờ nhờ. Nhưng tình thế nguy ngập không thể chùng chình được nữa.

– Mẹ cứ cởi xích cho con rồi con có giết chết mẹ, giết chết em, giết chết ngay lập tức, mẹ cũng đành, nhưng mẹ không thể bỏ con ở lại một mình được, mẹ phải cứu con, mẹ phải đưa con đi, mẹ con ta sống chết phải có nhau.

Bà tôi vừa khóc sụt sùi, vừa mếu máo tra cái chìa vào ổ khóa. Rồi mẹ tôi và tôi cũng ôm mặt khóc theo. Tiếng khóc vang đầy căn buồng hòa lẫn với tiếng đạn liên thanh tặc tặc nổi dậy, mỗi phút một gần thêm mãi. Vòng xích cuối cùng đã tháo hết, bác Cả như một con thú dữ bị gông cùm bao nhiêu năm qua vừa được thả lỏng. Giây phút cực kỳ căng thẳng.

Chúng tôi cứng người, chờ bác chồm dậy, thét lớn, vung xích quật xuống.

Nhưng lạ lùng, nhưng kinh ngạc xiết bao! Bác Cả từ từ đứng dậy. Và trong một dáng điệu hết sức từ tốn, đĩnh đạc, bác tiến lại trước mẹ tôi, giơ cánh tay trần khảng khiu đặt lên vai mẹ tôi, cử chỉ thân mật âu yếm của một người anh đối với người em gái lâu ngày mới gặp:

– Cô Hai đấy ư? Bây giờ cô chú xuống làm ăn dưới biển ư? Chú ấy vẫn mạnh đấy chứ?

Sự kinh ngạc làm mẹ tôi mãi mãi mới trả lời được hai tiếng ngắn cộc:

– Vâng ạ.

Mà không riêng gì người, bà tôi và tôi đều cùng sống sờ trong kinh ngạc

tột điểm. Bao nhiêu năm điên loạn, thốt nhiên, trong giây phút thập tử nhất sinh này, bác Cả đã tỉnh dậy, như tỉnh dậy sau một giấc ngủ bần bật, như sống lại sau một cái chết dài.

– Ông mất rồi, tôi bệnh hoạn như thế này, bà già yếu không còn ai nương tựa, chỉ còn mình cô chú. Cô chú thay tôi chăm sóc bà nhé!

Mẹ tôi giàn giụa nước mắt gật đầu. Bác Cả quay lại, mỉm cười tiến đến trước mặt tôi, cái bao bố kéo lệt sệt trên nền đất.

– Tên cháu là gì?

Phút đó tôi vẫn khiếp hãi, nhưng sự khiếp hãi không còn như trước nữa. Tôi nhìn cái khuôn mặt râu ria xồm xoàm, nhóp nhúa, tiêu tụy nhưng đầy những

nét đẹp cân đối, tôi nhìn cái thân hình giờ xương, cái mái tóc màu tro phủ xuống kín gáy, rồi tôi nuốt nước bọt, cố gắng chế ngự sự hồi hộp, đồng dạc trả lời bác:

– Thưa bác, tên cháu là Đăng.

Bác Cả nhoẻn miệng cười, xoa đầu tôi, nhắc đi nhắc lại:

– Tốt lắm, tốt lắm, tốt lắm.

Cuối cùng, bác quay sang bà ngoại mà nổi mừng vui xúc động mãnh liệt vừa bật thành tiếng khóc nức nở.

– Con không điên nữa đâu. Bây giờ con không điên đâu. Mẹ đừng sợ, mẹ đừng khóc nữa.

Qua khung cửa, trời bật sáng rõ.

Cùng với ngày vừa lên, tiếng giấy đình rầm rập, tiếng xì xồ quất tháo lạt tại của toán lính Pháp hung dữ nhất tề nổi lên ở đầu phố.

Bác Cả lắng tai nghe ngóng. Mắt bác sáng quắc. Bác nhảy vọt một bước ra sân, vợ lấy cái gióng cửa dựng ở bên thành bể non bộ, cái gậy mà trong một cơn điên ngày nào bác đã đánh ông tôi chết ngất. Theo tiếng gọi của bác chúng tôi lú lú ra khỏi nhà lếch thếch chạy ngược về phía chân núi Ngọn Tam Đảo mờ mờ trong sương sớm. Ra đến đầu tỉnh chúng tôi đặt chân vào con đường dẫn lên đồi còn ướt đầm sương. Chúng tôi vừa chạy vừa thở hổn hển, chân cảng run bắn muốn rú lại, muốn té quỵ, vì ở phía sau lưng những tiếng đạn, tiếng giấy, tiếng xì xồ vẫn đuổi theo rất gấp. Những đám người chạy cùng với chúng tôi khi nhìn thấy

bác Cả, mình đeo khố tải, tay cầm gậy lớn, đều kêu lên thất thanh:

– Người điên! Người điên!

Và chạy tán loạn về phía khác. Tôi chạy tưởng chừng sắp muốn đứt hơi. Bà tôi mấy lần lão đảo chỉ muốn ngã sấp xuống. Bác Cả đi tập hậu, cứ kéo lết bết cái bao tải như thế, vừa chạy vừa ngoái cổ lại. Trên con đường vắng tanh, lờ mờ, chỉ còn bốn bà cháu chúng tôi cuống cuống, lếch thếch trước những tràng đạn đuổi theo veo véo trên đầu.

Bỗng tiếng bác Cả cất lên:

– Chúng nó! Chúng nó!

Chúng tôi rú lên, cùng ngoái cổ nhìn lại. Thấp thoáng ở xa xa, đầu con đường đầu tỉnh, những đầu lưỡi lê nhấp nhô,

sáng loáng. Cùng lúc đó, bà tôi kiệt sức, ngã vật xuống. Bác Cả chạy đến, xốc bà ngoại dậy. Bà tôi vừa khóc vừa thở:

– Thôi đành là mẹ con ta chết ở đây. Mẹ không chạy nổi nữa, con ơi!

Tôi thấy bác Cả đẩy bà ngoại cho mẹ tôi đỡ lấy, bác ngẩn cổ nhìn tứ phía, rồi bác chỉ tay cho mẹ tôi nhìn thấy một con đường nhỏ chạy tắt xuống thung lũng um tùm.

– Cô đưa bà và cháu chạy xuống dưới kia.

Mẹ tôi còn ngờ ngác do dự bác đã giục hối hả:

– Mau lên. Chạy xuống ẩn dưới đó đi.

– Còn bác?

Bác Cả lần lượt nhìn cả ba chúng tôi bằng một cái nhìn lạ lùng, một cái nhìn chứa chan, nồng nàn, như gửi vào đó tất cả những thương yêu một đời, rồi bác mỉm cười nói:

– Tôi chạy theo sau mà. Mau lên, trời ơi, mau lên.

Mẹ tôi quàng với khăn gói, một tay dìu bà, một tay dắt con, cầm đầu chạy xuống con đường nhỏ. Chạy tới một vùng cỏ dại cao ngang tầm người, mẹ tôi vấp kéo theo bà tôi và tôi cùng ngã xuống.

Nhìn lên, mẹ tôi kêu lên một tiếng sợ hãi. Thì ra bác Cả không chạy theo chúng tôi, mà từ con đường cao, bác

chạy sang phía bên kia, bác chạy thẳng lên đỉnh đồi.

Suốt đời, tôi còn nhớ thân đến cái cảnh tượng lạ lùng, kinh dị đó. Thân hình bác Cả nổi lên nền núi xanh thấp thoáng nắng sớm, cái khối tải lất phất như một cánh bướm, như không phải là bác đang chạy mà đang là bay. Điều kỳ dị là bác chạy dềnh dàng, chuệch choạng, chân nam đá chân xiêu, như người sau rượu. Điều kỳ dị nữa là bác vừa chạy như thế, vừa vung tit cái gậy trên đầu, vừa ngoái cổ lại, gật gù như vẫy như gọi bọn lính đuổi theo, miệng thì ca hát ê a, tiếng ca hát ê a tôi đã từng nghe thấy trong những cơn điên của bác.

Bà tôi và mẹ tôi cùng thét lên:

– Trời ơi! Lại nổi cơn điên rồi.

Nhưng không phải thế đâu. Bác Cả không điên, Bác Cả chỉ đang cứu chúng tôi thoát khỏi ba cái chết thảm khốc. Sau này, càng nghĩ càng nhớ đến cái nhìn cuối cùng của bác, cái nhìn chan chứa yêu thương không nói, tôi càng tin là đúng, là chỉ có thể như thế, là lần duy nhất trong đời, điên đã tỉnh rồi, đã giả bộ múa hát điên điên đại đại, để dụ quân Pháp về một hướng khác, đánh lạc đường chúng đuổi theo chúng tôi.

Và bác đã thành công, toán lính đuổi tới chỗ bà tôi ngã, đứng khựng lại trước cảnh tượng kỳ quái đang diễn ra trước mắt chúng trên ngọn đồi trọc. Tới đỉnh đồi, bác Cả quay lại, hoa chân múa tay, miệng vẫn hò hát, như thách thức đám lính đuổi theo. Một tràng đạn xé tan không khí. Từ đám cỏ hồng, tôi thấy bác Cả lão đảo, cái gậy trong tay bác hạ xuống,

bác loạng choạng đi trở xuống, tay ôm ngực. Một tràng đạn thứ hai nổi lên. Bác Cả ngã vật xuống. Quân Pháp chụm đầu bàn tán, ý chừng còn thắng thốt trước sự xuất hiện quái đản của người khùng. Rồi chúng quay trở lại, kéo nhau về thị xã.

Chúng tôi thoát chết.

Khi bà tôi lên tới đỉnh đồi và nước nở quỳ xuống, bác Cả đã tắt thở từ lâu. Con mắt một nửa đời người vẫn đục màu máu điên loạn chỉ còn là một khối đồng tử bất động. Cái bao tải phủ ngang thân thể bác như một màn vải liệm. Chiếc gậy lớn vẫn cầm lăm lăm trong tay. Bác Cả nằm nghiêng nghiêng, nét mặt hiền hòa, cái nhìn ngược lên như hướng tới đỉnh núi Tam Đảo cao ngất bây giờ đã rục rở dưới nắng.

Bà tôi vuốt mắt cho bác. Buổi trưa hôm đó bà tôi xoa tóc, đi theo các con đến tận bờ huyệt đạo ngay trong thửa ruộng chân đồi, dưới bóng cây, nơi khi xưa, bác Cả Đoàn đã bị con ngựa hồng của ông tôi đá một phát vào bụng dưới thành điên.

o O o

Trở về căn nhà rêu phong cũ, bà tôi quét dọn lại căn buồng chứa lúa ngang hông nhà bếp, dọn giường chiếu xuống đó, sống những ngày già yếu cuối cùng của đời bà ngay trên thước đất nơi bác Cả bị xiềng xích ngày trước. Chỉ còn một thân một mình nhưng bà tôi nhất định ở lại nơi này, trong căn buồng của người con điên, và bỏ luôn ý định xuống miền

biển, sống với gia đình chúng tôi, mẹ tôi năn nỉ thế nào, khóc xin đến mấy cũng không lay chuyển được. Ngày sắp di cư vào Nam, cả thầy mẹ tôi cùng lên Vĩnh Yên, đón bà cùng đi. Nhưng bà tôi không chịu. Và bà đã ở lại. Bà bảo mẹ tôi:

– Mẹ già rồi, không đi đâu nữa. Mẹ ở lại chờ chết trong căn buồng này là nơi thằng Cả nó đã sống, đêm đêm mẹ vẫn mơ thấy nó hiện hồn về.

Trên cái bàn thờ nhỏ của bác Cả Đoàn được thiết lập ở một góc buồng, bà tôi dựng cái gậy bác Cả còn cầm ở trong tay cho đến lúc chết. Và trên bàn thờ, dưới ánh khói hương, là cái ống bơ sắt cũ và đôi gậy tre là những dấu tích cuối cùng của một cuộc đời điên loạn.

o O o

Bây giờ bà tôi đã chết. Tắm bư thiếp ngắn ngủi từ bên kia vĩ tuyến không nói rõ bà tôi nằm xuống ở đâu, trút hơi thở cuối cùng trên thước đất nào. Nhưng tôi, tôi nhìn thấy rõ ràng cái chết nghìn trùng cách trở ấy. Người bà ngoại nhân hậu vì quá thương con, cho con uống quá nhiều mật gấu đến nỗi thành điên, đã khép mắt trong căn buồng ấy, nơi mãi mãi phảng phất tiếng ê a lạ tại và tiếng đũa gõ loong coong đêm ngày trên nắp cái ống bơ lật úp của người điên đã chết cho những người thân yêu được sống. Phải, bà ngoại tôi chỉ có thể chết trong căn buồng ấy. Không thể chỗ khác. Và người ta cũng chỉ có thể chôn cất bà ở chỗ ấy, cho người mẹ già được ngủ giấc ngủ nghìn đời với người con điên trong thửa ruộng dưới chân đồi nhìn lên một sườn Tam Đảo. Không thể ở chỗ khác.

Có một điều là sau bao nhiêu năm, tôi vẫn ngạc nhiên và vẫn tự hỏi về cái hiện tượng lạ lùng là sự thức tỉnh sáng suốt cuối cùng và đột ngột của bác Cả Đoàn. Tiếng súng đạn đình tai nhức óc đã làm bác chột tỉnh cơn điên loạn triền miên? Hay là vì những giọt nước mắt hãi hùng của chúng tôi trong buổi sáng thập tử nhất sinh đó? Hay vì tôi, vì cái khuôn mặt thơ dại của đứa cháu vô tội? Không biết. Có thể là vì những nguyên nhân huyền bí, siêu hình nào đó đã cấu tạo thành linh hồn và sự thật dị thường không khám phá nổi, niêm bí mật nghìn đời ẩn giấu của thế giới người điên.

Chỉ biết rằng, buổi sáng hôm đó, trước cái chết đến gần, bác Cả Đoàn đã tỉnh dậy. Và nhờ sự sáng suốt độc nhất, chốc lát, của cuộc đời điên loạn ấy mà tôi còn được sống đến ngày nay.

BUỔI TRÌNH DIỄN CUỐI CÙNG

Tôi mặc áo, tôi đến đứng trước
tấm gương lớn, tôi ngồi xuống,
tôi trang điểm, tôi đứng dậy, tôi cởi áo, tôi
lại mặc vào, tôi thở dài, tôi nhìn đồng hồ,
tôi trở lại bàn phấn, tôi ngắm tôi trong
gương tôi mở cửa đi ra, tôi đóng cửa đi
vào, tôi ôm đầu, tôi bưng mặt, tôi đi ra
tôi trở vào, tôi cứ đứng lên ngồi xuống,
đi đi lại lại, mặc áo, trang điểm, thở dài,
ôm đầu như thế đã hàng trăm lần. Tôi

đã mất tự chủ. Và tôi không quyết định được. Toàn thân tôi chỉ còn là một khối lửa bồn chồn nóng dấy, đầu óc quay cuồng, tay chân run bắn, hơi thở hồi hộp choáng váng, thần trí hỗn loạn xao xuyến. Tôi ngây dại cả người. Tôi bàng hoàng. Tôi điên, tôi điên.

Sau cùng, không chịu được nữa, tôi vùng chạy vào buồng ngủ, và cứ để nguyên quần áo, tôi nằm vật xuống giường, tôi úp mặt xuống gối, và tôi khóc, tôi khóc nức nở. Tôi khóc nức nở vì tôi muốn tới, phải tới, tôi không thể không tới nhưng tôi cũng biết rằng tôi không thể nào tới được. Một sức mạnh khủng khiếp, cái sức mạnh đó ở ngoài tôi, không thuộc về tôi, kìm hãm tôi như một vòng sắt khóa chặt lấy chân kẻ tử tù trong những vùng vẫy điên cuồng tuyệt vọng, sức mạnh đó là nụ cười khinh mạn của chàng và sự

tử hổ không bờ bến của tôi, sức mạnh đó là cái hố chia ngăn thăm thăm mở ra trước mắt tôi đêm nay, trên đường tới hý viện. Và tôi đã khóc nức nở vì tôi biết đã không thể nào vượt khỏi được sự chia ngăn vô hình mà thăm thăm đó, để đến được với chàng.

o O o

Ngoài phòng khách, chuông đồng hồ thông thả gióng lên. Tiếng chuông điểm khoan thai chậm chạp đủ mười tiếng. Đang khóc, tôi ngừng bật, cơ thể lạnh buốt, những mạch máu như cùng một lượt đông đặc lại trong huyết quản. Cổ họng tôi nghẹn ứ. Mỗi tiếng chuông có khác gì một tiếng vỗ đóng mạnh xuống nắp áo quan tôi nằm hấp hối trong đó, mỗi tiếng chuông có khác gì một tiếng

búa gỗ chát chúa lên hình thánh giá, trên đó, thân thể tôi căng thẳng quằn quại trong một hành hạ rùng rợn của cực hình. Mười giờ. Buổi trình diễn, giờ này, đã bắt đầu. Đêm này lại chính là đêm cuối cùng. Buổi trình diễn đêm nay là buổi trình diễn cuối cùng. Cuối cùng. Cuối cùng. Trời ơi, tôi muốn hét lên. Tôi điên rồi đây. Tôi muốn hét lên. Như một con vật tử thương lết tới, tôi ngược mắt, tôi từ từ nhòe dấy.

Biệt thự yên tĩnh không một tiếng động. Lũ đây tớ, các con tôi, thấy đều ngủ yên. Tiếng chuông đồng hồ đã tắt mà dư âm của nó còn như lạnh lạnh ngân nga qua những hành lang, những gian phòng trống lạnh và tịch mịch. Tôi phải đến. Tôi phải đến mặc dầu sự tủi hổ, niềm nhục nhã. Chàng sẽ nghĩ về tôi như thế nào? Mặc. Tôi đâu còn tự ái

gì. Tôi phải đến. Tôi thầm nhắc đi nhắc lại như một điệp khúc nào nùng thắm thiết với tôi như vậy, nhưng tôi vẫn ngồi đó trân trân, thân thể tê liệt bất động, cứng chết trong một kìm giữ dồn nén đến cùng độ, trong sự gào thét của một ham muốn điên cuồng mà không thể nào thực hiện được. Chàng đã lắc đầu. Chàng đã từ chối. Chàng đã nhếch mép cười nhìn thẳng vào mặt tôi. Chàng đã bỏ đi. Cái cảm giác tủi hổ ngượng thẹn qua một đêm hết một ngày còn như một dấu chàm bóng rât in hằn lên tâm tưởng, lên từng tắc da thịt chín nhừ của tôi, tôi không thể nào quên được cái phút ấy, cái phút tôi đứng đó, trước hý viện, trơ trẽn, ngỗ ngược, lỗ bịch đến cùng mình. Sự từ chối của chàng, lẽ độ, nhũn nhặn, nhưng có kém gì một cái tát đánh thẳng vào mặt mày. Thà mày chết, thà mày sẽ suốt đời hối tiếc, tôi nghĩ, nhưng mày không thể

tìm gặp lại chàng được nữa, mà không thể trở lại dưới ánh sáng hý viện đêm này.

Vậy là sự ham muốn mãnh liệt có thể đẩy tôi đến những hành động thiếu tự chủ nhất nhưng nó đã giữ không cho phép tôi rơi ngã vào sự tầm thường. Tầm thường và vô ích. Để làm gì? Để làm gì? Sự trở lại của tôi giữa cái hý viện đầy ng-hệt ấy đêm này, sự trở lại, tôi biết chắc chắn như vậy, sẽ chẳng đẩy thêm tôi tiến gần được bước nào, trên con đường tuyệt vọng, chơi với đến chàng. Mà hẳn là sau phút gặp mặt và những gì xảy ra đêm qua, chàng đã có những ý tưởng nhất định về tôi rồi. Chỉ nghĩ đến những ý nghĩ đó tôi đã rùng mình đã muốn tan biến vào hư vô. Đã muốn chết. Con đàn bà lãng mạn, vô duyên, trơ trẽn, dâm dục, hẳn chàng đã nghĩ về tôi như thế đó.

Và hẳn là những ý nghĩ xấu xa đó cũng chỉ đến với chàng trong giây phút, rồi chàng quay gót bỏ đi không quan tâm, tâm tưởng chàng đã thản nhiên xóa bỏ tàn nhẫn đến cả sự hiện hữu của tôi, sự xóa bỏ hoàn toàn không còn lưu lại một mảy may dấu tích. Và tôi, khốn nạn, tại sao tôi không biết như vậy? Tại sao tôi lại có được cái hành động lỗ lã, ngớ ngẩn, kỳ quái đến như vậy? Ủ, tại sao? Con đàn bà lãng mạn, trơ trẽn, lỗ lã, vô duyên, dâm dục. Mà chính là cái con đàn bà đó, trong ý tưởng chàng. Tôi nghĩ vậy, và tôi muốn giết chết tôi đi như một con vật ngu đần hèn mọn.

Trời đầy sao bên ngoài. Qua khung cửa sổ mở rộng, không khí ban đêm từng đợt lửa vào, chạm tới cái thân thể nóng bỏng của tôi, những thước không khí

mát và trong suốt như những phiên ngọc thạch. Mười giờ qua rồi. Như mọi đêm, buổi trình diễn đêm này đã bắt đầu. Tôi nhắm mắt lại. Tôi hồi tưởng lại những buổi trình diễn trước, đêm qua đêm kia, những buổi trình diễn kéo dài liên tiếp từ đầu tuần lễ, bây giờ chúng hiển hiện trong tôi vừa rõ ràng như một sự thực, vừa chập chờn như một giấc mộng, một ảo tưởng. Tôi thấy tôi đi theo dòng người ào ạt từ khắp ngả của cái thành phố đất khách này đổ tới hý viện. Tôi thấy tôi mang cái tâm trạng chung của lớp kiều bào sống xa quê hương, náo nức, nhiệt thành đến nghe đến xem, đến thưởng thức, đến đón nhận, đến sống, đến hòa mình vào với cái không khí quê hương trong sắc thái và hình ảnh của đoàn hát chỉ rất nhiều năm mới trở lại một lần. Tôi thấy tôi mang cái tâm trạng mừng mừng tủi tủi đó của mọi người, cái tâm

trạng kẻ sầu xứ nơi đất khách xa lạ muốn tìm lại cái vẻ, cái nét, cái hình dáng, cái hơi thở thân thuộc của quê hương.

Nhưng tôi còn thấy tôi mang cái tâm sự của riêng tôi, trong mối tương quan nung nấu, thầm kín với chàng. Tôi thấy tôi nhập vào cái biển người cuộn cuộn, bước qua tấm biển quảng cáo, vào tới rạp, ngồi xuống ghế. Rồi qua những màn vũ, màn kịch, những hoạt cảnh, những bản hợp ca, hợp tấu, tôi thấy tôi thành linh nín thở, thân thể bỗng như có một luồng điện cực mạnh truyền khắp, tâm trí thoát bị đắm chìm huyền hoặc bởi một sức thôi miên, khi tiếng giới thiệu của người hoạt náo, sau tấm màn nhung, vừa gọi đến tên chàng. Tiếng vỗ tay ào ào dội vào óc tôi như một bầy ong vỡ tổ. Tấm màn nhung vén mở từ từ. Và chàng, chàng đó. Chàng hiện ra. Chàng đã ở

trên kia. Chàng tiến ra trước máy vi âm, chàng nghiêng đầu chào, tiếng vỗ tay lại nổi lên ào ào. Tôi sững sờ như một kẻ chết đứng, tôi uống, tôi hút, tôi nuốt lấy hình ảnh chàng.

Bao giờ cũng vậy, chàng đều đứng thẳng dậy, mái đầu khẽ cúi xuống trong một tập trung tinh thần, rồi nhạc dạo khoan thai khởi đi trong những tiếng dương cầm, chàng ngẩng lên từ từ, chàng nhìn mọi người và chàng bắt đầu hát. Những cử chỉ đó không lập dị, không kiểu cách, nó cũng tương tự như ở những ca sĩ cùng đoàn hát với chàng, nhưng ở chàng, nó có một vẻ kiêu ngạo thâm kín, một vẻ quý phái riêng. Nó toát ra một vẻ gì miễn cưỡng trầm lặng, mệt nhọc, và cái sắc thái riêng biệt đó như đẩy chàng cách biệt với kẻ khác, với chung quanh, vào một thế giới cô đơn nào đó. Tiếng

hát của chàng cũng vậy. Đó là một tiếng hát hết sức cô đơn. Nhưng mà tôi không nghĩ, không phân tích nữa. Chàng đã bắt đầu hát. Và tôi cũng bắt đầu sống. Chàng cất tiếng trên kia và dưới này tôi đã đi vào sự sống của một cuộc phiêu lưu kỳ diệu.

Khoảng cách biệt từ chàng xuống đến tôi nhấp nhô những bờ vai, mái tóc, đầu người – đêm trình diễn nào hý viện cũng đông nghẹt – nhưng tầm mắt mê đắm của tôi thì đã có thừa sức mạnh đánh nhòa tất cả những lập vờ, nó trải đi, nó đến với chàng từ một thu nhỏ qua một phong lớn rục rờ, tầm mắt tôi đóng khuôn vào giòng chảy một ngọn suối từ chàng đổ tới, ngọn suối đó nấu thành men, tỏa thành hương, ngọn suối đó làm bằng tiếng hát và âm thanh, nó nhập nội vào thể xác, vào định mệnh đời

tôi cũng chỉ còn là một khối âm thanh rung động.

Trong sự huyền hoặc bởi tiếng hát của chàng, cái cảm giác bị chi phối ở tôi trước sau là một cảm giác duy nhất, điều mà tôi không bao giờ cảm thấy ở một ca sĩ nào khác. Tiếng hát đó là cái-chỉ-có-một. Nó là một màu nhiệm khó hiểu. Nó làm mới, nó đổi khác, tất cả, tất cả. Khi chàng hát, ánh sáng từ dàn nhạc hắt lên, ánh sáng từ những dàn đèn chiếu trên cao tỏa xuống, thân hình chàng chỉ còn là một hiện hình hư ảo trong một vùng hào quang hư ảo. Khi chàng hát, tiếng hát mang trên nó, trong nó, phơi phới, u uẩn, bát ngát, sự hiện hữu, ý nghĩa của cả một định mệnh, một đời người. Mỗi lần anh hát là mỗi lần em nghe, mỗi lần anh hát là mỗi lần em sống, mỗi lần anh hát là mỗi lần em chết đó anh. Và nghe

anh hát lần nào, anh có biết không, em cũng khóc. Anh hát tới đâu nước mắt em trào ra tới đó. Tưởng như tiếng hát là trái tim cho nước mắt em là giòng máu chảy. Em khóc, tự nhiên, như vậy, không giữ được. Hàng triệu người đã nghe, đã biết, đã yêu tiếng hát của anh. Nhưng em chắc chỉ có mình em nghe anh như vậy, nghe trong cái cảm giác vết thương, cái cảm giác thuốc độc. Đó là cái cảm giác của tận thế, đồng thời cũng là một trạng thái của hồi sinh. Anh hát là em khóc, em sống và em chết, anh yêu dấu, anh xa lạ, anh của linh hồn và thể xác em, anh có biết như vậy không?

Và sự thực là như vậy, không chỉ là giản đơn cái việc tôi nghe, tôi yêu, tôi nhớ, mà là tôi sống, tôi chết trong và bởi tiếng hát của chàng. Như kẻ nhìn trong gương để thấy bóng mình, tôi đã thấy tôi,

ý thức được sự hiện hữu của tôi, sáng tỏ được cái ý nghĩa đích thực và cuối cùng của tôi trong tiếng hát của chàng đó. Âm điệu bản nhạc, ý nghĩa lời hát, bản nhạc vui hay buồn, lời hát lãng mạn hay hùng tráng, ở nơi nào, chỗ nào cũng vậy, chàng hát lên, bản nhạc lời hát khi đến với tôi đều bị tước bỏ hết ý nghĩa, màu sắc riêng biệt, để chỉ còn là cái tiếng nói, cái thái độ của chàng. Nó là cái phần quá khứ, cái phần hiện tại, cái phần tương lai đời tôi hợp lại và khám phá thấy. Nó là cái thế giới tiềm thức. Cái vũ trụ tâm linh. Cái đỉnh linh hồn. Cái đáy thể chất. Nó là cái tiếng thần thánh của một bản kinh cầu dọi vào cái chủ quan thành kính của tôi như một vòm giáo đường mà sự nghiêm ngưỡng vô bờ đã thấp lên sáng chói bằng những hàng bạch lạp. Đời tôi không có, trước tiếng hát của chàng. Đời tôi có, từ tiếng hát của chàng. Trước tiếng hát của

chàng, tôi không có quá khứ, không có hiện tại, không có tương lai. Tôi là gỗ đá, là cây cỏ. Là hư vô. Từ tiếng hát của chàng, cái khối vô tri vô thức, cái vũ trụ ngu ngơ nguyên thủy thoát trở mình như trái đất nghìn cổ xưa tối tăm câm nín xao động từ ánh sáng, từ tiếng nói. Tôi sống. Tôi bắt đầu có một đời sống. Và tôi thức dậy như nàng công chúa của truyện thần thoại cũ, ngủ giấc ngủ trăm năm trong khu rừng vô thức, từ chiếc hôn đầu tiên, mở mắt ra và ngồi dậy.

o O o

Tôi ly hương từ năm 17 tuổi. Sang lập nghiệp, lấy chồng, để còn ở cái thành phố Lào này đến nay đã được vừa chẵn 20 năm. Chồng tôi chết cách đây hai năm trong một chuyến buôn rừng đầy

nguy hiểm khi cái xứ sở khuất mờ và yên tĩnh này bắt đầu nổi lên những tiếng súng của một cuộc nội chiến. Lửa đạn từ những miền rừng núi biên giới tiến dần về những khu vực tiếp giáp thành phố, đời sống của tôi thu dần vào sự khép đóng tĩnh mịch của một căn biệt thự, trong những đêm thao thức không ngủ, trong sự vây hãm của những tiếng súng, một không khí bất an, trong tâm sự lủi thủi cô đơn của người đàn bà góa nhiều tình cảm sống trên đất khách, những năm tháng lê thê kéo dài trong sự lẻ mọn và cách trở quê hương.

Đời tôi cứ trải đi phẳng lặng như thế, cho đến một buổi tối, tôi ngồi với các con tôi, tôi vặn máy phát thanh và bỗng nghe thấy một tiếng hát: tiếng hát của chàng. Luồng điện truyền tiếng hát từ nghìn dặm tới chốn này, đêm đêm bắt đầu đi vào thế

giới đời tôi, sự thâm nhập như một điệp khúc thoát đầu xa lạ khách quan dần dần trở nên một sức ám ảnh kỳ lạ, sức ám ảnh đó chấp nối dần dần, trong tưởng tượng lãng mạn của tôi thành một hình ảnh, cái hình ảnh của chàng. Tôi chưa nhìn thấy chàng bao giờ. Vậy mà tiếng hát đã làm thành chàng trong một tưởng tượng kết tụ thành ấn tượng. Ấn tượng này choán ngập, ghi khắc sâu đậm trong tôi như một sự thực có tác động của một sức mạnh vật chất. Chiếc máy phát thanh tự đó cũng như chứa đựng một phép lạ. Nó biến thành một thứ máy vô tuyến truyền hình. Tôi ngồi bên cạnh, tôi nghe chàng hát, tôi nhìn thấy chàng. Vầng trán chàng phẳng lặng trên đôi mắt chuyển động theo điệu nhạc và ý nghĩa lời hát, giọng chàng trầm, nhỏ, đến từ thật xa, chàng đứng ở đâu đằng kia tiếng hát, tiếng hát truyền đi như một giải sương, tôi đứng

ở đầu đường này giải sương trong suốt và tôi thấy chàng. Tôi nhắm mắt lại. Trong một hình tượng mê đắm, tôi nhìn chàng. Tiếng hát từ tâm hồn chàng thoát ra từ cửa ngõ của cái nhìn lóng lánh, tiếng hát từ trái tim chàng vượt khỏi cổ họng bay đi, du hành qua những miền không gian khi đến tôi còn nguyên vẹn cái hơi thở, cái sinh khí của chàng, nó tác động, nó đi vào, nó chạm tới cơ thể tôi chỉ còn là một khối xúc cảm bồng bồng, như một niềm giao hợp. Và giải lụa đã thành dòng lửa. Và giải sương đã thành dòng thác lũ. Và sự mở đầu rất khách quan của một âm thanh đã thành một sức thôi miên. Và rồi giấc mộng chập chờn trêu tượng cũng biến dần thành một ham muốn dục vọng nồng cháy. Trong tôi, bắt đầu nảy nở niềm khát khao được gặp chàng, dù chỉ một lần.

Đoàn hát chúng tôi sang đất Lào trình diễn tới đêm hôm nay đã là đêm thứ bảy. Và cũng là đêm cuối cùng. Đây là lần đầu tiên tôi đặt chân xuống thành phố Vạn Tượng. Đêm nào cũng vậy, hát xong tôi về thẳng khách sạn đóng cửa, ngủ vùi, thức dậy, ăn cơm, rồi lại tiếp tục ngủ vùi cho đến tận chiều tối. Tôi nghĩ rằng sớm mai bỏ đi tôi vẫn chẳng biết gì hơn về cái thành phố này, nó hoàn toàn xa lạ với tôi trước khi đến, nó hoàn toàn xa lạ với tôi sau khi đi. Trái với số đông các diễn viên trong đoàn, chuyển đi nào cũng là một cơ hội để họ gửi tất cả tâm hồn lãng mạn vào những ảo tưởng của một chuyến viễn du kỳ thú: thăm viếng danh lam thắng cảnh, đền đài lịch sử địa phương, mua đồ, chụp hình kỷ niệm vv...

đi xa, với tôi, lần này cũng như bao giờ, chỉ là một vụn bất đắc dĩ.

Tôi không thích du lịch. Tôi không ưa xê dịch. Tôi chẳng bao giờ thêm đi. Tôi nghĩ rằng dưới vòm trời nào, trong không gian nào cũng vậy, cuộc sống chỉ là sự hợp thành độc nhất của những khâu chuỗi phiền hà không đổi thay, những khâu chuỗi phiền hà đó đè nặng vĩnh viễn xuống thân phận con người – chúng làm nên cái thân phận con người – mà mọi hành động rũ bỏ, bằng xê dịch, bằng thay đổi một cứ điểm, một địa chỉ, bằng hòa mình vào thiên nhiên, chỉ là những hành động ngu xuẩn vô ích, kẻ giang hồ lao mình vào xê dịch là kẻ mang cái tâm trạng trốn tránh, không dám đương đầu với thực tại, không dám đối diện với chính mình. Xê dịch là phương sách sống của kẻ yếu. Người ta có thực sự

thay đổi được gì không, trong tim, trong hồn, bằng cách ném mình vào cái chong mắt giả tạo của những chạng đường? Tôi nghĩ rằng không. Rằng nếu đi là một giải pháp thì cái giải pháp đơn giản đó, cũng chỉ là cái thứ giải pháp của kẻ yếu.

Đối với tôi, xa Saigon trong một thời gian, trước hết là một vấn đề sinh kế, một vấn đề nghề nghiệp. Tôi cần tiền. Sau chuyến đi, tôi có một khoản tiền lớn. Sau nữa, tôi đi, bởi hiện thời tôi cũng mang cái tâm trạng của một kẻ yếu. Tôi mệt mỏi, tôi buồn nản, tôi muốn ngủ, tôi muốn quên, muốn quên đi thiên hạ, muốn thiên hạ quên mình, muốn tách ra ngoài vùng âm ỷ, nhỏ nhen của đời sống thường nhật. Tôi chịu thua rồi cái dư luận rần độc. Và bỏ đi, như một rút lui, một ẩn dấu, một giấc ngủ. Đâu biết rằng khi trở lại, cái dư luận rần độc vẫn

còn đó, con rắn độc thấy mặt tôi là tức khắc nó lại ngóc đầu dậy.

Cách đây sáu tháng, một thiếu nữ đã tự tử ở một căn buồng khách sạn nọ bằng 20 viên thuốc ngủ. Người ta bảo người thiếu nữ xấu số đáng thương kia đã hủy hoại cả một cuộc đời xuân sắc, cả một tương lai rực rỡ và đầy hứa hẹn, vì tôi. Dư luận âm ỉ chửi rủa tôi là một thằng đểu, một kẻ sở Khanh. Những bậc mệnh phụ, những nhà đạo đức tố cáo tôi là nguy hiểm cho hạnh phúc của mọi gia đình. Họ bảo tôi là một tấm gương xấu đục và để trừng phạt, người ta kêu gào đập vỡ tan tành tấm gương xấu đục đó.

Vụ tự tử được dựng lại với đủ mọi tình tiết, cảnh ngộ của một thảm kịch sân khấu. Trong tấm thảm kịch đó, nàng tiên hiền hậu trong sạch đã bị con quỷ độc ác ghê tởm giết chết. Tòa án dư luận thiết

lập hồ sơ, lên án tôi là một kẻ sát nhân, đổ tất cả trách nhiệm và tội ác xuống đầu tôi, kẻ khốn nạn vô lương tâm đã gây ra cái chết oan khuất của người thiếu phụ sau khi nàng đã có mang với tôi được ba tháng.

Suốt thời kỳ sôi nổi của vụ án tình được mệnh danh là vụ án tình bị đất nhất thế kỷ, báo chí chụp hình, viết phóng sự đăng bài lên trang nhất, dư luận thành phố âm ỉ sôi nổi, và tôi chỉ còn một lựa chọn: thu mình vào một thái độ im lặng. Không giải thích, không đính chính, không chứng minh, không một lần ra mặt, lên tiếng, tôi im lặng. Tôi khốn nạn, tôi độc ác, tôi hèn nhát? Cũng được. Thế nào cũng được. Tôi chẳng hề thù oán những kẻ vội vã phán đoán hành động và đời sống kẻ khác khi họ không hề được biết tới những chiều sâu, những bí

ẩn, những nguyên nhân đích thực của sự việc đã xảy ra.

Điều mà tôi phiền muộn hết lòng là sự hủy diệt đời sống của người thiếu nữ trong một hành động điên cuồng thiếu tự chủ của nàng. Tại sao nàng tự tử. Tại sao? Nàng không hề có mang với tôi. Chuyện xảy ra có đáng để nàng tìm cái chết? Tại sao nàng lại hành động như vậy?

Đã hàng nghìn lần, tìm soi sáng vấn đề với chính mình và trong ý hướng minh xác lại với linh hồn người chết, tôi đặt ra cho tôi câu hỏi đó. Và chịu không thể nào giải đáp được.

Hóa nên, tôi sợ, tôi sợ. Không phải sợ dư luận, sợ điều tiếng như nàng đã sợ, và có lẽ, bởi đó mà nàng đã chết. Nhưng tôi sợ, tôi sợ đàn bà. Tôi sợ sự đam mê,

tôi sợ sự điên cuồng, tôi sợ sự liều lĩnh. Tôi sợ cái lối yêu, lối thương, lối đau, lối khổ, lối sống và lối chết của đàn bà. Nó vô thức, nó tức thì, nó thẳng thốt, nó đam mê một cách hải hùng. Tưởng như cái lối sống đó là một mặt hồ phẳng, nhưng đến lúc đã đẩy động lên thì tức khắc phải biến thành một con lốc, một trái núi lửa, một cơn địa chấn. Và tôi có tội, có trách nhiệm gì không? Tất cả? Một phần? Tôi không biết nữa? Rất có thể là có. Rất có thể là không. Tôi nghĩ rằng rất ít người chết vì những cái đáng chết. Người ta thường chết vì những cái không đáng chết, người ta thường chết vì những cái vô lý. Cái chết cũng là một vô lý, và sự vô lý đó chính là một sắc thái đặc biệt và bi thảm của thân phận con người. Tôi nghĩ rằng người đàn bà, gần nhất với sự vô lý đó. Cho nên tôi sợ. Và tôi thâm nhủ với thâm tâm tôi, từ nay tôi sẽ sống xa đàn

bà. Tôi sẽ ở ngoài và thật xa đời sống của họ.

Trong quyết định đó, tôi đã gặp nàng.

Suốt sáu buổi trình diễn, nàng đều có mặt, nàng đều đến hý viện trong một giờ khắc nhất định, nàng đều ngồi ở chỗ đó, trên chiếc ghế thứ sáu. Ở phía tay trái sân khấu, thuộc hàng ghế thứ năm. Sự có mặt thường trực, ở một chỗ nhất định đó đã khiến tôi phải chú ý đến nàng, một phần, một phần vì trong cái đám thính giả đêm đêm tới hý viện, nàng là người đẹp nhất. Đó là cái đẹp của một nhan sắc, một cốt cách, một dáng điệu đã khác thường còn được lồng vào một phục sức vừa kiêu kỳ vừa lộng lẫy. Điều khiến tôi không thể ngờ được là tại sao ở cái thành phố Vạn Tượng này, trong cái xã hội kiêu bào với đa số là những người buôn bán, làm ăn, lao động, tại sao lại

có người đàn bà có được một nhan sắc tuyệt vời như vậy, một khiếu thẩm mỹ về phục sức và trang điểm tinh vi như vậy. Nhan sắc diễm lệ ấy, phục sức lộng lẫy ấy, cốt cách kiêu kỳ ấy đã đẩy nàng vượt khỏi cái mức tầm thường của mọi người, nàng sáng chói như một vì sao, một bông hoa giữa đám đông. Nhưng tất cả những cái đó cũng lại như giam nàng vào một nỗi xa lạ và cô đơn. Và cũng chính cái sắc thái cô đơn ấy đã làm hai chúng tôi gần nhau, chúng tôi là những kẻ xa lạ, nhưng chúng tôi đã gần nhau bởi một nỗi cô đơn nào đó.

Không có cái vụ tự tử của người thiếu nữ sáu tháng trước, tôi đã tìm cách làm quen với nàng. Tức khắc. Người ta không thể dửng dưng – nói như thế là lỗ bịch và giả dối – trước một dung nhan như thế. Nhất là tôi, tôi yêu cái đẹp, tôi yêu nhan

sắc, tôi yêu đàn bà. Bởi vậy dù cố kìm giữ, tôi vẫn không thể không quan sát, không theo dõi thiếu phụ. Thiếu phụ, bởi nàng không thể còn là thiếu nữ. Cái sắc đẹp đã chín, đã đọng lại, mê hoặc và quyến rũ như vậy không thể có ở một thiếu nữ. Nhưng tại sao nàng lại đi, lại về một mình ? Tôi đoán nàng đã có chồng có con nhưng chồng nàng hoặc ở xa hoặc không còn nữa. Từ trên sân khấu, giữa một bản hát, tôi kín đáo ngó xuống chỗ nàng ngồi, càng ngó, càng ngẫm nghĩ, càng thấy nàng đẹp. Một sắc đẹp kỳ lạ trong một thái độ kỳ lạ. Nàng ngồi đó im lặng như pho tượng. Không một cử động. Không một nụ cười. Không một lần vỗ tay. Buổi trình diễn tan, nàng thường có ý chờ cho mọi người ra hết mới đứng dậy. Em xa lạ! Em đẹp hoang đường như một nữ chúa trong thần thoại. Em xa lạ! Em ngồi trên cái ngai thờ của nhan sắc,

em đẹp và em biết em đẹp, không đẹp cái đẹp ban ngày của mặt trời rực rỡ, mà cái đẹp rất đêm, rất khuya, rất u uẩn và rất lóng lánh của một vòm trời sâu thẳm muôn triệu vì sao, em đẹp như thế đó.

Và tôi không làm thơ. Tôi chỉ muốn nói một sự thực, bằng những danh từ tầm thường. Mười mấy năm trình diễn trên hầu hết mọi sân khấu các đô thị lớn, được gặp và được biết rất nhiều người đẹp, nhưng tôi chưa từng thấy người đàn bà nào có một vẻ đẹp khác thường như nàng. Những nhan sắc tầm thường chỉ đẹp ở một thoáng nhìn thứ nhất. Nhìn kỹ, là thấy thất vọng. Nhưng nàng, tôi nhìn kỹ, và tôi không thấy thất vọng. Mỗi lần hát xong tôi làm bộ thản nhiên đi xuống và tôi không lăm. Trông xa, nhìn gần, cái vẻ đẹp vừa trầm lặng vừa lộng lẫy đó vẫn vậy. Nhan sắc đó, trang điểm và phục sức

chỉ là những phụ thuộc tôn thêm một cái vốn sẵn có, chú trang điểm và phục sức không phải là những cái dùng để đánh lừa. Tìm cách làm quen? Nên? Không nên? Mà đã khổ, đã tai tiếng, đã điều đúng vì đàn bà, tôi tự nhủ thầm. Nhớ lấy, nhớ lấy, những giọt nước mắt, những hiểu lầm, những trách móc, nhớ lấy vụ tự tử, tôi tự nhủ thầm. Mà muốn yên, mà muốn đoạn tuyệt với những phiền lụy, mà muốn xa rời cái thế giới tình ái, tôi tự nhủ thầm. Tôi tự nhủ thầm với tôi như vậy, tâm hồn vừa thư thái bởi đứng vững trong một quyết định, vừa phân vân bởi một thương tiếc bàng khuâng. Và người thiếu phụ đêm nào cũng đến. Và những buổi trình diễn cũng lần lượt qua đi.

Cho đến đêm qua là buổi trình diễn thứ sáu. Đến lượt tôi hát. Hát xong, thính

giả vỗ tay nhiệt liệt. Những tiếng hô “bis bis” nổi lên khắp hý viện. Tôi trở lại và hát bản thứ hai. Đó là bản hát mà tôi ưa thích nhất. Nhưng tôi không hát cho thính giả mà tôi hát cho cái nhan sắc đó, sự im lặng đó, tôi hát cho người thính giả độc nhất không bao giờ vỗ tay: tôi hát cho nàng. Em xa lạ, giữa chúng ta, vậy là chỉ có những bài hát. Giữa chúng ta chỉ có tiếng hát của anh và sự im lặng của em. Anh tặng em bản hát đó như một nghiêng đầu sơ kiến. Và cũng là một vẫy tay vĩnh biệt đó. Em hãy nhận lấy và em hãy nghĩ rằng đó là tất cả cái gì chúng ta có thể có được với nhau. Giữa hai thế giới cô đơn, chúng ta chỉ có vậy, sự im lặng và một tiếng hát. Và sự im lặng đó và tiếng hát này cũng chỉ là những nỗi cô đơn.

Hát xong bản hát tôi vào thẳng hậu trường. Tôi chờ cho buổi trình diễn chấm dứt. Lớp thính giả đã ồ ạt kéo ra khỏi hý viện được một lúc, tôi mới từ hậu trường lững thững đi ra. Và tôi trông thấy nàng. Nàng đứng một mình, bên cạnh tấm biển quảng cáo, ở đầu lối đi lúc đó đã vắng ngắt. Tôi đi qua và tôi nghe thấy nàng gọi tên tôi. Nàng gọi tôi bằng ông. Tôi đứng trước mặt nàng. Suốt đời chắc chắn sẽ chẳng bao giờ tôi quên đi được phút đối diện đột ngột và mẫu đối thoại ngắn ngủi đó. Nàng nói rất bình tĩnh. Tôi nghe và tôi trả lời cũng rất bình tĩnh, nhưng đó là thứ bình tĩnh của xúc cảm mãnh liệt đã bị dồn giữ đến cùng độ. Mẫu đối thoại đó nhũn nhặn, kiểu cách, lễ độ. Và táo bạo. Và thẳng tuột. Và dữ dội. Bởi cái ý nghĩa được bày tỏ trần truồng không quanh co, không úp mở, không che dấu của nó. Nàng nói muốn

mời tôi về nhà. Nàng nói rằng chúng tôi không bao giờ quên nhau nhưng nàng nghĩ rằng tôi có thể về nhà nàng đêm nay. Tôi đã nhìn nàng rất lâu rồi tôi mới trả lời. Ở miệng một người đàn bà khác, sự mời mọc công khai đó tất phải là một cái gì sống sượng đến tột độ và chắc là tôi đã có ngay một thái độ hoặc suồng sã, hoặc thô bỉ. Nhưng ở nàng tôi không hề cảm thấy sự sống sượng đó. Trái lại. Thái độ đường hoàng, trang nghiêm kia đã làm tôi kính phục. Và cũng bởi sự kính trọng đó mà tôi đã lễ độ chối từ. Tôi nói tôi mệt. Tôi nói tôi rất cảm động nhưng tôi nghĩ rằng tôi không thể đến được. Nàng nhìn thẳng vào mặt tôi. Nàng đứng yên một lát. Đoạn nàng cho tôi biết địa chỉ của nàng. Chúng tôi cúi đầu chào nhau kiểu cách. Và sau đó, nàng bỏ đi.

Sau mẫu đối thoại kỳ lạ, đột ngột, cái

bóng dáng thanh thoát của người thiếu phụ đã khuất ở đầu đường, tiếng giầy của nàng đã chìm vào đêm Vạn Tượng tịch mịch rồi mà tôi còn đứng như chôn chân ở chỗ cũ. Rất lâu về sau, tôi mới bàng hoàng chợt tỉnh. Tôi cúi đầu thông thả ra khỏi hý viện, và tôi cứ cúi đầu vừa đi vừa suy nghĩ cho đến khi về tới khách sạn. Suốt đêm đó, tôi không ngủ được. Tôi nghĩ đến nàng.

Khi đời sống và tâm hồn con người đã đạt tới một trình độ, một bình diện nào đó, những sự việc tầm thường nhất cũng hàm chứa một ý nghĩa cao đẹp thiêng liêng, và đạt được tới cái trình độ, cái bình diện đó, thì mọi hành động đều đã vượt khỏi được cái vòng tù túng chật hẹp của những quan niệm nhân sinh tầm thường để bay bổng, để sáng chói thành một khối sống tự nhiên và rục rờ, khối

sống đó đẹp tự nhiên và rục rờ như một tấm thân thể ở trần. Đó là ý nghĩ anh đã có về em. Buổi trình diễn đêm này, buổi trình diễn cuối cùng, anh đứng hát trước máy vi âm, anh nhìn xuống, chiếc ghế của em có một người khác đến ngồi, em không đến hý viện. Em không có mặt ở đây, anh hát ở trên này, anh nhìn xuống, anh không thấy em, và thấy tiếng hát mình bỗng trở nên cực kỳ vô nghĩa. Và thấy sự từ chối của anh đêm qua là một điều phi lý. Anh không sợ. Vì anh sống. Anh chỉ sợ vì anh không dám sống. Em cũng không sợ. Em đã dám sống. Cái thế giới tối tăm cô độc ấy tại sao lại sợ cái ánh sáng, cái tiếng nói, cái sự sống ấy, có phải không em ? Đã có hàng triệu con người chung quanh chúng ta, vì sợ, nên đã không dám sống, hoặc đã chết như những hình nhân trong cuộc sống, để đến khi nằm xuống, kiểm điểm lại mới

đau đớn khám phá thấy là trọn một đời người chẳng sống được gì. Anh muốn sống, anh muốn sống với em, Những phút sống hôm nay thiêng đường, ngày mai địa ngục. Mặc. Anh sống sự sống đó, sự sống kỳ diệu đó. Anh nghĩ thế và anh sẽ đến với em đây. Anh mang đời sống của anh nhập vào đời sống của em, để tạo thành – dù chỉ là trong giây phút – đời sống chúng ta. Anh không muốn tính toán, anh không muốn cân nhắc, anh không muốn phòng sau ngửa trước nữa, anh muốn sống. Anh không muốn bỏ lỡ cái kho tàng châu ngọc hiếm hoi vô ngần đó, là những cơ hội người ta được sống bằng và với tất cả sức mạnh của tâm hồn và thể xác mình. Rồi chúng ta bị thiêu hủy tan tành sau đó? Cũng được. Mặc. Sức sống nào mà chẳng tự thân là một thiêu hủy, có phải không em. Anh đến với em đây. Rồi chúng ta bị dư luận kết

án. Mặc. Người ta không sống bằng dư luận. Rồi chúng ta sẽ kết tội hành động của chúng ta. Mặc. Người ta không thể, và không bao giờ chạy trốn được chính mình.

Rồi cũng có thể là chúng ta sẽ phải trả rất đắt việc làm của chúng ta. Mặc. Chúng ta sống. Chúng ta nhận. Và chúng ta không sợ trả nợ. Đêm qua, anh đã từ chối em như chối từ sự sống, vì anh đã nghĩ đến một người chết, một vụ tự tử, cái dư luận rắn độc, những ảnh hưởng khốc hại và không đo lường được của một hành động đam mê đã xảy ra trong quá khứ. Nhưng anh biết rằng anh đã nghĩ lầm. Và nếu chúng ta cứ nghĩ thế thì sự sống sẽ đi qua, chúng ta sẽ chẳng bao giờ sống được gì hết. Anh nghĩ rằng người ta không bao giờ chối từ được sự thật. Anh yêu em. Chúng ta yêu nhau. Đó

là một sự thật. Anh nghĩ rằng người ta không bao giờ chối từ được đời sống. Và tình yêu chính là cái trạng thái cao quý, đích thực và tạo vật nhất của đời sống. Anh nghĩ rằng, riêng biệt, chúng ta chỉ là hai sự cô đơn, hợp lại, hai sự cô đơn ấy tạo thành và dựng nên một thế giới. Và chúng ta không có quyền sợ hãi, chúng ta không có quyền chối từ đi vào cái thế giới ấy. Anh nghĩ mặc dầu dư luận, mặc dầu luân lý, mặc dầu đạo đức, tình yêu – nếu đích thực là tình yêu – không bao giờ là một tội lỗi. Anh nghĩ rằng sẽ là giả dối, sẽ là vô ích, khi người ta muốn cưỡng chống lại sức du đẩy của tâm hồn mình. Anh yêu tình yêu, anh yêu sự sống, anh yêu sự – chết – khi người – ta – sống, anh yêu em, anh yêu anh, và bởi thế mà anh đến với em đây.

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG VÒNG ĐAI TRẮNG

a khỏi những con đường
núi vùng Chi Nê, những con
đường đá trắng dài thẳm, hai bên núi
trọc dựng thẳng, những con đường nhẽ
nhại, trần truồng không một khoảng
rợp, một bóng cây, một ngọn suối, nóng
bỏng như một lò lửa, những con đường
đã lấy mất của chúng tôi hết một ngày
đi không ngừng không nghỉ, chúng tôi
đặt chân xuống vùng đồng bằng Phủ Lý

bây giờ đã vào khoảng 4, 5 giờ chiều. Nghĩa là đã muộn, muộn ghê gớm lắm. Những giờ phút được ấn định kỹ càng tỷ mỉ cho cuộc hành trình đòi hỏi một sửa soạn công phu và thực hiện trong bí mật tuyệt đối, nó không cho phép một sai lệch nào dù nhỏ bé, xảy ra, đã bị đảo lộn hoàn toàn vì sự chậm muộn này, khiến chúng tôi không nói ra những điều cảm thấy bắt đầu lo ngại. Đúng ra, chúng tôi đã phải ra khỏi hẻm núi Chi Nê từ xế trưa, giờ này đã phải ở giữa quãng Văn Trai – đường Số Một – nghĩa là gần tới làng Nôi, gia đình chú họ của Đạo ở đó, để theo đúng dự tính, chúng tôi sẽ nghỉ lại nhà ông một đêm trước khi tính đến chuyện xin giấy phép thông hành tạm thời ở chốt Đồng Văn để về Hà Nội bằng xe đò.

Khởi hành từ Thanh Hóa, chúng tôi

không có một mảy may ý niệm nào về chuyển đi, con đường gần xa bao nhiêu, phải đi qua những vùng nào, đành chỉ căn cứ vào những giờ giấc bà Nhị – người dẫn đường và cũng là cô họ của Đạo – ghi nhớ phỏng chừng qua chuyển đi vào Thanh Hóa đón chúng tôi ra. Bà Nhị chỉ căn cứ vào chuyển vào có một mình bà, đã không tính tới lần ra, có thêm chúng tôi, cuộc hành trình trở nên công kênh đã lấy thêm mất nhiều thì giờ vì phải thận trọng hơn vì phải ngừng lại lâu hơn ở những chặng khám xét, hỏi giấy tờ của du kích tự vệ địa phương.

Nhất là không tính đến cái nóng khủng khiếp của những con đường núi đá một ngày nắng dữ dội đã làm chúng tôi mệt nhoài và không thể đi nhanh hơn được nữa.

Nhìn bà Nhị cầm cúi rào bước trước

mặt, những bước chân như muốn ăn gian đường đã dẫm cả lên những bờ cỏ, những gò đồng, đã bỏ những con đường lớn chạy vòng để chọn những con đường tắt đi thẳng – dù sự ngăn lại chẳng được bao nhiêu – tôi đoán, như chúng tôi, thấy ngày đã muộn, chỗ đến còn xa, bà Nhị cũng đã bắt đầu lo ngại.

Riêng tôi, cùng với nỗi lo ngại này, cùng với nỗi nhọc mỏi rã rời của thể xác, nỗi nhọc mỏi choáng váng, hoa mắt, chóng mặt nó đè xuống đầu xuống cổ, xuống những bước chân nhiều bước như đã muốn hụt ngã chới với, còn là một tâm trạng chán chường buồn thảm tôi mang theo như một khối nặng đè chiu xuống tâm tư từ lúc khởi hành. Tôi ở không được. Tôi về cũng không vui. Việc trở về Hà Nội của tôi, tuy biết sớm muộn thế nào cũng về, đã chứa đựng nhiều

đau đớn, nhiều phân vân, tôi chưa định trước, nghĩ tới, bây giờ về chỉ do một sự tình cờ. Tôi tình cờ gặp Đạo ở Cầu Bó, vồn vện hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước lúc anh đi. Chính Đạo cũng không định trước. Đạo rủ tôi về cùng. Đang sống những ngày lang thang không chủ đích, tôi đã nhập vào chuyến đi không nghĩ ngợi.

Suốt đêm hôm trước, từ lúc đi hết địa phận Thanh Hóa, bước chân xuống con đò ở Dị Lìa bến vào buổi tối, tôi thao thức đến sáng. Con đò hụt bề ngang, thiếu bề dài, ngồi đụng đầu, nằm không duỗi được thẳng chân, mình mẩy tôi đau nhức như có người cầm búa đánh vào những thớ thịt, những khớp xương. Suốt một đêm, tôi nằm ngời nhờ nhàng như thế, trần trọc, vật vờ để mà thao thức lắng nghe tiếng mái chèo đập nước, tiếng

nước róc rách chảy theo mạn thuyền, nhìn bóng sao, bóng núi dằng dằng thấp thoáng không phân định, với cảm giác hoang mang của người rời bỏ một vùng đêm để rơi vào một vùng đêm khác. Đời sống bên kia giới tuyến chưa lường đoán được hử thực, con đò biên biệt trôi trong bóng tối trập trùng chỉ tạo nên ấn tượng, hình ảnh cái bóng đêm dày đặc kín bưng của một thời đạn lửa kéo dài chưa có một triệu chứng nào chấm dứt. Những người bạn còn ở lại, kỷ niệm gợn lên trong tâm tưởng những ngày tháng đã sống, những thị trấn nắm, những làng xóm hẻo lánh, những đô thị tàn phá đã đi qua, những thời kỳ nắng mưa gian khổ, những lần chết hụt, những ngày bệnh hoạn đau yếu, rồi hiện tại, tương lai, những ý nghĩ sâu thẳm về cuộc đời, những câu hỏi đặt ra cho bản thân qua một lượng trí bản khoản xao xuyến, cùng với những chán

nản, ngờ vực, thất vọng gửi về trước, về sau, những nhớ thương tiếc hận không đâu, những nỗi dày vò đón đau không tên tuổi, những mặc cảm, những vấn đề, muôn vàn tâm trạng hỗn độn chồng chất, muôn vàn hình ảnh ý nghĩ ngổn ngang, trong suốt một đêm không ngủ, đã làm cho đầu óc tôi quay cuồng choáng váng. Và bây giờ, sau cơn bão táp, nó loãng ra, nó trống rỗng, nó không còn minh mẫn bén nhạy nữa.

Vậy mà chính lúc này, đầu óc tôi cần phải minh mẫn bén nhạy hơn bao giờ.

Với những bước chân đầu tiên đặt xuống vùng đồng bằng Phủ Lý, theo lời bà Nhị, chúng tôi đã đến, tuy tôi không lường đoán được bao nhiêu, gần lắm với giới tuyến. Gần như phải vùng lên trong một cố gắng phi thường, tôi mới ra khỏi được cái trạng thái tinh thần mù mẫm,

tôi mới lấy lại được ít nhiều tỉnh táo. Bây giờ là lúc con mắt phải quan sát, cái tai phải nghe ngóng động tĩnh. Phía trên, Đạo vừa chậm bước lại. Đạo nói nhỏ với tôi không biết có về kịp làng Nôi trước khi đêm xuống hay không. Tôi gật đầu ra hiệu về phía bà Nhị, tỏ ý muốn hỏi. Đạo nhún vai. Chúng tôi lại yên lặng bước tiếp, vì biết có hỏi cũng vô ích. Sự chậm muộn đã rành rành. Không biết sẽ ra sao, chứ cái việc về đến nhà người chú họ Đạo nổi trong đêm nay thì không đi được nữa. Quay trở lại để sáng mai đi tiếp cũng không đi được. Sau lưng chúng tôi, chỉ còn một vùng núi rừng Chi Nê trùng trùng điệp điệp.

Vùng tiếp giáp giới tuyến vừa mở ra, không khí và cảnh vật đã bất thành hình khác. Chúng tôi đi vào một vùng không còn một dấu tích nào của sự sống.

Trên từng cây số liên, chỉ dàn ra một thứ yên lặng ghê gớm, một thứ yên lặng rợn người. Chúng tôi đi trên một vùng đất chết, một thứ nghĩa địa, một thứ sa mạc. Những ngọn cỏ đường, những hòn đá, những mô đất cũng như nín thở, chết sững trong yên lặng. Những cành cây như treo lủng lẳng trên đầu những tai biến bất ngờ. Chỗ ngoặt chỗ rẽ nào cũng như chờ rình bước chân đi tới. Xó góc nào cũng như chỉ chỗ những con mắt, những nòng súng đen thẳm, những mũi kim khí nhọn hoắt. Thước đất nào cũng như chôn dấu những cạm bẫy, chỉ định sập xuống, những quả mìn chỉ muốn nổ tung lên. Không khí đọng lại, gờn gợn một vẻ hằn học. Vòm trời vùng giới tuyến, những đám mây chuyển đi cũng như muốn lảng xa người. Trong buổi chiều rầu rầu úa héo, cái ánh nắng vùng giới tuyến cũng mang một màu vàng

vọt dễ sợ. Càng đi sâu vào, sự im lặng càng lớn, cái không khí côi chết càng tăng thêm màu quái đản. Chúng tôi đi trên những bờ ruộng bỏ hoang chỉ như muốn biến mất trong lớp cỏ hoang đậm. Chúng tôi đi trên những lối mòn không một vết chân trâu, chân người. Những bụi tre trên đầu chỉ như muôn đốm âm xuống một lượt. Nghe ngóng thật xa, thật lâu cũng không có một tiếng chim hót vọng lại. Không một tiếng động, không một tiếng vang, không một bóng người, vùng tiếp giáp giới tuyến không còn sự sống. Những khoảng trống trần trụi tiếp đến những khoảng hoang vu um tùm. Những cái ngõ vắng tanh vắng ngắt hiện ra. Những căn nhà bỏ không đứng đó. Những khu vườn cỏ cao như rừng. Dấu vết chiến tranh tàn phá ghi lại đây đó một vì tường đổ gục, một đoạn đường đào, một cái ụ đất, một thân cây cụt đầu

chỉ còn trơ những cái gốc cháy, những vệt cỏ cháy xém đã xám đen lại. Một vẻ gì lạnh lẽo xuất lên từ tất cả những cái đó.

Lần đầu tiên, tôi biết thế nào là cái thế giới côi chết của Vòng Đai Trắng, của vùng không người. Cảm giác ớn lạnh từ gáy, từ ngực, từ những chân tóc khiến tôi tỉnh táo hẳn lại. Lần đầu tiên tôi biết thế nào là cái cảm giác rờn rợn, khó tả của một sự im lặng bao trùm, đè nén, phảng phất, lẫn quất từng giây từng phút như muốn vỡ lên những tiếng nổ, tiếng thét, tiếng rú bất thần, người ta chờ đợi những tiếng thét tiếng rú ấy như một giải thoát, nhưng sự im lặng vẫn chỉ kéo dài thêm kinh dị. Một thứ lặng im nham hiểm. Nó hành hạ như con mèo hành hạ con chuột. Nó vây kín như một cái lưới, nó mở những con mắt trùng trùng, nhưng

nó đứng đó, đằng trước, đằng sau, bên trái, bên phải, nó vô hình mà sừng sững, nó chờ rình, theo dõi, nó đến sát cạnh, nó ở trong ta. Cái thứ yên lặng làm phát điên lên.

Đời tôi, nhất là trong mấy năm chiến tranh, đã từng nhiều phen đối diện với nguy hiểm. Tôi đã biết thế nào là cái sợ. Tôi đã kể sát cái chết nhiều lần, đã nhìn thấy nhiều cảnh tượng khủng khiếp. Một băng đạn liên thanh từ một phi cơ oanh tạc đã bắn nát óc người nằm kế bên tôi trong cái hầm trú ẩn lộ thiên bên đường 39. Một quả mìn đã nổ tung lên ngay sau vết bánh chiếc xe đó có tôi ở trên, trên con đường số một. Tôi đã nhìn thấy cảnh tượng một người bị chặt đầu bằng mã tấu năm lần không chết – cái mã tấu cùn quá – còn chửi bới ầm ỹ, cảnh tượng những người đàn bà bị lính da đen hãm hiếp với

một lưỡi dao găm cắm ngập trên cái bụng lõa thể. Tôi đã nhìn thấy những đám tay chân gãy nát, những vùng máu lênh láng ở một bệnh viện đầy ứ thương binh. Tôi đã nhìn thấy những đàn ruồi nặng bầu trên mắt, trên mồm những tử thi bị giết chết buông sông, lênh bênh một hàng dài trên giòng Hồng Hà. Những cảnh tượng đã làm tôi rùng mình hãi hùng. Nhưng đó là những cảnh tượng nhìn thấy. Và thấy xong rồi thì thôi. Cái sợ cũng chỉ đến một độ nào đó. Nó không thể nào so sánh được với cái sự gây ra bởi thứ im lặng kỳ dị của vùng không người này. Sự hãi hùng kia là của một mặt biển ầm ầm sóng gió. Sự hãi hùng này là của một mặt nước đen đặc, phẳng lặng cái phẳng lặng giết người. Cái sợ kia là cái sợ một phát súng bắn vào giữa ngực. Cái sợ này là một mũi dao đâm ở sau lưng. Nó làm cho ta chỉ nghĩ đến đã thấy lạnh người

lên.

Nắng chiều đã xế nghiêng khi chúng tôi đi hết một con đường đất nhỏ, tiến ra cái khoảng trống của một bãi đất thấp. Trước mặt chúng tôi, một giòng sông nhỏ chảy qua. Mặt nước im và lạnh. Bà Nhị ra hiệu dừng lại. Theo lời bà Nhị, đến con sông này là hết vùng kiểm soát của kháng chiến và bên kia là bắt đầu khu vực quốc gia. Tầm mắt quan sát của tôi đi hết cái bãi thấp không một vết chân, một ngọn cỏ, vượt lòng sông sang bên kia và dừng lại ở một con đò gỗ. Con đò ghềch một đầu lên cạn. Trên đó, một người cầm sào đứng, tôi đoán là một ông lão già. Đã trông thấy chúng tôi, nhưng ông lão cứ đứng im như tượng mà nhìn sang đăm đăm. Tôi và Đạo ngồi xuống một mô đất thấp, để bà Nhị xuống bãi trước. Bà Nhị gơ tay vẫy. Con đò, ông lão già

vẫn không nhúc nhích. Tôi bắt đầu cảm thấy lo ngại thực sự và nói điều này với Đạo. Đạo cũng như chia sẻ ý tưởng đó với tôi, cả hai không ai bảo ai cũng vội vã kiểm soát lại giấy tờ một lần cuối cùng. Nói là tiêu hủy thì đúng hơn. Ngoài hai tờ giấy thông hành do xã cấp với câu ghi chú phổ biến: “Yêu cầu các cơ quan giúp cho đường sự đi lại được dễ dàng», chúng tôi xé nhỏ tất cả giấy tờ khác, vứt xuống một cái hố đất và lấp kín lại. Một cuốn sổ tay với những địa chỉ bạn hữu của Đạo, mấy tấm hình và mấy lá thư định giữ làm kỷ niệm kháng chiến của tôi. Những tờ giấy quan trọng và nguy hiểm nhất thì bà Nhị giữ. Đó là giấy phép đặc biệt của tỉnh trưởng Hà Đông cấp cho bà ra hậu phương đón người nhà về Hà Nội. Tờ giấy đó bảo đảm sự đi lại vùng Tề của chúng tôi bao nhiêu, nguy hiểm bấy nhiêu cho chúng tôi nếu nó lọt vào

tay tự vệ du kích Việt Minh. Tôi hơi yên tâm khi nhớ rằng tờ giấy đó, bà Nhị đã cẩn thận cuộn thật nhỏ lại và giấu xuống đáy cái ống vôi bạc để trong hộp giấu cau bà mang theo trong người.

Cần phải nói rõ là việc hồi cư về Thành lúc đó – giữa năm 1951 – đã khó khăn và nguy hiểm hết sức. Nhất là cho những người từ miền Trung đi ra. Dễ dàng như những năm 47 – 48, chúng tôi đã đi đường hoàng và khỏi cần đến sự dẫn đường của bà Nhị, cái giấy phép đặc biệt của bà Nhị. Từ mấy tháng nay, những lối đi lại thường dùng của lớp người hồi cư về thành đã bị cắt đứt. Những trạm liên lạc tan vỡ. Người hồi cư, nhất là thanh niên như chúng tôi bị bắt giữ đã nhiều lắm ở dọc đường. Phải bố trí cực kỳ cẩn thận chu đáo mới hòng đi thoát. Cả hai địa hạt giáp giới đều bất

trắc và nguy hiểm như nhau. Tình trạng mới này đã cắt nghĩa cho cái không khí hoang vu rùng rợn của những vùng giới tuyến lúc bấy giờ.

Qua mấy phút hồi hộp chờ đợi, sau cùng con đò bên kia sông, trước những con mắt sáng lên vui mừng của chúng tôi, cũng rời bến. Ông lão đẩy sào từ từ. Con đò chậm chạp sang ngang trong lúc Đạo và tôi cũng xô nhau chạy xuống bờ sông Đà cập bờ, chúng tôi trèo vôi lên. Khoảng ngắn ngủi trên mặt nước như một phút tạm nghỉ quý báu. Chúng tôi vả nước lên mặt, cởi khuy áo lau mồ hôi cùng khoan khoái thở ra. Một ngày đi đường vất vả như được đền bù với những nỗi mệt nhọc lo lắng vừa tan biến. Cái không khí im lặng đến nghẹn thở của vùng làng xóm không người vừa bỏ lại như một khối đá nặng vừa được nhấc

khỏi những lồng ngực.

Nếu tôi để ý hơn một chút đến gã quần nâu áo nâu vừa xuất hiện từ một bụi rậm và đi xuống, tôi đã không vội vui mừng sớm thế. Con đò vừa cập bờ, hắn đã đứng sát ngay đầu mũi đò. Tôi vừa nhảy xuống vừa có ý tránh lối cho hắn trèo lên, định ninh hắn là một khách qua sông. Nhưng hắn không trèo lên đò mà chỉ gạt đầu với ông lão già. “Được rồi”. Ông lão già đẩy thêm một mũi sào cho con đò ghềch hắn một đầu lên bãi, đoạn lẳng lẳng nhảy xuống và đi khuất về phía bụi rậm. Mọi người còn đang phân vân về thái độ kỳ lạ khó hiểu của ông lão, thì một tiếng nói lên như một mệnh lệnh:

– Mọi người cho xem giấy tờ.

Tôi lo lắng nhìn bà Nhị. Điều tôi muốn hỏi bà Nhị lúc đó là: đây là vùng

kháng chiến kiểm soát hay là vùng quốc gia? Đây là đâu? Nhưng mặt bà Nhị cũngờ ra. Bà cũng không hiểu gì hơn tôi. Có thể là lúc bà Nhị vào, bờ sông này còn do quốc gia kiểm soát, bây giờ nó đã rơi vào tay kháng chiến mà bà không biết. Ấy là tôi cũng đoán phỏng chừng, không có gì chắc chắn. Gã quần áo nâu này điệu bộ, phục sức đúng là du kích rồi. Nhưng hắn cũng có thể là lính quốc gia ngụy trang. Không để cho tôi có thì giờ nhận định tình thế, lại một câu quát nữa, lần này lớn hơn và ngắn hơn:

– Giấy tờ.

Tôi đành phải thăm dò bằng một giọng hết sức ôn tồn:

– Đồng chí làm ơn cho biết vùng này là vùng nào? Có phải đã là vùng quốc gia chưa?

Tôi chỉ mong hấn trả lời phải. Nhưng dù hỏi ôn tồn, ý nghĩa câu hỏi đã làm hấn nổi giận. Đôi mắt ty hý, vừa dữ tợn vừa nham hiểm ngó ba chúng tôi từ đầu đến chân một cách khinh bỉ:

– Các người tưởng đây đã là đất Tề của các người hấn? Giấy tờ, mau lên.

Tôi đành ra hiệu cho Đạo, chúng tôi cùng rút mấy cái giấy thông hành vô thưởng vô phạt của ấp xã cấp đưa ra. Cố nhiên là thứ giấy tờ đó không gây cho hấn một kính nể nào. Hấn vừa xem vừa ngó tôi, nhất là ngó Đạo trùng trùng một vẻ nghi ngờ. Đạo cao lớn, da trắng, râu quai nón, mắt xanh và mũi cao hệt như Tây lai. Hấn nghi ngờ là phải. Hấn không trả lại giấy chúng tôi mà quay trở lên:

– Các người đi theo tôi.

Nỗi vui mừng của chúng tôi vừa biến đi đằng nào. Cuộc vượt tuyến đã không trôi chảy dễ dàng như chúng tôi hy vọng. Cùng với buổi chiều đã thấp xuống, không khí rùng rợn vùng tiếp giáp giới tuyến lại như phảng phất trên khắp vùng bãi sông bên này. Chúng tôi nhìn nhau, yên lặng đi theo. Lên khỏi mặt bãi, đến một con đường nhỏ. Đi ngang qua chỗ bụi rậm, tôi để ý nhìn nhưng không còn thấy bóng dáng ông lão lái đò đâu nữa. Sự chậm trễ lúc sang đón chúng tôi của ông lão ban nãy đã được cắt nghĩa: được lệnh, ông lão mới sang đón.

Qua một dãy tre cao, gã áo nâu dẫn chúng tôi đến trước một cái nền đất phẳng, cỏ mọc giữa những khoảng gạch rêu cũ, tôi đoán là cái sân gạch trước kia của nhà thờ. Vì trước mặt chúng tôi đúng là một cái nhà thờ. Một cái nhà thờ

xây cất dở dang rồi bỏ đây, với những tường gạch mới lên đến nửa chừng. Tôi ngạc nhiên tại sao không trông thấy nhà thờ này từ bên kia sông. Nhìn kỹ lại, hết ngạc nhiên: Những vì tường chưa vượt khỏi được những đầu ngọn tre. Chỗ cao nhất là cái tháp chuông thì cái tháp đã đổ gục xuống. Một cái hố sâu như một cái ao ngay dưới chân tháp ghi sức mạnh tàn phá của trái bom đã nổ ở chỗ đó.

Gã quần áo nâu quay lại bảo chúng tôi đứng chờ đó, rồi hắn đi khuất vào sau những vì tường gạch. Chờ mất độ năm phút mà tôi cảm tưởng như lâu đến hàng giờ. Lúc trở ra, cùng đi với hắn có một người nữa. Người đó tiến thẳng lại chỗ chúng tôi đứng trong một dáng đi dữ dội. Tôi chỉ có đủ thì giờ nhận ra một thân hình to lớn, một bộ quần áo đen đã bạc màu, khẩu súng phồng lên dưới túi

áo. Hắn đeo trên mặt một cái kính lớn. Tôi chỉ kịp nhìn có thể, vì hắn đã đứng trước mặt tôi, và sự kinh ngạc đã khiến tôi thảng thốt kêu lên:

– Thuận Trọc.

Người mặc áo đen, mang súng, đeo kính đứng trước mặt tôi đúng là Thuận Trọc, vì Thuận Trọc cũng sống người khi đã nhận ra tôi là ai. Thuận người ở Sơn Tây – điều khiến tôi không hiểu được sự có mặt ở địa phương này – cùng học một lớp ở trường cao đẳng tiểu học ngoài Hà Nội với tôi, cách đây đã 15 năm. Tôi nhận ra Thuận ngay, mặc dầu sự đổi khác đã lớn lắm trên thân hình và mặt mũi, vì có một người bạn đã học cùng lớp như Thuận, đừng nói 15, đến 30, 40 năm sau, tôi cũng vẫn nhận được ra như thường. Trước hết vì cái đầu của Thuận. Cái đầu

vẫn vậy. Cái đầu nhẵn bóng chỉ lưa thưa vài sợi tóc như những sợi râu. Sau, vì cái biệt hiệu “trọc” của Thuận, cái biệt hiệu do chính tôi đặt ra cho Thuận. Anh em cùng lớp cười ầm lên và Thuận đã thành Thuận Trọc từ đó. Cũng vì cái chuyện đặc biệt hiệu ấy mà Thuận để tâm thù tôi trong mấy năm liền, và tôi nhớ đã phải trả một giá khá đắt cho sự đùa nghịch vô tình ấy. Chả là Thuận rất khỏe và cũng rất cục. Anh em trong cùng lớp thường hay chỉ riếu cái anh học trò quê mùa ở Thuận, nhưng đều sợ cái sức khỏe của anh học trò quê mùa ấy nhất là lúc hấn đã đỏ mặt và cục lên. Thù tôi về cái biệt hiệu, Thuận nhiều lần kiếm chuyện với tôi, lần nào tôi cũng ăn những quả đấm nên thân. Đánh xong Thuận còn dọa: “Mày gọi ông trọc ông đánh vỡ mặt”. Tôi sợ không dám gọi nữa, nhưng tất cả

những biệt hiệu, một khi đã có là không bao giờ mất, và Thuận đã thành Thuận Trọc.

Thuận đứng trước mặt tôi làm tôi nhớ lại tất cả chuyện cũ. Tôi không thể nào ngờ lại gặp Thuận ở chỗ này, trước cái nhà thờ đổ của vùng tiếp giáp giới tuyến này. Sự xuất hiện đột ngột của Thuận ở đoạn cuối cùng của con đường vượt tuyến là một điều ở ngoài sức tưởng tượng của tôi. Những năm tản cư, tôi thường gặp lại một số bạn học cũ. Những địa điểm gặp thường là ở những thị trấn nằm, trên những đường giao thông chính. Chứ ở vùng đất không người này, tự nhiên có trước mặt một người bạn học mười mấy năm giờ không hề gặp, người đó lại là Thuận Trọc, – tôi không thể ngờ, tôi không hiểu ra sao nữa. Tính chất bí mật dấu kính của chuyến đi cắt nghĩa thêm

cho sự kinh ngạc. Tôi đứng chờ người ra. Tất cả ở người bạn học cũ gây cho tôi một cảm giác rờn rợn rất khó chịu. Bộ quần áo đen, cái đầu vẫn nhẵn bóng như ngày xưa, khẩu súng phồng lên dưới lần vải áo, đã biến người bạn học quê mùa trước kia thành một người cán bộ sát khí đằng đằng với một vẻ hung dữ xa lạ. Nhất là cái kính Thuận đeo trên mắt. Cái kính cũng kỳ lạ. Nó chỉ có độc một mắt. Mắt bên trái vỡ chỉ còn cái khung nhựa trống không. Thuận trừng trừng nhìn tôi, con mắt sau khung kính vỡ tạo cho cái nhìn khuôn mặt một vẻ quái dị:

– À cậu.

Thuận không vỗ vập. Giọng hắn hỏi tôi lạnh như tiền:

– Cậu qua vùng này làm gì ?

Không đợi tôi trả lời, hắn hất đầu về phía Đạo và bà Nhị:

– Những người kia cùng đi với cậu?

Tôi gật đầu nói là anh họ và cô họ tôi. Thuận ngó họ từ đầu đến chân đoạn quay lại ra lệnh cho gã áo nâu xuống gác dưới bên đó có gì lạ phải lên báo cho hắn biết ngay. Gã áo nâu cứng người lại trong một thế đứng nghiêm rồi chạy xuống phía bãi thấp. Bấy giờ Thuận mới kéo tôi ra một chỗ. Và hỏi:

– Cậu qua vùng này làm gì?

Làm như không chú ý đến câu hỏi của hắn, tôi cười cợt hỏi lại:

– Thế còn cậu. Cậu ở đây làm gì? Trông oai dữ.

Giọng đùa cợt bằng hữu của tôi không có kết quả.

Thuận không cười, còn tỏ vẻ khó chịu, nóng nảy:

– Tôi không có thì giờ nói chuyện. Cũng không thể cho cậu biết được. Tôi hỏi cậu qua đây làm gì?

Tôi đã định nói thẳng cho cái thằng bạn cùng lớp ngày xưa này biết, tôi đã mệt mỏi vô cùng, tôi không chịu đựng được nữa, tôi đang lên đường trở về Hà Nội với gia đình tôi trong đó. Nhưng nghĩ lại, mười lăm năm xa cách với sự đổi thay ghê gớm của con người trong khói lửa, chém giết, nhìn lại cái khuôn mặt lạnh lùng, cái kính vỡ mắt, khẩu súng, tôi không dám tin vào sự thành thực của tình bằng hữu nữa. Cái thằng bạn vốn lại không ưa mến gì mình từ ngày xưa. Nói thật, nếu hắn bắt tôi trở lại? Hắn trở mặt giữ tất cả chúng tôi lại thì làm thế nào? Tôi đã vậy. Còn Đạo, còn bà Nhị? Mấy

năm chiến tranh, sự căm hờn, sự cuồng tín, lòng thù hận đã biến con người thành những con thú khát máu, những kẻ thù nghịch thích thanh toán, thích chém giết. Vùng tiếp giáp giới tuyến này không có chỗ đứng cho kỷ niệm, tình cảm cũ. Tôi đã có nhiều kinh nghiệm đau đớn về chuyện này. Tôi đã nhìn thấy một kẻ thảo nhiên cầm lấy súng, thảo nhiên ngắm và thảo nhiên bắn vỡ óc người bạn chí thân của nó vì mỗi thù đảng phái.

Còn bao nhiêu trường hợp cha con, vợ chồng, anh tố giác lẫn nhau. Sự phản bội thường trực diễn ra trong đời sống. Tôi nghĩ nên tìm một cách nói dối là hơn. Cách đó, tôi đã tìm thấy:

– Tôi về bên Quế Quyền.

Thuận trợn mắt!

– Bên ấy cũng là đất địch, cậu biết không?

– Biết. Tôi trả lời.

Đoạn hạ thấp giọng làm vẻ bí mật:

– Cậu còn nhớ Bình, Bình sút không?

Thuận trố mắt nhìn tôi hỏi dồn:

– Bình sút, có, có nhớ. Sao, Bình sút làm sao?

Bình sút là tên người bạn ngồi cùng bàn và thân nhất lớp của Thuận. Biệt hiệu “sút” vì cái răng cửa của Bình gãy một nửa trong một cuộc đánh lộn giữa Bình và một người bạn ở sân trường. Cùng một lớp, nhưng Thuận không thân thiết với ai bằng với Bình, Bình nhỏ nhắn, dễ thương, trái ngược hẳn với vẻ cục cằn thô lỗ của Thuận, và được hẳn săn sóc chiều

chuộng, nhịn nhục nhiều khi tưởng như đối với một người bạn gái. Chúng tôi vẫn lấy làm lạ về thái độ đó của Thuận. Nhìn vẻ sống sót của Thuận, tôi biết đã đánh trúng nhược điểm, tôi đã khơi dậy cái khía cạnh tình cảm trong hắn. Tôi bèn thêu dệt thành một câu chuyện đầy đủ tình tiết thương tâm: Bình nằm trong bệnh viện, Bình ho lao rất nặng, thiếu tiền, thiếu thuốc men, Bình gặp tôi ở Thanh Hóa và nhờ tôi về tìm người chú ruột Bình ở Quế Quyền xin tiền và mấy thứ thuốc hiếm đưa ra cho Bình. Bởi vậy mà tôi về qua vùng này. Tôi cần đi gấp về gấp kéo trễ. Chuyện Bình có vẻ đã làm Thuận xúc động thật sự.

– Nếu đúng thế tôi để cậu đi.

Bản tính đa nghi khiến hắn còn hỏi lại:

– Đúng thế chứ ? Đúng cậu vào đến Quế lại trở ra, đúng cậu không vào thành chứ? Đã trót đóng kịch, tôi trả lời là đúng như thế. Hấn có vẻ hài lòng:

– Thế thì tốt. Theo du kích báo cáo tôi cứ tưởng mấy thằng thanh niên nào kéo nhau về thành.

Tôi hỏi nếu tôi về thành thực thì hấn tính sao. Hấn nhếch mép cười – và tôi không biết hấn đùa hay thật – hấn vỗ vỗ tay vào bao súng, nói một giọng nghiêm trọng, kiêu hãnh:

– Những thằng như chúng mình có bao giờ bỏ đi như thế được. Cuộc chiến đấu còn trường kỳ gian khổ, nhưng chúng mình sẽ tiếp tục nó đến cùng.

Tôi đã toan hỏi hấn tiếp tục, nhưng tiếp tục thế nào ? Với hấn, tiếp tục có

phải là đứng đó chặn bắt những người hồi cư không, nhưng tôi đã chán ngấy những cuộc tranh luận kiểu đó. Không muốn đóng kịch hơn nữa, nhất là thấy ngày đang hết một cách mau lẹ đáng sợ, tôi tỏ ý muốn được đi ngay. Thuận phác đường đi cho tôi, nói cứ đi thẳng chừng non một cây số thì đến một con đê cao, ở đó còn một trạm khám xét nữa, nhưng chỉ chiếu lệ, du kích sẽ biết là chúng tôi đã được sự thỏa thuận ở bến đò này và sẽ để cho chúng tôi đi. Tôi bắt tay Thuận, trở lại chỗ Đạo và bà Nhị. Cả ba chúng tôi cùng đi thật nhanh về phía con đê. Như lời Thuận nói, đúng còn một trạm kiểm soát nữa thật. Một gã du kích hỏi giấy tờ Hấn xem qua loa rồi vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi lên đê. Đạo và tôi đã bước đi thì không hiểu sao, bà Nhị lại lấy cái hộp sắt ra, nhặt một miếng trầu ăn. Bà lúng túng thế nào, bà đánh rơi cái ống

vôi bạc xuống đất. Chẳng hiểu nghĩ ngợi thế nào bà Nhị lại chọn đúng lúc đó để ăn trâu? Có lẽ nhạt miệng từ lâu, bà đã thèm quá. Hay tại một ngày thận trọng từng cử chỉ, từng lời ăn tiếng nói, phải có một phút sơ xuất và cái phút sơ xuất tại hại ấy đã tới? Tôi lạnh người nhìn bà Nhị cúi vôi xuống nhặt cái ống vôi. Nhưng không kịp nữa. Nắp ống đã bật tung ra, lăn lông lốc, vôi trắng vãi tung tóe mặt đất, tờ giấy phép đã bật khỏi đáy ống ra ngoài. Bà Nhị chỉ nhặt được ống vôi, tờ giấy phép gã du kích nhanh tay hơn đã lượm được. Tôi thấy hấn quắc mắt đọc. Khi đã hiểu là giấy tờ gì, hấn trừng trợn nói với tên kia:

– A, bọn này có giấy của địch cấp. Dưới mắt hấn, tờ giấy đã biến chúng tôi thành một bọn do thám. Tức thì, một mũi súng đen ngòm đã chĩa thẳng vào

chúng tôi, bắt chúng tôi quay trở lại. Biết phân trần mấy cũng vô ích, chúng tôi đành cúi thủi nghe theo. Con đường cũ lại dẫn cả bọn trở về cái nhà thờ đổ nát. Thuận ngồi ở một bức thềm nhìn đăm đăm xuống phía bãi sông ra chiều nghĩ ngợi. Gã du kích chạy đến trước mặt hấn, tôi nghe thấy tiếng: “Báo cáo với đồng chí” Thuận nhìn thấy chúng tôi trở lại, cau mặt đọc kỹ tờ giấy. Lúc hấn ngừng lên, cái vẻ mặt lạnh lùng ban nãy đã đẩy những nét hăm hăm câu giận. Đó là khuôn mặt của Thuận Trọc ngày xưa khi hấn cục lên và sắp sửa kiểm chuyện với tôi. Cũng là khuôn mặt điển hình – ác độc, dữ dội – của người cán bộ vùng tiếp giáp giới tuyến. Nghĩ đến câu chuyện vừa bị đặt để đánh lừa hấn, tôi thấy ngượng nhiều hơn là sợ. Thuận nhìn tôi, đoạn vẫy tôi lại gần. Xem chừng hấn có thể đâm ngay vào mặt tôi. Nhưng hấn

cố gắng giữ được. Chúng tôi cùng song bước xuống phía bên.

– Tại sao cậu dám nói dối tôi? Hấn dần mạnh vào chữ dám.

Tôi yên lặng không đáp.

– Tại sao cậu về thành? Hấn nói như hét.

Tôi vẫn thấy tốt hơn là không nên trả lời gì. Hấn vung tay về trước mặt như muốn đâm nát không khí. Khuôn mặt lộ một vẻ bức tức gớm ghê đến gần thành khổ sở, hấn nghiêng rằng:

– Luôn mấy tháng nay hết lớp nọ đến lớp kia kéo nhau về thành. Thế là cái quái gì? Các cậu hết tin tưởng rồi sao? Vùng tự do này đã thành một địa ngục rồi sao?

Tôi thấy đã đến lúc cần phải trả lời và tôi trả lời hấn rằng vấn đề không chỉ đơn giản như cái việc còn tin tưởng hay mất tin tưởng. Sống đối với tôi là một vấn đề ý thức trước đã và mỗi người có thể có một ý thức riêng, một tin tưởng riêng về đời sống. Mỗi người đều có quyền lựa chọn con đường mình đi nếu ứng chịu mọi trách nhiệm mọi hậu quả về sự lựa chọn ấy.

– Cậu còn nhớ – hấn nói – những ngày đi học, sáng sáng chúng mình phải đứng chào cờ Pháp, thằng đốc Tây nó bắt hát bài *Maréchal nous voilà* không? Chúng nó bắt học lịch sử Pháp, văn chương Pháp, địa dư Pháp cậu còn nhớ không? Bây giờ cậu muốn trở lại những cái đó hả?

Tôi bật cười trả lời hấn tôi về không phải để hát lại bài hát *Maréchal nous*

voilà, tôi về cũng chưa biết để làm gì, nhưng tôi không thể sống ở đây và sự ở lại của tôi sẽ hoàn toàn vô ích. Ở đây đã có những người như hấn.

Hấn rút khỏi bao khẩu súng, cầm lăm lăm trong tay!

– Từ hồi nổ súng, khẩu Mauser này đã bắn vỡ sọ năm thằng Tây, đã bắn què mấy thằng thanh niên hồi cư, cậu biết không?

Hấn xoay người lại đứng đối diện với tôi, cái kính vỡ mắt chỉ cách sống mũi tôi một gang tay:

– Tôi có thể bắn vỡ sọ những đứa vào thành như cậu, cậu biết không?

Tôi bảo hấn nhìn kỹ lại xem tôi có phải là Tây không. Tôi nói tôi không muốn bị bắn chết bởi một khẩu súng

nào, cũng không muốn cầm khẩu súng bắn vỡ sọ một người nào. Thuận lồng lộn đi lại trên mặt bến như một con hổ dữ. Tôi cứ đứng im, biết hấn tuy còn tức giận ghê gớm nhưng không thể nào nổ súng vào đầu tôi được nữa. Sự khổ sở trên nét mặt của hấn cho tôi tin tưởng vào nhận xét đó. Hấn buông thẳng tay súng, nhìn đăm đăm xuống dòng sông một lúc khá lâu, đến lúc cất tiếng, giọng nói đã dịu xuống. Hấn có vẻ vừa mệt nhọc, vừa buồn bã:

– Thôi được. Tôi để cho cậu đi. Tôi đưa cậu ra bờ đê.

Có Thuận đi trước dẫn đường, lần này chúng tôi lên tới mặt đê yên ổn. Nền trời đã thẫm lại. Nhìn từ trên xuống, cánh đồng bao la trước mặt cũng thê lương cũng hoang vắng như vùng làng xóm chúng tôi bỏ lại bên này con đê. Khuôn

mặt Thuận đã trở lại lạnh lùng như cũ. Hắn chỉ tay cho tôi dõi thấy một cái bột trắng toát ở phía cuối con đê, cách chỗ chúng tôi đứng chừng hai cây số:

– Bột Quế đấy. Cậu có thể đến thảng đó, hắn nhếch mép, trừ phi cậu bị một băng liên thanh bắn chết ở giữa đường. Nói tiếng Pháp thảng với tên Quan Đôn, xưng là học trò. Nó vẫn bảo chính phủ nào cũng có học trò. Nó sẽ để cho bọn cậu đi.

Thấy tôi ngần ngừ, hắn chỉ tay xuống cánh đồng:

– Đi hết cánh đồng kia cũng có thể tới Văn Trai Chợ Đại được. Nhưng phải ngủ đêm ở làng Tề. Cậu muốn chọn ngả nào thì chọn.

Tôi cảm ơn Thuận, nhưng không

hiểu tại sao cái kính vỡ mắt của hắn vẫn làm tôi khó hiểu và khó chịu. Không dùng được, tôi chỉ cái mắt kính vỡ, hỏi:

– Sao cái kính cậu đeo lại vỡ một mắt?

Thuận Trọc nhếch mép cười gằn không đáp, chia tay cho tôi bắt. Giọng hắn đột nhiên đổi khác, giận dữ, như có vẻ hối hận đã chỉ đường cho tôi đi:

– Thôi, cậu đi ngay đi.

Tôi xuống đến dưới chân đê thì thấy hắn chạy theo xuống. Hắn cũng có mấy điều cần rút khoát với tôi:

– Cậu có biết ban nãy tôi có thể giết chết cậu, bây giờ tôi vẫn có thể giết cậu được không?

Tôi mỉm cười đáp: – Biết.

Hắn lại hỏi:

– Cậu cũng nói dối tôi về Bình Sút phải không? Nó không ốm đau, nó không việc gì phải không?

Tôi gật đầu và lần này tôi nói thực. Tôi nói với hắn Bình Sút không ốm đau gì, người bạn thân thiết nhất của hắn không bao giờ việc gì nữa. Bình Sút đã chết.

Đoán hắn muốn biết rõ:

– Bình chết tháng mười năm kia. Ở sông Lô.

Đi được một quãng đồng, tôi nhìn trở lại. Thuận còn đứng đó, trên mặt đê, không động, như một pho tượng, cái bóng nhỏ bé cô độc in lên nền trời hoang vu vùng giới tuyến. Tôi buồn rầu quay đi. Qua cái bề ngoài lạnh lùng, dữ dội của

người bạn cũ tôi đoán thấy những khổ sở chồng chất, những hoang mang đau đớn ngấm ngấm. Tôi đoán thấy những lung lay của một tâm hồn tàn ác vì một niềm cuồng tín không còn vững vàng nữa. Sự cuồng tín không bao giờ vững vàng. Nó cần được nuôi nấng bằng lửa máu, bằng sự bạo động. Con người cuồng tín lay chuyển, dao động khi đứng trước một sự kiện nào bắt hắn phải đột nhiên suy nghĩ. Thuận có thể giết tôi, hắn đã giết người, có lúc hắn đã muốn giết tôi mà không thực hiện được ý muốn và điều đó sẽ làm hắn đau đớn khổ sở, sẽ còn dày vò hắn mãi mãi. Tôi vừa đi vừa nghĩ ngợi triền miên như vậy, và nỗi buồn của chuyến vượt tuyến lại xâm chiếm lấy đầu óc tôi. Trước mặt, Đạo và bà Nhị cũng lầm lũi bước đi, không ai nói với ai một câu.

Không còn Thuận Trọc, không còn những tên du kích, những mũi súng chĩa vào ngực – chúng tôi đã lọt hẳn vào đất Tề – nhưng cái không khí hoang vắng, cái im lặng rợn người vẫn như bao phủ xuống khắp cánh đồng bát ngát. Buổi chiều cứ thấp xuống mãi. Nắng đã tắt từ lâu. Những lũy tre – dấu hiệu những vùng làng xóm – tuy đã hiện lên ở xa xa, nhưng cái vẻ xa lạ chứa đầy bí mật của chúng lại tạo cho cho chúng tôi một cảm giác lo lắng khác. Thêm một nguy hiểm mới: cánh đồng rộng mênh mông không có một bóng cây, một gò đất, một chỗ ẩn nấp nào. Chúng tôi đi cứ như phơi mình ra. Nhìn sang phía tay phải, trên mặt đê cao, cái bột trắng toát vẫn rõ mồn một, nó đứng đó, nhìn chỗ xuống cánh đồng, tôi tưởng như một cái ống nhòm, một ngọn súng tiểu liên vẫn theo dõi chúng tôi từng bước một. Một băng

đạn liên thanh từ trên nóc bột giầy phút nào cũng có thể nổ lên, lia chúng tôi ngã gục xuống. Nhìn cánh đồng buổi chiều không một bóng người ngoài ba chúng tôi nối đuôi nhau đi trên bờ ruộng, tôi mới lượng được tất cả nguy hiểm của một vùng đất trống không một chỗ ẩn náu. Chỉ một cái nắm tay của một tên lính Pháp nào đó sau lỗ châu mai cái bột gác sừng sững trên kia, chúng tôi đã là những cái đích không thể nào ngon hơn cho những viên đạn đồng. Lúc này sợ trời tối, tôi lại chỉ mong cho tối sập xuống. Tôi giục mọi người rảo bước. Tình thế thay đổi đã biến tôi, tự lúc nào thành người chỉ huy. Đạo giấu bộ râu quai nón, cái thân hình to lớn của Đạo cũng chưa xong. Tờ giấy phép đã bị Thuận Trọc giữ lại, bà Nhị không còn ở địa vị người dẫn đường nữa, cũng chỉ biết đi theo chúng tôi.

Đến giữa cánh đồng, thêm một nguy hiểm thứ hai: cụt đường. Lúc ở Hà Nội ra, bà Nhị cũng đã đi qua vùng này, nhưng trong mấy ngày bà ở Thanh Hóa, đã có nhiều trận mưa cực lớn ở đây. Con đường cụt, cánh đồng trước mắt chúng tôi chỉ còn là một giải nước mênh mông trắng xóa, sóng vỗ ào ạt như một mặt hồ lớn vừa nổi gió. Những bờ ruộng, những gò đồng đều mất tăm dưới làn nước. Chúng tôi đứng lại ngó nhau trong một trạng thái lo lắng hoang mang cùng cực. Đi nữa, không còn đường. Lùi lại, không được. Trời thì cứ thấy cứ tối xuống một cách đáng sợ. Phân vân không biết tính thế nào nữa, người tôi bỗng chồn như lửa đốt. May thay, đang lúc chưa biết xử trí ra sao, thì Đạo chỉ tay kêu lên: “Có đò, có đò”. Theo ngón tay Đạo, một con đò từ đằng xa đang bập bênh tiến đến. Chúng tôi mừng rỡ cùng giơ tay vẫy cuống quýt.

Đúng là cái cảnh chết đuối vớ được cọc. Con đò đến gần, tôi nhận ra người chở là một thằng bé con. Nó chừng 13, 14 tuổi, nhưng mặt mũi tinh quái, con mắt sắc sảo như người lớn. Nhìn thoáng, nó đã biết ngay chúng tôi là những người xa lạ đang lâm vào một tình trạng khó khăn. Bà Nhị vừa định bước lên đò, nó đã nhoẻn miệng cười giơ tay ngăn lại:

– Các ông các bà đi đâu thế này? Trả tiền tôi mới chở.

Thật đúng là thằng bé của đất Tề. Cái không khí chiến tranh khốn nạn đã sớm tạo nó thành một đứa nhỏ tinh quái, biết lợi dụng hoàn cảnh để bắt bí như người lớn. Đúng là nó đang bắt bí chúng tôi, mà bắt bí được lắm, vì tôi phải xử nhữn ngay. Tôi ngọt ngào bảo nó nếu chở chúng tôi tới được một làng Tề hẳn chúng tôi sẽ trả tiền.

Theo kinh nghiệm của mấy năm kháng chiến, thêm vào, những chuyện được nghe thuật lại, tôi biết đại khái những làng xóm thuộc vùng Tề – danh từ thông dụng hồi đó để chỉ những vùng quốc gia giáp giới vùng Việt Minh, nhưng chưa có an ninh – chia làm ba loại . Tề ác. Tề hiền. Và Tề dấm dớ. Đối với anh là người hồi cư, Tề hiền cho ngủ lại, giúp đỡ giấy tờ cho anh vào thành. Tề ác, trái lại, chặn giữ anh, rồi giao trả anh cho Việt Minh. Nhưng nguy hiểm hơn cả là Tề dấm dớ. Nguy hiểm nhất vì với Tề ác, Tề hiền dẫu sao anh cũng đã có một ý niệm rõ rệt để biết đường đối phó. Tề dấm dớ thì không biết đường nào mà lường. Lọt vào một làng Tề dấm dớ, anh đã phó thác hoàn toàn sinh mệnh cho may rủi. Chín phần mười là rủi. Dấm dớ vì nó có thể khai anh là Việt Minh và giao anh cho Tây đồn lấy thưởng, nó

cũng lại có thể gán cho là bảo hoàng là phòng nhì và giao anh cho công an, biệt động Việt Minh để lấy công và được yên thân. Tề dấm dớ tóm lại là thứ Tề hai mang, thuận chiều nào che chiều ấy, thứ Tề đi nước đôi. Tề dấm dớ tượng trưng cho sự phản bội, sự nhập nhằng, sự trở mặt, nó tối kỵ cho những người hồi cư về thành.

Tôi phải mặc cả rút khoát với thằng nhỏ đưa chúng tôi về một làng Tề hiền là vì vậy. Nó gật đầu bảo được, nhưng đòi biết trước số tiền trả công nó là bao nhiêu. Không muốn đứng lại thêm một chút nào nữa giữa cánh đồng trống trải, tôi rút hết khoản tiền còn lại trong túi trao cho nó. Thằng nhỏ tỏ vẻ bằng lòng vì số tiền cũng khá nhiều. Miệng nó giục chúng tôi trèo lên, tay nó chỉ:

– Tôi sẽ chở ông về làng kia. Chỗ có cây đa nhô lên khỏi bụi tre ấy. Tề hiền đấy, ông nhìn thấy rõ chưa?

Tôi hỏi vặn:

– Hiền thật không?

Nó nhoẻn miệng cười một cách lão xược:

– Thật chứ lại chẳng thật à?

Lối làm tiên, điệu cười mất dậy, cái vẻ mặt nhờn nhờn của thằng nhỏ chẳng làm tôi vững dạ chút nào. Nhưng chúng tôi đã đến nước cùng, đành phó mặc cho may rủi. Chúng tôi vừa chân trước chân sau toan bước lên đó thì có tiếng người quát thằng nhỏ ở sau lưng:

– Thằng lão. Sao mày dám đưa người ta vào Tề dấm dớ.

Chúng tôi giật mình quay lại. Một người đàn bà đã đứng đằng sau chúng tôi từ lúc nào. Còn trẻ. Giữa khoảng 25, 30 là cùng. Khuôn mặt bầu bĩnh. Nước da nâu nâu, thân hình nhỏ nhắn nhưng khỏe mạnh, lối khỏe mạnh của người sống suốt đời ngoài đồng ruộng. Chị ta mặc một cái áo tứ thân đã cũ, hai vạt trước buộc thắt lại với nhau. Một tay xách một cái nón lá, tay kia thì vừa hạ cái bị cỏi trên vai xuống. Cái quần đen lấm bết bùn ở gấu, ướt sũng, khiến tôi đoán chừng người đàn bà chắc đã lặn lội đi sau chúng tôi từ lâu, nhưng mãi đi không ai để ý thấy. Tôi nghĩ nếu ăn mặc chải chuốt, sạch sẽ, chị ta còn xinh đẹp hơn nhiều lắm. Câu mắng thằng nhỏ làm chúng tôi ngơ ngác đứng cả lại. Chị ta nói:

– Các anh cứ xuống dò đi.

Nói đoạn chị ta bước xuống trước. Cái vẻ thản nhiên không ngó trước ngó sau, không nhón nhác sợ hãi khiến tôi đoán người đàn bà sinh trưởng ở vùng này, đi lại thường nhật trên những con đường này. Mọi người đã ngồi yên vị trên con đò tròn trĩnh, chị ta lại mắng thằng nhỏ lần nữa là nó láo, sao nó dám đưa chúng tôi đến một làng Tề dấm dớ.

Thằng nhỏ cãi:

– Dấm dớ đâu mà dấm dớ.

– Không dấm dớ thì hiền với mày à! Chị ta trừng mắt quát lớn. Mày táo gan thật, không có tao có chết người ta không?

Đoạn, chị ta quay lại bảo chúng tôi, như gỡ tội cho thằng nhỏ:

– Chắc nó không biết đâu. Cái làng

có cây đa kia trước vẫn là Tề hiền nhưng nó đã thành Tề dấm dớ được mấy bữa nay rồi.

Chị ta đưa mắt ngắm tôi và Đạo:

– Thanh niên như các anh đến đó nguy hiểm lắm.

Và thản nhiên hỏi:

– Các anh đi công tác chắc? Sao không dùng đường dây.

Đường dây là đường của cán bộ, có liên lạc và tín hiệu bí mật. Tôi thấy cần phải giải thích ngay – và đó cũng là sự thật – chúng tôi chỉ là những người tản cư bây giờ hồi cư về thành phố. Tôi nói với người đàn bà ý định muốn về tới làng Nôi. Xem chừng chị ta cũng không chú ý đến sự thanh minh của tôi, chỉ nói:

– Nồi à! Thế thì còn xa lắm. Đi hết cánh đồng này còn phải đi bộ theo con sông máng chừng 5 cây số nữa kia. Muộn lắm rồi, các anh không về kịp đêm nay đâu.

Thật nguy hiểm hết sức. Mà quả thật, trời đã tối xuống mau chóng. Trên cánh đồng nước mênh mông, những dấu tích làng xóm xa xa như đã muốn nhòa vào bóng tối sắp đổ ập xuống. Rồi mưa bắt đầu. Những luồng gió thổi tạt thật mạnh vào con đò chỉ như muốn lật úp đi. Thằng nhỏ không cười được nữa. Nó mím môi chèo ngược chiều gió. Nước lạnh thấm vào người, tôi bắt đầu thấy rét run lên. Nhìn xuống, những ngón tay ngón chân đã tê cứng lại. Bà Nhị và Đạo thì lo lắng nhìn tôi như chờ ở tôi một quyết định. Tôi nhìn cánh đồng nước bây giờ bát ngát như mặt biển lớn, với những làng

xóm bé nhỏ ly ty, yếu ớt hiện ra ở chân trời sau một màn mưa đã nặng hạt, tôi cũng chẳng biết định đoạt ra sao nữa. Trời vẫn tối mãi xuống.

Người đàn bà từ nãy vẫn ngồi yên ở một đầu mũi đò, đáng chừng đã đoán thấy nỗi lo ngại của tôi. Chị ta bậm môi lại một vẻ suy nghĩ, đoạn bảo thằng nhỏ:

– Đưa các anh này về làng tao. Rẽ tay trái ngay đi. Con đò xoay ngang, hướng mũi về phía tay trái. Chị ta quay lại bảo chúng tôi:

– Các anh về nhà tôi ngủ tạm một đêm, sáng mai đi sớm. Tôi chỉ đường cho.

Tôi nhìn chị ta đăm đăm nhưng không thấy gì khác ngoài một vẻ thản nhiên bình tĩnh. Chị ta là hạng người

nào ở vùng Tề này? Tại sao lại đi một mình? Giúp đỡ những người lạ mặt như chúng tôi không sợ liên lụy sao? Tự hỏi thế, nhưng tôi cũng chẳng có cách nào khác để cân nhắc nữa. Tôi nói:

– Vâng, nhờ chị giúp cho.

Trước mặt chúng tôi, một lũy tre um tùm. Lũy tre đó gần hơn tất cả những lũy tre khác. Con đò không ngược chiều gió chiều nước nữa, đi mau hơn. Mưa vẫn lớn. Người đàn bà lạ mặt xuất hiện đột ngột trên con đường đầy bất trắc của chúng tôi, khiến tôi nghĩ trở lại Thuận Trọc. Cái kính vỡ mắt, vẻ mặt lạnh lùng dữ dội của hấn. Tôi nhìn lại vẻ người hiền lành của chị ta, cảm thấy vững tâm hơn. Con đò tiến gần về phía bụi tre. Tôi hỏi:

– Chắc làng ta đã Tề rồi?

– Vâng, từ năm kia. Chị ta đáp.

– Tề Hiền phải không chị?

– Không, Tề dấm dớ.

Câu trả lời làm tôi giật mình. Chị ta mỉm cười.

– Nhưng không sao đâu, đã có tôi.

Con thuyền ngừng lại ở chân lũy tre, bên cạnh một cái bến đá nhỏ, nước đập dào dạt. Bóng tối đã nhá nhem mặt người. Đằng sau lũy tre, con đường làng lát gạch, những bóng đàn bà trẻ con đi đi lại lại. Người đàn bà xách bị cỏi đứng dậy, trước khi bước chân lên bờ, dặn chúng tôi đừng nói năng gì, cứ yên lặng mà đi, ngộ nhớ có ai hỏi cứ để mặc chị ta đối phó. Chị ta đi trước, chúng tôi theo sau, cả bọn cùng đi theo con đường lát gạch. Được một quãng, chúng tôi theo

chị ta rẽ vào một cái ngõ đất, có những vì tường thấp chạy dài hai bên. Cuối ngõ, một cái cổng tre khép hờ. Người đàn bà đứng lại, nhìn trước nhìn sau.

– Nhà tôi đây, các anh vào mau đi.

Cánh cổng tre đóng lại sau lưng chúng tôi. Tôi thở ra. Nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên và khó hiểu là trên con đường từ bến đá về tới nhà, mặc dầu đi trong làng mình, người đàn bà luôn luôn đưa cái nón lên che kín mặt, và cúi đầu xuống đi thật nhanh. Rõ rệt là chị ta không muốn cho người làng nhận được ra mình là ai.

Suốt đời không bao giờ tôi quên được cái cảm giác cực kỳ nhẹ nhõm sung sướng, khi tháo bỏ hành lý vào một góc, tôi nằm lăn ra cái giường tre nhà chị Toàn. Chúng tôi đã vào đến nhà chị,

được biết tên chị. Người đàn bà lạ mặt ngoài cánh đồng nước mông mênh vùng tiếp giáp giới tuyến, người đàn bà che mặt đi trên con đường gạch của một làng Tề dăm dớ không còn nữa. Chỉ còn chị Toàn, chị Toàn trong căn nhà ẩm cúng của chị. Khuôn mặt bình tĩnh của chị chuyển động trong cái không khí quen thuộc của căn buồng vừa sáng lên dưới ánh sáng một ngọn đèn dầu hỏa. Cái ánh sáng ấy đối với con mắt chúng tôi còn rực rỡ hơn cả một ngọn điện trăm nến. Từ mấy năm nay, ngoài hậu phương, chúng tôi chỉ quen với bóng tối âm thầm và cái ánh sáng leo lét gầy yếu của những đĩa đèn dầu lạc.

Tôi nằm vật xuống giường, tay chân dang rộng, nghe những đường gân những bắp thịt tê mủi nở ra, giãn ra. Những mạch máu đập đều hòa như cũ.

Đầu óc không còn căng thẳng, tôi lim dim mắt tận hưởng cái cảm giác thoải mái toàn thân. Rồi tôi thiếp đi, tôi ngủ không biết trời đất là gì nữa. Đến lúc Đạo vỗ vai lay tôi dậy, nhìn đồng hồ đã 10 giờ đêm. Chị Toàn ngồi với bà Nhị ở một góc nhà, thì thầm nói chuyện. Đạo rửa mặt mũi, chải đầu tóc, trông trẻ lại đến mười tuổi. Miệng Đạo phì phào một điệu thuốc lá. Một bà cụ già vừa đẩy cửa bước vào, chị Toàn giới thiệu với mọi người là mẹ chị. Bà cụ phúc hậu, khổ người cũng hao hao giống con gái. Sau giấc ngủ, tôi thấy trong người tỉnh táo sáng khoái lạ thường. Những nỗi nguy hiểm chưa hẳn đã chấm dứt, cái không khí đầy bất trắc của đất Tề còn vây bọc chung quanh, ở ngoài kia, nhưng trong này ánh sáng ấm cúng, vẻ hiền hậu toát ra từ khuôn mặt, tiếng nói của hai mẹ con chị Toàn, đã tạo cho chúng tôi một

thái độ yên tâm và bình tĩnh. Sau một bữa cơm thanh đạm – cà muối và cá khô, chúng tôi cùng thú thực từ sớm chưa ăn uống gì khiến chị Toàn mỉm cười – bà cụ giục chúng tôi đi nghỉ, đoạn bà bỏ xuống nhà dưới. Đạo và bà Nhị đã nằm im, chỉ còn mình tôi ngồi với chị Toàn bên cạnh ngọn đèn dầu hỏa. Một tiếng lá rụng theo gió ngoài khoảng sân tôi. Một tiếng chó sủa xa xa. Vài tiếng súng lẻ bâng quơ nổi lên ngoài đầu làng.

– Bốt gác đêm nào cũng bắn vài phát như thế. Không sao đâu anh, Chị Toàn bảo tôi.

Tôi nghĩ, nếu chúng tôi còn lạc lõng giờ này ngoài cánh đồng mông mênh, chưa chừng phát đạn vu vơ đã bắn vỡ óc một người trong bọn chúng tôi. Tôi nghĩ đến chuyển đi. Bao nhiêu nguy hiểm, lo lắng, bất ngờ trong một ngày. May mắn

lớn nhất là ở giữa lúc bối rối nhất, chúng tôi đã gặp được chị Toàn. Tôi cảm động ngỏ lời cảm ơn. Chị Toàn gạt đi. Chị hỏi chúng tôi từ đâu đến đây. Tôi cũng kể hết cho chị nghe, cuộc hành trình từ Thanh Hóa, qua vùng núi Chi Nê ngút nằng, lúc đi qua vùng không người, lúc qua đò bị du kích chặn lại khám xét ở khu nhà thờ đổ, rồi vượt đèo qua cánh đồng, đến lúc gặp thằng nhỏ làm khó dễ, cho tới lúc chị tới. Nhưng tôi tránh không nói đến chuyện gặp lại Thuận Trọc. Nghe tôi kể chuyện, chị Toàn nói như thế là bọn chúng tôi cũng đã đi đúng con đường những người tản cư vẫn thường dùng để về Phủ Lý, nhưng không may cho chúng tôi là lối đi này vừa bị du kích kháng chiến kiểm soát lại cách đây ít lâu. Chị Toàn có vẻ suy nghĩ:

– Quái nhỉ. Anh vừa nói đi qua con

sông nhỏ chỗ có cái nhà thờ đổ phải không? Anh không gặp một người to lớn, mặc đồ đen và đeo một cái kính vỡ sao?

Tôi nghĩ thầm ngay: Thuận Trọc. Đầu óc tôi lại thấy kích thích bởi sự tò mò. Cái kính vỡ mắt, bộ quần áo đen, khẩu súng kè kè bên người, nhất là cái thái độ thù ghét người hồi cư một cách khác thường của Thuận Trọc trở lại ám ảnh tôi. Hẳn lần quất ở khu nhà thờ đổ làm gì? Nét mặt khổ sở của hắn dưới bãi sông, vẻ sầu thảm của hắn lúc đứng cô độc một mình trên mặt đê cao theo dõi bóng chúng tôi đi vào đất Tề, tất phải có một nguyên nhân nào đó. Làm bộ thản nhiên, tôi nói không gặp ai như thế và hỏi chị Toàn người đó là ai.

– Thế thì còn may cho bạn các anh nhiều lắm đó. Chị Toàn vui mừng nói.

Gặp hấn khó lòng các anh đi thoát về đây. Hấn thù ghét người về Tề lắm.

Thế ra chị Toàn cũng biết tiếng Thuận Trọc. Một thoáng buồn vừa phảng phất trên khuôn mặt chị, càng như khích động sự tò mò của tôi.

– Con người trở nên độc ác thường vẫn do một bất mãn một thù hằn nào đó, tôi dò hỏi. Thù ghét người hồi cư chắc cũng phải có duyên cớ gì chứ chị?

– Người vùng này vẫn gọi hấn là con hùm xám khu nhà thờ đổ, hấn đã bắn chết nhiều người vượt tuyến, nhất là thanh niên như các anh. Tính hấn như vậy đó thôi.

Chị Toàn cúi xuống, cổ dấu một tiếng thở dài khiến tôi càng tin chắc chỉ có điều muốn dấu, chị không nói hết với

tôi sự thực về Thuận Trọc. Nhưng thấy chị có vẻ lảng chuyện, tôi giữ ý cũng không hỏi thêm nữa. Chúng tôi ngồi yên lặng, mỗi người như theo đuổi một ý nghĩ riêng tư. Ngọn đèn dầu hỏa siêu siêu trong bóng đêm. Sau cùng chị Toàn đứng dậy. Chị khuyên tôi nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt, sáng sớm mai chị sẽ ra đầu làng tìm thuê giúp chúng tôi một chuyến dò về Văn Trai. Chị nói đến Văn Trai thì đường đi bình yên lắm rồi, chúng tôi cứ việc đi theo bờ sông máng là về tới làng Nôi. Tôi nhìn đồng hồ. Đã gần 3 giờ sáng. Bốn bề yên lặng không một tiếng động nhỏ. Những giờ phút phút chậm chạp trôi đi trong đêm vùng Tề huyền bí. Chị Toàn đứng đó, ánh đèn từ dưới thấp hắt lên khuôn mặt thanh thoát, làm nổi cao sống mũi, làm cho đôi mắt chị như sâu thẳm hơn. Tôi nhìn đôi mắt chị Toàn và không hiểu sao tôi lại nghĩ đến

cái kính vỡ mắt của Thuận Trọc. Tôi có cảm giác rờn rợn như sau cái kính vỡ ấy, con mắt Thuận Trọc từ bên kia để, từ giới tuyến bên kia, vẫn lặng lẽ ngó sang. Cái nhìn kỳ lạ, vừa buồn thảm, vừa hung dữ như xuất lên từ một đáy vực tối. Chị Toàn lại giục tôi nên đi nghỉ, chị dặn tôi cứ yên tâm ngủ, có động tĩnh gì để mặc mẹ con chị, ai hỏi cũng đừng lên tiếng trả lời. Ra đến cửa chị quay lại, chị cho tôi trông thấy một khung cửa nhỏ đóng kín ở cuối buồng, mở ra phía đằng sau nhà. Chị dặn tôi nếu vạn nhất có chuyện gì nguy hiểm lắm, chị sẽ gõ ba tiếng ở ngoài, chúng tôi hãy mở cửa đó và ra lần ở khu vườn chuối phía sau, chừng nào chị gọi vào hãy vào. Nói đoạn, chị mở cửa đi ra. Chị không quên dặn tôi cài then lại cẩn thận, rồi cầm đèn đi xuống nhà bếp với mẹ.

Tôi nằm im trong bóng tối, thao thức không tài nào nhắm mắt được. Bên cạnh, Đạo ngáy o o, tôi chỉ mong cho trời chóng sáng. Đêm như một khối chì đặc dần lại. Những giờ phút chậm chạp. Tôi nằm nghĩ ngợi lan man cho đến lúc đầu óc chập chờn nửa mê nửa tỉnh thì những tiếng chân người làm tôi giật mình choàng dậy. Tôi ngồi im, không dám động dậy, không dám thở mạnh. Những tiếng chân vừa đứng lại trước ngõ chị Toàn. Có tiếng gọi mở cổng, tiếng chị Toàn hỏi : “Ai đó”, tiếng cánh cổng mở ra cùng với những bước chân rầm rập tiến vào trong sân. Thấp thoáng ngoài khe cửa, những vệt đèn bấm lia đi lia lại. Tôi nghe thấy chị Toàn hỏi bằng một giọng tức giận: “Đêm khuya, các đồng chí đến có việc gì?” Nhiều tiếng trả lời cùng một lúc, tôi nghe thấy lồm bồm: “Người lạ mặt – khám xét, có người báo”.

Và tiếng chị Toàn nói gay gắt: “Tôi đã nói không có ai, các đồng chí không tin sao?” Nhiều tiếng xì xào rồi im lặng, những vệt đèn cũng không lia đi lia lại nữa. Bỗng lại thấy tiếng người hỏi rành rọt: “Chị có hay gặp đồng chí Thuận không?” Tiếng chị Toàn gắt: “Tôi không biết đồng chí Thuận nào hết”. Tiếng cười. Rồi sau đó những ánh đèn tắt đi cùng với những bước chân người đi ra phía cổng.

Tôi ngồi im nghe ngóng một lát nữa thì có tiếng gõ cửa. Chị Toàn bước vào. Lần thứ nhất, khuôn mặt chị thoáng hiện một vẻ lo lắng thực sự. Chị giục tôi đánh thức Đạo và bà Nhị dậy. Chị nói mọi người phải sửa soạn sẵn sàng để đi ngay. Chị ra đầu làng kiểm dò và chúng tôi phải đi khỏi làng này trước khi trời sáng. Dặn xong, chị tắt tả đi ra ngõ. Tôi nhìn đồng hồ: đúng 4 giờ sáng.

Tiếng người hỏi chị Toàn ban nãy: “Chị hay gặp đồng chí Thuận không” khiến tôi dễ dàng biết được bọn họ là du kích Việt Minh. Thật hù vía. Nhưng giữa chị Toàn với Thuận có chuyện gì? Tại sao họ lại hỏi như vậy?

Trước khi bỏ đi, tôi muốn biết sự thực. Chị Toàn đi kiểm thuyền, tôi lần xuống bếp và lân la hỏi chuyện bà mẹ. Tôi làm như chị Toàn cũng đã kể một phần câu chuyện cho tôi nghe khiến bà cụ thật thà, trong nửa tiếng đồng hồ, đã cho tôi biết cái điều tôi muốn biết. Nó khá rắc rối như sau.

Hồi tất cả vùng Quế Quyền còn nằm dưới quyền kiểm soát của kháng chiến, Thuận vẫn thường đi lại công tác ở vùng này. Một lần, Thuận đến ngủ nhờ ở đây một đêm. Và sau đó, nhiều lần khác nữa. Đi lại nhà mẹ con chị Toàn được một thời

kỳ, khoảng bốn năm tháng gì đó, Thuận đem lòng yêu mê Toàn, và sau đó Thuận ngỏ ý muốn lấy Toàn làm vợ. Tình yêu nóng nảy điên cuồng của Thuận đẩy Toàn vào một hoàn cảnh khó xử, vì Toàn vẫn chờ đợi một người yêu khác – Ánh. Ánh cùng làng với Toàn, hai người quen biết nhau từ thuở nhỏ, nhà chung một ngõ, đến khi chiến tranh lan rộng tới vùng Quế Quyền, Ánh bỏ làng đi xa, và Toàn vẫn sống trong sự chờ đợi một ngày bình yên Ánh sẽ trở về làng. Giữa tình trạng đó, Thuận đến. Cũng biết chuyện ngày trước giữa Toàn và Ánh, nhưng Thuận quả quyết rằng theo một tin chắc chắn hần vừa nhận được, Ánh đã bị bệnh chết từ năm kia trong khu Tư. Nhiều người tin hần nói thật, khuyên Toàn nhận lời lấy hần. Chính bà mẹ cũng nhiều đêm khuyên nhủ con gái nên sớm tính đến đời mình và không nên chờ đợi một kẻ

đi xa có thể đã chết không bao giờ trở lại. Mãi mãi, rồi Toàn cũng đành nhận lời. Ngày cưới định vào cuối năm. Nhưng một đêm cuối tháng 10 năm ấy, một phát súng đã nổ lên cũng đúng ở cái đoạn chúng tôi vượt đê sang. Một người thanh niên hồi cư bị bắn chết ở quãng đê ấy. Kẻ bị bắn chết là Ánh. Người bắn là Thuận. Toàn cho rằng Thuận đã cố tình giết Ánh, vì sợ Ánh trở về, hần sẽ mất Toàn. Cái tin Ánh chết ở khu Tư, Toàn cũng cho Thuận bịa đặt chỉ cốt chiếm được Toàn làm vợ. Tin Ánh hồi cư bị Thuận bắn chết trên đê, truyền đi khắp làng. Mấy hôm sau, Thuận tìm sang tận nơi phân trần. Thuận nói không biết người đàn ông vượt đê vào Tề đêm ấy lại là Ánh. Đêm tối hần không nhận ra ai, hô đứng lại không đứng, hần đuổi theo đến mặt đê và nổ súng bắn chết. Để chứng minh cho sự giải thích, Thuận đưa cả cho Toàn

xem cái kính vỡ mắt mà Thuận nói đã đánh rơi vỡ trong lúc đuổi theo, khiến cùng với bóng tối, Thuận đã không thể nhận được ra người đó là Ánh. Nhưng Toàn không chịu hiểu như vậy. Toàn khóc và đuổi hấn đi, Toàn bảo hấn là đồ khốn nạn, quân giết người. Cái chết của Ánh chặt đứt mọi liên lạc từ đó. Thuận đau đớn trở về bên kia đê. Từ đó hấn thay đổi hấn tâm tính. Hấn trở nên con hùm xám khu nhà thờ đổ, dữ tợn, độc ác và thù ghét tất cả mọi người bên này đất Tề, nhất là những người hồi cư. Có một điều lạ, từ ngày xa Toàn, hấn vẫn giữ cái kính vỡ mắt và vẫn đeo luôn luôn trên mặt. Do đó mà thêm vào cái biệt hiệu tôi đặt cho Thuận ngày xưa, Thuận có thêm một biệt hiệu nữa: Thuận chột. Nhưng hấn vẫn không quên và hình như vẫn tìm cách gặp lại Toàn. Khiến Toàn đi lại trong vùng vẫn phải trốn tránh, lẩn lút,

và những lúc về nhà với mẹ, Toàn phải che mặt mà đi, sợ du kích trông thấy báo cho hấn ở bên kia đê. Như đêm nay, du kích đã nhận ra Toàn ở làng thì sáng mai thế nào Toàn cũng phải lánh mặt lên nhà người chị họ trên Công Thần vài ngày. “Nó gặp cháu bây giờ không chừng nó bắn chết”. Bà cụ thở dài bảo tôi.

Bà cụ kể xong, tôi đã hiểu rõ chuyện, hiểu tại sao Thuận lại đeo cái kính vỡ mắt. Nhưng sự thực câu chuyện lại làm nảy ra trong tôi nhiều nghi vấn. Thuận có chủ tâm giết Ánh vì biết là Ánh không? Hay hấn vô tình thực? Nếu bây giờ, gặp Toàn, hấn có thể bắn chết Toàn như lời bà mẹ nói không? Tôi càng nghĩ càng thâm phân vân. “Tôi có thể giết chết cậu mà tôi không giết cậu biết không?” Hấn nói đi nói lại với tôi trên bờ đê câu nói ấy. Một chút lương năng còn sót lại?

Chút kỷ niệm của một tình bạn cũ? Hẳn muốn chúng tỏ với tôi điều đó? Hay hẳn chỉ muốn chúng tỏ hẳn vẫn còn là người, mà chúng tỏ với chính hẳn? Bản năng cục cằn tàn bạo, lòng cuồng tín, thêm vào tâm trạng uất ức, nhục nhã của một tình yêu không được đáp lại còn bị hắt hủi đã đẩy hẳn vào con đường tội ác, biến hẳn thành kẻ khát máu. Nhưng con người hẳn học ấy đã có những phút chùn tay, những phút cô độc sầu thảm một mình trên mặt đê cao. Nguyên nhân nào đã tạo nên cái điểm sáng le lói còn sót lại trong cái tâm hồn đen đặc ấy?

Sự suy nghĩ của tôi bị gián đoạn và không tìm được câu trả lời. Chị Toàn đã trở về. Chị cho biết đã tìm được thuyền đưa chúng tôi đi. Chúng tôi ngỏ lời cảm tạ bà mẹ chị Toàn đoạn, lặng lẽ đi theo chị ra ngõ. Đêm về sáng nhờ nhờ bóng

đất bóng người. Mưa phùn. Chúng tôi ngậm tăm mà đi. Một con thuyền đã chờ sẵn ở chỗ bến đá. Nước đồng dào dạt vỗ mạnh vào những chân tre. Mưa bắt đầu nặng hạt sương trắng phủ nhòa những phiến đá, lan đi kín khắp mặt nước. Một người mặc áo tơi đội nón lá, chống sào giữ im con thuyền cho chúng tôi bước lên. Tôi chào chị Toàn ở lại. Tôi ngỏ lời cảm ơn chị. Tôi nói chúng tôi sẽ chẳng bao giờ quên được lòng tốt của chị, thế nào tôi cũng trở lại vùng này thăm gia đình chị. Chị Toàn trao cho tôi cái nón chị cầm ở tay:

– Anh đội lên đầu cho khỏi ướt.

Chị chỉ nói có thế. Đầu trần dưới mưa, chị yên lặng đứng nhìn chúng tôi đi. Con thuyền lia bên, đi vào màn sương trắng đục. Mưa đổ nhòa nhạt. Lúc tôi nhìn lại chị Toàn, người đàn bà lạ mặt

của vùng giới tuyến vẫn còn đứng đó cho đến khi mất hẳn sau màn mưa.

Nhờ chị Toàn, chuyển đi từ đó không còn nguy hiểm, và đến khi trời sáng rõ, chúng tôi đã đến nhà người chú họ của Đạo bình yên vô sự. Ngay chiều hôm đó, tôi đã về tới Hà Nội.

Hai năm sau, vào một thời kỳ đi lại dễ dàng, nhớ đến chị Toàn, tôi có trở lại vùng Quế Quyền, và tôi tìm đến thăm chị. Nhưng giữa khoảng thời gian này, nhiều lớp chiến dịch đã xảy ra và những làng Tề tiếp giáp vùng giới tuyến này cũng đã nhiều lần đổi chủ. Căn nhà chị Toàn bị bom đạn phá hủy gần hết. Hỏi thăm, người ta nói người mẹ đã mất, chị Toàn cũng đã bỏ làng đi. Đâu chị Toàn lên ở với người chị họ trên Cống Thần ít lâu rồi chị đi theo gia đình này xuống vùng Hải Phòng Kiến An gì đó. Tôi hỏi

thăm về Thuận Trọc. Con hùm xám khu nhà thờ đổ cũng đã mất tích khỏi vùng này ít lâu sau ngày chị Toàn bỏ đi. Đâu hẳn có tìm gặp lại chị Toàn nhiều lần mà không được. Có người nói Thuận còn sống. Có người lại nói Thuận đã bị chết trong một trận phục kích ở chân con đê Quế. Tôi chỉ biết có thế.

Về chị Toàn, tôi mong chị được sung sướng, đời chị cũng sẽ gặp được những người tốt, giúp đỡ chị vô điều kiện như chị đã giúp đỡ chúng tôi. Về Thuận, nếu sự thực hẳn còn sống, ở một cái nhà thờ đổ nào khác, trong một vùng tiếp giáp giới tuyến nào khác, tôi mong hẳn còn giữ được – dù trong hẳn học, trong oán thù – tình yêu tuyệt vọng của hẳn đối với chị Toàn. Cái điểm sáng le lói trong cái tâm hồn tối tăm như một lớp sương mù dày đặc ấy sẽ làm hẳn đau đớn khổ sở

mãi mãi. Nhưng điểm sáng ấy chính là cái phần tối thiểu của con người còn sót lại ở người bạn học đáng thương của tôi ngày xưa. Tôi lại nhớ đến cái kính vỡ mắt của Thuận. Tôi thậm mong hắn còn đeo cái kính vỡ mắt ấy mãi mãi. Nếu không còn yêu Toàn nữa, chắc hắn sẽ mua một cái kính mới. Và cái điểm sáng le lói cuối cùng cũng sẽ tắt mất.

TRONG RAP CHIẾU BÓNG

 iếng vấp ngã của một người mới vào ngoài đầu hàng ghế làm Cần giật mình tỉnh dậy.

Cần lầu nhầu. Giấc ngủ đang ngon. Cần vuốt lại tóc, thu về hai cái cẳng dài ngoằng vắt qua hàng ghế trước mặt, quờ chân tìm dép, đi vào và ngồi thẳng người lên. Trên màn ảnh, vẫn còn là những cảnh tượng triều đình với những sàn đá hoa nhiều màu rộng mông mênh, cái ngai vàng đầu rồng đỏ chói trên nền gấm

phủ rực rỡ. Bây giờ thì bấy vũ nữ đang múa cho vua coi. Ông vua già phe phẩy một cành lá liễu, cười sang cùng hoàng hậu mơ màng ngồi kế bên vua.

Bộ phim bắt đầu và Cần cũng bắt đầu ngủ. Bây giờ chàng thức dậy, bộ phim vẫn chưa hết. Cần không có đồng hồ nên không biết chàng đã thiếp ngủ được bao lâu. Để chừng trên dưới một tiếng gì đó. Quá lắm chỉ được lâu như thế. Nghĩa là bên ngoài, buổi trưa chưa qua, buổi chiều chưa tới. Và nắng Saigon vẫn còn dữ dội.

Ở tiệm ăn trả tiền bước ra Cần mới sực nhớ chàng không có chỗ nào về ngủ. Bà chủ nhà thành linh dờ dạ, chỉ kịp nhảy lên một chiếc taxi, hối hả dực chở tới nhà bảo sanh, quên không để lại chìa khóa, Cần trở về đứng tần ngần trước cánh cửa đóng kín, để thấy mình bị đẩy đến chỗ

đi ăn tiệm, và ăn xong, bị đẩy đến chỗ đi lang thang giữa một trưa nắng lớn, trên những hè đường.

Nhà Thờ Đức Bà. Con đường Tự Do vắng tanh. Đại lộ Lê Lợi với những quầy sách, những cánh cửa sắt đóng kín. Bùng binh chợ Bến Thành với những mặt ghế đá trống, cả đến những chàng thất nghiệp lang thang hàng ngày đến ngồi ở đó mà nhìn đăm đăm xuống những mũi giày vệt gót cũng đã bỏ đi. Cần thấy mình đội nắng băng qua cái bùng binh chói chang ấy bằng một thứ can đảm hiếm có, để tiến xuống con đường Trần Hưng Đạo, Nắng đuổi dần những phiên bóng rợp vào tận cùng những chân tường.

Đi qua một rạp chớp bóng, Cần bỗng ngăn người và dừng bước lại. Chàng vừa chợt nghĩ đến một người bạn đã tạ thế. Nhà văn Đặng Đình Hồng. Cặp mắt hấp

háy sau khung kính trắng, dáng đi siêu đở, cái thân hình gầy guộc và còm cỏi của Đặng Đình Hồng.

Chị lên xứ Lạng, anh về Cảng

Mười nẻo thời gian, vạn nẻo đời

Hai câu thơ này là của Đặng Đình Hồng, Cần vẫn nhớ và thích từ ngày còn học ở trường Cửa Bắc ngoài Hà Nội. Thuở ấy, Đặng Đình Hồng còn trẻ và tươi tắn, Cần hằng gặp Hồng ra vào một nhà xuất bản ở đầu con đường Hàng Da.

Mùa nắng năm ngoái, Cần gặp lại Đặng Đình Hồng, trưa nào cũng gặp lại, ở một tiệm cơm bình dân cuối đường Tôn Thất Đạm. Từ một tòa báo trong khu phố, Hồng trưa trưa đến ăn cơm tháng ở đây. Bữa cơm nào của Hồng cũng có một đĩa dưa chua và một bát canh cá dầm. Ăn

xong, Hồng sắp cặp đi mãi miết tới một rạp chớp bóng yên tĩnh ngoài đường Tự Do, mua một tấm vé hạng bát, tìm một hàng ghế vắng người, xếp cặp dưới gáy làm gối, vắt chân lên thành ghế trước mặt. Và ngủ. Cho đến khi trở lại tòa báo viết bài bình luận buổi chiều.

– Những giấc chớp mắt trong một rạp chiếu bóng vắng người, tối thẫm, có máy điều hòa không khí, với những tiếng người, tiếng nhạc trên màn ảnh như những tiếng ru, ngon không tả được. Buổi trưa không biết về đâu, vào cái khách sạn công cộng và rẻ tiền là một rạp chớp bóng vắng người mà ngủ chứ sao nữa!

Tiếng Đặng Đình Hồng trưa nào vắng vắng trong đầu như thúc dục Cần: “Vào đi, vào đi”. Cần vào. Hai mươi năm đồng. Một mẫu giấy xanh và thế là Cần

đã ngủ được một giấc. Điều làm Cần hơi bức bối là chàng rơi nhằm vào một loại phim xưa nay vẫn ghét cay ghét đắng: một bộ phim lịch sử tô màu. Đã thế lại là một phim Tàu mới chết chứ. Mặc. Để ngủ mà. Để tiêu hết một buổi trưa lòa nả. Như Đặng Đình Hồng vậy.

Tuy vậy, Cần vẫn coi được hết phần thời sự. Bắt đầu vào phim, giấc ngủ xâm chiếm lấy Cần. Bộ phim dở ẹc từ những hình ảnh thứ nhất. Phần đối thoại lấy Kiều, hạ vọng cổ hết như tuồng cải lương. Cần chán nản xoay người, tìm một điệu nằm thích hợp. Rồi chàng thiếp đi.

o O o

Và bây giờ thì cái tiếng vấp ngã nặng nề ở đầu hàng ghế đã làm Cần tỉnh dậy.

Chàng đoán thấy, trong bóng tối mờ mờ, hai bóng người đang lần mò tiến lại phía chàng. Màn ảnh bừng sáng và cần nhìn thấy cái bóng đi trước là một đứa con gái nhỏ. Nó quai tay về sau lưng dắt cái bóng lần theo là một bà lão già.

Tới cách Cần ba ghế, đứa nhỏ dừng lại, tay vẫn nắm bà lão nhưng đôi mắt mở to, đen láy của nó đã bị màn ảnh trên kia hút lấy.

– Ngồi xuống đây bà.

– Tối quá cháu ơi!

– Chuyện, rập chớp bóng phải tối chứ.

– Đau quá cháu ơi! Bà trầy hết cả đùi gối rồi đây này. Bà lão vừa suýt soa vừa lần mò ngồi xuống.

Đứa nhỏ ngược nhìn bà nó nhưng không phát biểu ý kiến gì và ngồi xuống theo. Đường mũi nó thanh thoát, mái tóc cắt ngắn, ánh mắt long lanh. Đứa nhỏ mặc một cái áo hoa ngắn. Cần đoán nó chỉ chừng mười tuổi là cùng và bà lão phía bên kia thì phải đến bảy tám mươi chứ không ít.

Thoạt đầu, màn vũ điệu trên màn ảnh cuốn hút hoàn toàn sự chăm chú của đứa nhỏ. Nó ngồi thẳng cái miệng mở hé, mải mê coi và không để tâm đến bà nó nữa. Nhưng rồi bà lão ho lên và hỏi:

– Nói gì thế cháu ơi!

Lúc đó đứa nhỏ mới như chợt nhớ ra còn có bà nó ngồi bên cạnh. Nó liền ngồi lúi vào lưng ghế, nghiêng đầu thật sát lại gần bà lão, trong một dáng điệu

chuẩn bị sẵn sàng.

Màn bạc vừa đổi cảnh. Màn vũ điệu đã hết. Bầy vũ nữ uyển chuyển chạy khuất vào sau những hàng cột sơn son thiếp vàng cao vút. Và bây giờ thì kinh thành đã thất thủ, lầu vàng bệ ngọc bùng cháy, nhà vua một đêm tóc bạc trắng vì lo âu đang than thở với ái khanh của mình trong vườn ngự uyển.

Đứa nhỏ hăng dặng. Nó đọc cho bà nó nghe dòng phụ đề thứ nhất:

– Xin quân vương an nghỉ kéo hao tổn mình vàng!

– Hoàng hậu nói đấy hả cháu? Hoàng hậu gì mà trẻ thế? Bà lão hỏi.

– Không phải Hoàng...

Dòng phụ đề thứ hai đã hiện ra. Đứa

nhỏ không kịp cắt nghĩa cho bà nó rằng người đàn bà đẹp lộng lẫy trên kia chỉ là một ái phi của nhà vua, bởi nó đã phải vội vã đọc tiếp:

– Trẫm đã già, ái khanh còn trẻ, trẫm thương ái khanh vô cùng.

Nhà vua vuốt râu, ngậm ngùi thở dài. Dưới này đứa nhỏ đã lấy lại được hơi sau một câu nói hơi dài. Nó đọc tiếp bằng một giọng thật trong trẻo, lời người ái phi:

– Thiếp xin một lòng một dạ với quân vương.

– Trẫm biết lắm.

– Thiếp thể nguyện xin cùng sống chết với quân vương.

– Hoàng thành đã thất thủ, đường

vào Tây Thục núi non hiểm trở, ta thương ái...

Cần mỉm cười khi thấy đứa nhỏ chưa đọc hết được câu nói, hàng chữ đã tắt đi, khiến nó ngập ngừng một giây rồi vội vã đọc tiếp xuống câu phụ đề khác vừa hiện:

– Ái khanh à?

– Muôn tâu...

– Trẫm muốn tỏ cùng ái khanh một điều, vạn nhật song hà xã tắc...

Cần lại mỉm cười nữa vì đứa nhỏ hơi cuống nên đã đọc sai chữ “vạn nhất” thành “vạn nhật” và “sơn hà” thành “song hà”.

Ý chừng đứa nhỏ cũng biết thế. Cần thấy nó liếc nhanh sang phía bà lão như

chờ bà nó phản ứng về sự đọc lầm ấy ra sao. Nhưng bà lão thì không nhận thấy sự sai lầm này, vẫn chỉ nghiêng đầu chăm chú như uống lấy từng lời giải thích ở miệng đứa nhỏ. Đứa nhỏ thì chúm chím một nụ cười tinh quái vì bà nó chẳng phản ứng gì, rồi nó lại đọc tiếp lời đối thoại của một chuyện cảnh mới:

– Phải giết chết gian thần.

– Phải giết. Phải giết.

– Chó của gian thần ăn cơm với thịt. Chúng ta vào sinh ra tử đói không được ăn, khát không được uống.

– Giết! Giết!

– Bớ ba quân nghe ta đây!

Cần chợt thấy một mừng vui thầm nổi lên trong lòng khi thấy đứa nhỏ

không đọc sai nữa, và đọc kịp đọc hết, rất rành rọt, mẫu đối thoại rồn rập.

Rồi đứa nhỏ bỗng nín thinh không đọc nữa. Con mắt nó long lanh, miệng nó mở hé, bất động. Nó trở lại điệu ngồi thẳng băng lúc đầu, cả khuôn mặt thơ ngây trông nghiêng như bị màn ảnh trên kia thôi miên và huyền hoặc. Cần nhìn lên theo. Thì ra đứa nhỏ đã đến trước một màn thật gay cấn. Một cảnh cây ủ rũ trong một chiều tím thẫm ghê rợn. Sương biếc nhòa nhòa lan đi như khói trên bãi cỏ hoang. Một hoàng thành đổ nát ở xa xa. Người ái phi của nhà vua thất trận bị đẩy đến bức tử, đang ngửa mặt tiến dần đến một giải lụa trắng bay nghiêng trên một đầu cành.

Cần ngó nhanh đứa nhỏ. Nét mặt nó bây giờ căng thẳng, biểu lộ một trạng thái hồi hộp đến cực điểm. Vuông lụa

oan khiến thình lình bay vút lên chùm kín lấy một khuôn mặt đầm đìa nước mắt. Cận ảnh làm cho màn bạc vụt nhòa đi.

Cảnh tượng đó làm cho đứa nhỏ kinh sợ đến thất thần. Nó nắm chặt tay vào thành ghế, miệng mở lớn như muốn kêu lên.

– Nói gì thế cháu?

Ý chừng bà lão đợi hơi lâu không thấy đứa nhỏ đọc tiếp nên cất tiếng hỏi.

Tiếng bà lão làm cho đứa nhỏ hoàn hồn. Cảnh thất cổ cũng đã được chuyển sang một cảnh khác, bình thường hơn. Nó lại ngồi sát vào bà, nghiêng mái đầu vào sát mái tóc bạc của bà, và đọc:

– Trời ơi! Ái khanh của ta đâu?

- Muôn tâu thánh thượng!
- Trời ơi! Các người đã, các người đã dám...
- Việc nước...

– Ta không cần việc nước. Ta chỉ cần hỏi các người đã làm gì ái khanh của ta.

Đứa nhỏ ngừng đọc, quay sang bà lão, lay nhẹ lên tay bà nó, giọng đầy trắc ẩn:

– Vua chỉ còn một mình. Bà ấy chết rồi bà ạ!

– Thương quá há cháu. Bà ấy chết thật rồi sao?

– Chết thật. Vương lựa để thắt cổ bà ấy đó mà bà.

Qua câu nói của đứa nhỏ, – Cần mỉm cười khi thấy nó vừa tự động làm thêm

một thứ phụ đề riêng – Cần bỗng ngạc nhiên thấy chính chàng cũng xúc động, và cũng cảm thương người ái phi đã mất. Người ái phi đó đã chết thật. Đúng như lời đứa nhỏ vừa giải thích với bà nó.

Tự phút này, một vài câu phụ đề còn lác đác hiện ra. Nhưng đứa nhỏ nín thinh không đọc nữa.

Hai bà cháu nép vào nhau chăm chú xem nốt đoạn kết của bộ phim thương cảm.

Bỗng Cần thấy ánh mắt buồn rầu của đứa nhỏ chột sáng lên. Trên màn ảnh người ái phi đã bị bức tử và ông vua đa tình đã gặp nhau ở bên kia thế giới. Cảnh thiên đường. Trời lộng lẫy bảy sắc cầu vồng. Một lối đi bát ngát và chan hòa ánh sáng trong một khu vườn đầy hoa nở.

– Trầm sẽ không bao giờ xa ái khanh.

– Thiếp xin trọn đời nương bóng quân vương. Tiếng đứa nhỏ bây giờ như một lời reo vui thú bất ngờ. Khuôn mặt nó lúc đó trông thật kháu khỉnh và đáng yêu. Bà lão hỏi đứa nhỏ bằng một giọng ngạc nhiên:

– Thế ra bà ấy chưa chết ư cháu?

– Bà ấy không chết, bà ấy còn sống bà à!

– Thế sao vừa rồi cháu lại bảo bà là bà ấy chết rồi?

Bà lão hỏi vặn khiến đứa nhỏ lúng túng mất một giây. Cần lẳng tại xem nó giải thích sự hồi sinh trên thiên đường của nàng cung phi xấu số dưới trần ra sao. Cần kêu khẽ một tiếng ngạc nhiên

bất ngờ khi đứa nhỏ chớp mắt, mím môi lại rồi đồng dạc nói:

– Chết rồi. Nhưng bà ấy thương ông vua nên bà ấy sống lại mà.

Thương ông vua nên sống lại. Cần tròn mắt vui thú nhìn đứa nhỏ. Phút đó, chàng nhìn thấy thật gần, thật rõ, thế nào là sự thơ ngây thần thánh của tuổi thơ.

Đèn bật sáng. Và Cần bỗng thấy bộ phim hay và ngắn quá. Đứa nhỏ tụt xuống ghế, đi ngang qua mặt bà nó, nghiêng cái thân hình nhỏ nhắn dắt tay bà lão trở ra. Cần đứng dậy, lững thững theo sau.

Ngoài đường, trời đã nhạt nắng. Cần nhìn theo cái bóng đứa nhỏ dắt tay bà lão già xa dần trên hè phố bên kia. Cần mỉm cười lắc đầu. Trước mặt chàng tấm biển quảng cáo lớn vẽ hình một ông vua

già đặt tay trên đầu một bà ái phi trẻ đẹp. Cần bước ra khỏi cửa rạp và nghĩ: “Chùng nào có chiếu một phim Tàu nữa, mình phải đi xem ngay mới được”.

Rồi Cần lại nghĩ là buổi trưa hôm nay chàng đã bị đánh thức dậy khỏi một giấc ngủ đang ngon, nhưng bù lại, chàng đã được coi một bộ phim Tàu với những lời phụ đề chưa bao giờ lại hay đến thế.

BÊN KIA CỒN CÁT

Đến dưới chân ngọn tháp bằng đá tảng sần sùi ngoằn ngoèo những đường gân trắng, từ đó vươn lên ngọn tháp cao ngất, nơi chiều chiều phải xuống những hồi chuông ngân nga không dứt trong khoảng không gian thành kính của cái xóm đạo hẻo lánh, những hồi chuông trầm trầm linh hồn nàng từ thuở nhỏ như cái tháp chuông kia là một ấn tượng siêu hình từ thuở nhỏ in hằn dấu vết lên thân thể, mặt mũi lên cuộc

đời Thắm sạch và trong như một ngọn suối, mát và phẳng như bãi cát buổi sớm chạy dài mênh mông dưới loang loáng mặt trời, Thắm đứng lại.

Từ căn nhà tiêu tụy phía bên kia khu nại muối bỏ hoang, khu chòi canh cô độc, đám tây đồn mắt xanh mũi lõ đã bỏ đi từ tiêu thổ kháng chiến, rồi toán dân quân kéo tới phá hủy các nại muối, những ruộng phơi và lọc nước mặn cũng bị phá hủy theo. Từ bên kia vùng đất đai hoang tàn bây giờ phó mặc cho lau sậy và cỏ dại chiếm đoạt ấy, Thắm đã quỳ gối trước bàn thờ Đức Mẹ. Thắm đã cầm đầu bước nhanh ra khỏi ngõ. Thắm đã mài miết đi trên con đường cát, lối đi độc nhất dẫn xuống bãi thấp và Thắm đã bàng hoàng đứng lại dưới chân ngọn tháp này.

Chiều nay ngọn tháp là hình ảnh

của lương tâm Thắm. Nó đột ngột cản đường Thắm như một trái núi. Và bên kia là vùng tội lỗi khởi đầu.

Thắm ngoan đạo, Thắm kính yêu Chúa vô cùng, Thắm không vắng mặt một buổi chiều nào, đêm đêm Thắm gửi tất cả sức mạnh của niềm tin tuyệt đối vào những bản kinh cầu khi căn nhà, cha mẹ Thắm và Thắm chỉ còn là những hình thù tối đen bất động trong tiếng kinh trầm trầm trước ánh nến lung linh lay tạt, cha sứ bảo thế là Thắm được Chúa thương, mai sau Chúa sẽ cho Thắm về dưới chân Người, Thắm không bao giờ quên được những điều đó, chiều nay cũng thế, phút này cũng vậy, nên Thắm đã đứng lại.

Nhưng Thắm đứng lại mà Thắm không thể trở lại được. Vùng tội lỗi mở ra trước mắt Thắm. Đó là một thế giới xa lạ không có tiếng chuông hiền từ,

tiếng kinh che chở, không có nơi nào cho Thắm trú ẩn, nhưng nó hút lấy giác quan Thắm như một phiến nam châm, nó đốt lửa trong Thắm, lòng Thắm chỉ còn là một khối lửa bốn chôn, Thắm biết Thắm không thể cưỡng chống được sức du đẩy bàng hoàng, Thắm sẽ ngã, sẽ ngã vào vùng tội lỗi. Thắm sợ và Thắm muốn khóc. Thắm buồn và Thắm muốn chết. Xin Chúa tha tội cho con! Thắm hoảng kinh và Thắm không muốn là mình. Nhưng đồng thời, một niềm hân hoan kỳ lạ, chưa từng cảm thấy bao giờ làm Thắm muốn hét lên. Nó như đóa mặt trời rực rỡ dâng lên từ chân trời dưới ấy, bên kia những cồn cát, nó như đợt thủy triều ào ạt phóng tới bờ bãi dưới ấy, bên kia những cồn cát, nó là sự đợi chờ mà Thắm đợi chờ, mơ tưởng đêm đêm và đang ở trên đường đến tới, bên kia những cồn cát.

Buổi chiều miền bể đã xuống. Từ bên kia những cồn cát vọng tới tiếng sóng lớn. Giờ này mặt trời đã lặn cho sao sớm mọc và thủy triều dâng. Giờ này bãi đã ngập, trời đã tím, đêm đã ném từng tảng bóng tối xuống khu rừng thông, khu rừng thông đã lả tả, rào rào. Giờ này đã là giờ của những bè mảng vật vờ trên bãi đầy, của những dấu dãi tràng bị xóa kín, của những ý tưởng nồng cháy lên hình, của tội lỗi, thứ tội lỗi thần tiên nó chiếm đoạt, nó tràn ngập, nó thâm lắng vào da thịt Thẩm, vào tâm hồn Thẩm, đánh thức tất cả dậy thành một trận lốc xoáy hút diên cuồng. Giờ này! Bỗng tiếng chuông vang động cất lên, ngay trên đỉnh đầu làm Thẩm rùng mình. Sự rùng mình đó là động lực đẩy Thẩm thảng thốt bước tới. Phóng mình khỏi nơi ẩn trú cuối cùng là chân tháp, Thẩm chạy lao qua khoảng sân trống. Cuối đáy khoảng sân là con

dốc thoai thoải đổ xuống bãi qua những ruộng lau. Vượt hết khoảng sân là xong. Là đã coi như ở ngoài bãi. Nhưng Thẩm không vượt hết được.

– Thẩm!

Tiếng nói dịu dàng nhân từ mà như một sợi giây vô hình phóng vào cô Thẩm, thắt lại rồi giật mạnh về nó. Chân Thẩm như chôn chặt xuống nền gạch. Thẩm đã biết ai gọi. Và Thẩm sợ sệt quay lại.

Cha sứ đứng đó, tự bao giờ, trên thềm cao, dưới vòm cửa nhà thờ. Hai tay khoanh trước ngực, người đứng đó, hướng về phía biển cả, hướng về vùng tội lỗi của Thẩm như đang nhìn thấy nó, đang nhìn thấy Thẩm lao chạy tới nó. Gió biển trùng trùng thổi mạnh, dãn chiếc áo chùng thâm dài rộng lên thân hình Cha, làm nổi bật sự gầy guộc như

một niềm khổ hạnh cô độc.

Thắm nem nép tiến đến trước mặt Cha sứ, quỳ một đầu gối xuống chân thêm.

– Con xin phép lạy Cha.

Mặt Thắm đỏ bừng, tay chân Thắm toát mồ hôi lạnh, da thịt Thắm sượng sần tê điếng. Thắm chỉ muốn chạy trốn. Nhưng tại Thắm vẫn nghe thấy tiếng sóng rì rào, tiếng sóng ở dưới ấy, bên kia những cồn cát, như một lần réo gọi giục giã, bên kia những cồn cát.

– Con đi đâu mà chạy hồi hả như vậy ? Cha xú nhìn xuống Thắm, người đọc rõ tâm hồn Thắm phút ấy muốn che dấu kín bưng mà phôi mở trần truồng và cha hỏi:

– Thừa Cha, con xuống bãi.

– Con đón chài về ư? Nhà cũng có người đi biển sao?

– Máy hôm nay động biển, gió cả và sóng lớn lắm a!

Gió ào ạt và sóng xa âm âm đổ hồi như đáp lại lời Thắm nói. Giọng Cha thấp xuống, gần lại, hiền từ vô cùng:

– Thế con xuống bãi làm gì?

Cha ngược mắt nhìn lên trời. Người nói:

– Trời tối rồi và sao sắp mọc.

Qua vai Cha, phía cuối đáy sâu thẳm hun hút mở ra từ vòm cửa trang nghiêm, Thắm nhìn thấy những ánh nến cháy, những ánh nến như đáp lại lời Cha là trời tối rồi và sao sắp mọc. Tim Thắm hẫng đi trong một vực thẳm bồi hồi. Chứa

oi! Trời tối rồi và sao sắp mọc. Giờ phút thần tiên, giờ phút tội lỗi đã gần, nó sắp đi qua, nó sắp chấm dứt, và Thắm muốn chạy trốn, chạy trốn về bên kia những cồn cát.

Nhưng Cha vẫn đứng đó. Người khoanh tay trong dáng điệu cũ, người nhìn xuống Thắm. Giọng người chậm và dịu dàng hơn nữa. Người hỏi lại Thắm:

– Con xuống bãi làm gì?

Cha đã biết Thắm xuống bãi làm gì. Sau năm năm từ một giáo khu miền rừng về trọng nhậm ở cái xóm đạo hẻo lánh cuối đáy chân sóng này, Cha đã biết mọi người làm gì. Giờ nào đám con chiên hiền lành của cha ra đồng cát làm muối, họ giải cát, tưới nước mặn lên cát nóng và đổ nước mặn lên nê. Giờ nào họ cạo muối, chở muối về đồn, trước kia hồi còn

đám tây đoan mắt xanh mũ đỏ và bây giờ, khi nào họ xuống bãi ra khơi, chừng nào họ từ khơi về bãi, ngày nào biển im họ kéo mảng lên đường, ngày nào biển động họ ở nhà vá lưới hay chăm sóc mấy luống ngô khoai cần cỗi trên những thửa vườn nước mặn.

Rồi là cuộc đổi đời. Cuộc đổi đời khủng khiếp. Rồi là địa ngục hiện hình và bảy quỷ kéo tới. Tội ác, trên cái xóm đạo của cha, mọc nhiều hơn ngô khoai, tiếng chuông bình yên không át nổi sự im lặng hãi hùng, tiếng kinh cầu mát trong tiếng thét tiếng rú, những hàng nến cháy không còn soi tỏ đời sống đêm đen và linh hồn vực thẳm.

Đám giáo dân không mất niềm tin nhưng họ sợ và họ đến nhà thờ mà phải nhìn sau ngó trước. Rồi những sự việc ghê rợn xảy ra. Kẻ bị chặt cụt đầu thi thể

máu me đầm đìa vất ngay chân tháp. Kẻ bị chặt tay cưa chân rồi bị kéo xuống bãi, khiêng lên mảng, buộc đá vào đem liệng ngoài khơi, tiếng thét thất thanh còn vang đến cửa nhà thờ.

Một đêm giông bão, một chiếc thuyền Trà Cổ lạc hướng mắc cạn ở đầu cồn phía dưới rừng thông, bảy con gái Trung Hoa bị đưa lên rừng tối. Để thủ tiêu những nhân chứng có thể tố cáo tội ác của chúng vì đã giết người cướp hết thuyền hàng, chúng thủ tiêu hết đám đàn bà vô tội. Bọn con gái Trung Hoa tuy không hiểu tiếng nhưng linh cảm thấy mình sắp chết, quỳ hết xuống bãi khóc lóc van xin, tiếng Tàu nghe lạ tai như tiếng ma quỷ thảm thiết trong tiếng sóng đổ hồi. Không một kẻ nào sống sót. Thi thể bọn người xấu số ấy chúng vùi ngay trong rừng thông, phía bên kia cồn

cát. Rừng thông từ đó là một nghĩa địa lớn. Và xóm đạo từ đó là vùng hoạt động công khai của tội ác.

– Sao con không trả lời cha?

– Thưa cha... Thấm run sợ vì Thấm không dám nói dối.

Cha cắt lời khuyên Thấm:

– Con không nên xuống bãi. Quỷ dữ sẽ bắt linh hồn con nếu con xuống bãi.

Thấm sợ địa ngục, Thấm sợ quỷ dữ, Thấm sợ Thấm mất linh hồn nhưng Thấm vẫn nghe thấy tiếng sóng réo gọi nồng nàn, phía bên kia những cồn cát.

Đêm đã xuống. Trời đầy sao trên đầu.

Không nghĩ ngợi, Thấm quỳ đầu gối xuống thêm gạch:

– Con xin phép lấy cha.

Cha xú thở dài nhìn Thắm quay đầu bỏ chạy. Đoạn người khoát tay áo bước vào nhà thờ. Thêm một con chiên ngoan đạo nữa vừa lạc bầy mà người không giữ được. Xin Chúa phù hộ cho nó, trên con đường tội lỗi của nó.

Gã ngồi tựa lưng vào một gốc thông, hai chân duỗi dài trên mặt cát. Gã nhìn ra biển rộng đang nhòa dần vào bóng tối, gã nghĩ ngày mai gã sẽ bỏ nơi này mà đi và đây là lần hò hẹn cuối cùng. Thắm cũng đang nghĩ như thế. Đây là lần hò hẹn cuối cùng và sáng mai chàng sẽ không còn có mặt ở cái xóm đạo này, Thắm sẽ chẳng bao giờ được gặp chàng, Thắm sẽ chẳng bao giờ đến rừng thông này làm gì nữa.

Nằm gối lên đùi người yêu, Thắm

nghe thấy cát ấm của mình dưới lưng, mặt cát trên này như mang chở sự chuyển động ngân dài của những con sóng dưới kia, trong khi, bên trên những đỉnh thông, sao sáng đã nhiều vô kể. Đêm thăm thẳm, bát ngát. Trong một phút sự im lặng thật lớn giữa vùng biển động rồi gã lên tiếng:

– Thắm à!

Thắm tựa mình và ngược mắt. Thắm không muốn nghĩ gì, làm gì. Thắm muốn nằm trên đùi chàng như thế này suốt đêm, cho đến khi rừng sao tan hết, thủy triều rút hết, rồi chàng đứng dậy đi khuất vào rừng thông và Thắm trở về một mình trên bãi cát lúc đó loang loáng như một tấm gương, không có dấu vết nào ngoài những dấu chân của Thắm.

Gã cúi xuống gọi lại:

– Thắm à!

Lần này Thắm ngồi lên, gã kéo Thắm lại gần, đặt đầu Thắm tựa vào gốc cây, vòng tay đỡ lấy gáy Thắm.

– Có ai biết em ra đây với anh không?

Thắm kể lại Thắm gặp Cha xứ trước cửa nhà thờ nhưng nín thinh không nói Cha xứ khuyên Thắm nên trở lại. Thốt nhiên Thắm nhớ đến cái nhìn trang nghiêm mà hiền từ của Cha, bóng người uy nghi dưới vòm cửa tối, những ánh nến lay tạt ở cuối dãy nhà thờ, Thắm rung mình.

– Em lạnh phải không?

Gã nói và ôm chặt Thắm hơn. Vai gã ướt đầm. Thắm khóc lặng lẽ. Rồi toàn thân Thắm rung lên. Thắm khóc thành tiếng, Thắm khóc nức nở. Cả một cuộc

đời buồn đau như mở ra trước mắt Thắm. Chàng ở đây mà như chàng đã đi rồi. Ngày mai Thắm sẽ chẳng còn gì và tiếng sóng thì cứ đổ hồi và tiếng chuông thì cứ ngân nga, và rừng thông thì cứ than vãn mãi mãi. Thắm nghĩ biển lớn thế kia, sao nhiều muôn vạn ngôi to nhỏ thế kia, Thắm biết đợi chờ chàng trở lại từ phương trời nào, và Thắm sẽ tàn tạ dần dần trong sự đợi chờ vô vọng.

Bây giờ Thắm khóc, thủy triều đã dâng kín bãi. Tiếng sóng như đùa dạt ngay đầu ngón chân, ngay kế đó, và khu rừng bị âm thanh dồn dập vây kín như một hòn đảo. Xóm đạo mất hẳn, ở phía bên kia những cồn cát.

– Sao anh không ở lại cuối tháng hãy đi.

Tuần trăng hết đã lâu, gần cuối tháng

rồi nhưng Thẩm chỉ dám xin chàng như thế, chàng ở lại một vài ngày nữa.

– Anh chỉ ở lại thêm một ngày nữa cũng có thể bị chặt cụt đầu hoặc ném xuống biển, em biết không?

Gã ôm Thẩm vào lòng. Lần thứ nhất trong đời, gã thấy cái vùng biển hẻo lánh này, cái xóm đạo hoang vu này, những gốc thông này hiện hình như một ràng buộc mạnh mẽ mới lạ, khiến gã nảy ra cái ý tưởng ở lại. Nhưng còn những tử thi vùi lấp dưới những cồn cát, dưới những gốc thông này? Nhưng còn cái xác nằm bên dưới đáy biển trước mặt kia, tiếng thét thất thanh còn như vọng vào bờ cùng tiếng sóng? Gã cũng ở trong bọn chúng đó. Gã phản đối những vụ thủ tiêu dã man, những cuộc hạ sát rừng rợn. Nhưng mặc nhiên gã đã là đồng lõa với chúng. Và bây giờ, một nhân chứng

nguy hiểm cần phải thủ tiêu để tội ác không còn bị ai tiết lộ. Ở đây, gã đã ký bản án tử hình đời gã rồi. Phải bỏ đi nơi khác, không ai biết, bỏ đi ngay sau đêm nay.

Gã nghĩ cuộc đời sẽ đơn giản và dễ dàng biết là ngần nào nếu gã được sáng sáng đi dạo trên bãi cát mênh mông mặt trời vừa mọc, chiều chiều được ngồi dưới gốc thông này với người yêu, nhìn sao mọc trên mặt biển sáng ngời lân tinh, dắt người yêu lên ngồi trên đồi cát đối diện với đại dương, quay lưng vào xóm đạo. Nhưng cuộc đời, cuộc đời khủng khiếp đã đến, sự sống và hạnh phúc rút đi thật mau thật xa như thủy triều, gã không đuổi kịp được nó, hạnh phúc đã ở bên kia những cồn cát bình yên của đời sống, tản mạn và mất hút trong vùng biển động.

Bây giờ thì bóng tối đã phủ xuống như một tấm lưới dày đặc trên cái xóm đạo bản bật ngủ thiếp. Chàng đi rồi, chàng đỡ Thắm ngồi dậy, chàng nói:

– Thôi em ở lại.

Rồi Thắm nghe thấy tiếng chân chàng di động trên mặt cát ẩm, Thắm hoảng hốt nhìn theo, nhưng bóng chàng đã mất đi về phía đầu ghềnh cuối rừng thông. Ngọn thủy triều của đời Thắm đã rút thật xa, rút về tận bên kia một mỏm đất hồng hoang nào, và Thắm bàng hoàng ngồi đó, thân thể hững hờ như sự sống cũng vừa thoát khỏi. Biển tối thoát là một địa ngục khủng khiếp ào ạt đổ tới, trong vùng vang động trời long đất lở lại như có sự nín thinh hãi hùng.

Người Thắm rùng rợn đến tận cùng cảm giác. Biển dâng lên, dâng lên. Tiếng

biển cười gằn ngạo nghễ, và Thắm thất thần đứng vùng dậy, cầm đầu bỏ chạy. Sau lưng, muôn nghìn thân cây trùng điệp của rừng thông như đuổi theo Thắm, cùng với biển đuổi. Thắm ngã chúi đầu trên cồn cát, Thắm chỗi dậy, rồi Thắm lại chạy, như điên như cuồng. Qua hết vùng đồi cát rồi, tiếng biển dịu hắng đi, đất liền chắc nịch dưới chân, rồi là mùi nồng mặn của lau sậy rửa nát phả lên từ những đầm nước mặn, rồi là khoảng sân gạch của nhà thờ.

Thắm thở ra, Thắm ngừng chạy và đi chậm lại. Những hàng nến lung linh ở cuối đáy một vòm cửa sâu thẳm không nhìn thấy nữa, cái tháp chuông in hằn lên nền trời, tiếng chó sủa râm ran ở phía bên kia những nại muối bỏ hoang. Cửa nhà thờ đã đóng kín. Và trên thêm cao, không còn bóng cha xứ.

Thắm bước lết trên mấy bậc thêm đến tỳ đầu vào cánh cửa lớn. Phút này Thắm ước ao có cha đứng đó là ngần nào, cái nhìn nghiêm khắc mà hiền từ của cha sẽ soi thấu linh hồn Thắm như một điểm lửa le lói đầu đằng kia vùng tội lỗi tối đen, điểm lửa le lói là nơi Thắm sẽ dò dẫm bước tới, vừa bước vừa khóc lóc, vừa bước vừa cầu nguyện. Phút này Thắm sẽ sung sướng xiết bao, nếu cánh cửa này từ từ mở rộng, những hàng nến lần lượt thắp lên ở cuối dãy kia cho Thắm được tiến vào, được tới nơi và được quỳ xuống. Nhưng nến đã tắt, cửa đã đóng, chuông đã ngừng. Và Thắm lại bị đuổi ngược trở lại vùng tội lỗi, ở bên kia cồn cát. Chỗ Thắm nằm với chàng chắc bây giờ đã là sự xô dạt của biển xa tràn ngập. Sóng lớn chắc bây giờ đang vỗ đập hung dữ vào cái gốc thông nơi Thắm đặt đầu trên vai chàng cho tới phút Thắm ngã xuống trong sự

đón nhận liễu lĩnh, toàn thân Thắm chợt dềnh lên như một cái mảnh đứt giây, và tiếng kêu náo nùng của Thắm bị biển lớn trùm quanh như một cái miệng khổng lồ nuốt chửng.

Ngày mai, ngày kia, ngày, kia nữa, mãi mãi, trong cái xóm đạo hẻo lánh này, Thắm sẽ trở lại với cuộc đời cũ. Những ngày đẹp trời và có nắng, mặt biển bình yên, khơi xa xanh biếc. Thắm sẽ lại theo cha mẹ xuống bãi đón mành về. Ngày mưa gió, trời xấu biển động, sóng dâng bạc đầu, Thắm sẽ lại ngồi ở một đầu thêm vá lưới, hoặc cặm cùi bới ngô khoai trên mấy luống vườn cần cỗi. Mãi mãi tiếng chuông sẽ rớt xuống, tưới dẫm linh hồn Thắm thiết tha tin tưởng. Mãi mãi bóng tháp cao ngất sẽ bao trùm lên đầu tóc, mặt mũi tay chân, và thân thể Thắm. Chiều xuống lại thấy Thắm có

mặt ở mỗi buổi chiều. Trong căn nhà chỉ còn là những hình bóng tối đen Thắm lại sẽ gửi hết tâm hồn vào bản kinh cầu nguyện. Không bao giờ Thắm bỏ được xóm đạo này, như chàng. Không bao giờ Thắm đi khỏi được cánh rừng thông này, như chàng.

Nhưng mãi mãi Thắm chỉ còn là một cái bóng rọi suốt, như một đợt khói. Linh hồn Thắm đã để lại ở vùng tội lỗi, bên kia những cồn cát, để lại ở đó. Tội lỗi đã dậy cho Thắm nghe thấy tiếng sóng, ngửi thấy mùi muối nồng mặn, làm cho Thắm biết có tiếng động và sự im lặng, thế nào là những cảm giác bàng hoàng đau đớn, thế nào là sự điên cuồng chốc lát và niềm hối hận đời đời.

Thắm nghĩ sáng mai khi mặt trời vừa mọc Thắm sẽ trở lại khu rừng thông, bên kia những cồn cát. Thắm sẽ tựa đầu lên

gốc thông nhìn ra khơi xa loang loáng dưới nắng, nghe biển mênh mông trong người. Và Thắm sẽ ngồi bất động như thế, trong cái thế giới tội lỗi thần tiên của Thắm, bên kia những cồn cát.

BUỔI SÁNG VÀ NGỌN SUỐI

Nỗi đau đớn ghê ghớm nhất đến với Phiên từ khi cái khoảng trống đó dần ra và tâm hồn chàng không còn đo lường được một chiều sâu nào, một xúc động nào. Nó ngủ. Nó chết. Nó cứng lạnh như một tảng kim khí. Nó đặc lại như một khối băng. Tâm hồn Phiên, cái bức tường kín đặc ấy, không còn ánh lên một khe hở cho được biết ở bên kia lọt vào – dù chỉ là một lượng nhỏ bé li ti như một sự ngờ vực, một ảo tưởng, một

sợi tóc – cái khối sống mà ý thức Phiến không bao giờ ngừng khẳng định là một sự kiện rục rờ. Diễn tả ý tưởng một cách khác, chỉ tại lòng chàng nghĩa địa chứ cuộc sống thì bản thể nó là mặt trời mãi mãi và vĩnh viễn bông hoa.

Cái khoảng trống đó dàn ra, cũng chẳng hề xuất lên từ một trạng thái siêu hình nào, chẳng hề là một biểu hiện phức tạp rối rắm đến từ chỗ không thể phân tích, không thể minh chứng của tiềm thức. Con người Phiến mặc dầu những vùng cựa, những đêm không ngủ, những thao thức chìm đắm trong suy tưởng, vẫn là một thứ tâm hồn giản đơn khởi ngay từ chỗ giản đơn khẳng định cuộc đời là một trạng thái thường xuyên rục rờ. Nhưng cái hội vui ấy, Phiến có cảm giác tủi hổ như không dự phần được nữa.

Chàng đứng lại, Chàng thờ ơ. Chàng

ở ngoài. Chàng ở đâu đó. Chàng, cái con người mà lẽ phải là sự tham dự, sự gia nhập vô điều kiện, chàng đứng chênh vênh một đường viên và cái cảm tưởng cô độc trên đường viên này cũng đã cắt nghĩa rằng Phiến đã đặt ranh giới rồi đó, giữa cuộc sống toàn thể với bản thân. Nhập hai cái – chàng và cuộc sống làm một – thành một hòa đồng, như cái tâm trạng yên ổn xưa kia, làm gì có con đường viên đen thẫm nào nữa, nó vô lý, nó nguy kịch, vì Phiến vạch nó trên cái vô giới hạn và đóng khung cái vô giới hạn bằng một nét hữu hình hữu hạn.

Nhưng Phiến không tự lừa dối được. Đúng có một cái gì đã buông lìa, đã rời bỏ, đã lả tả rụng xuống. Hạt muối không tan được vào lòng biển. Giọt nước không thấm được vào thớ đất. Mạch máu không đập theo nhịp đập vĩ đại, nó đập

một mình. Nhịp trái tim đi cũng là cái nhịp đong đưa cơ khí của chiếc quả lắc đồng hồ, nó chỉ chỉ định được giờ, phút, giây, nó không chỉ định được mưa, nắng, sương mù, mây, nó không đo lường được lửa hơi, hương sắc đời sống. Trong cái tâm trạng cứng lạnh của cảm xúc đó, ý thức ngồi sáng như một thứ lương tâm trong suốt, kêu cứu, gào thét, báo nguy, lay gọi Phiến, nhưng mà ý thức là ngọn lửa nhỏ giữa khoảng đen sâu vô cùng.

Nhiều đêm Phiến bàng hoàng thức dậy. Mồ hôi chàng vã ra như tắm. Chàng cô đơn như kẻ cuối cùng sống sót trên trái đất. Chàng mở lớn đôi mắt tuyệt vọng đến tội nghiệp, chàng nhìn chàng trong cái thế giới không động nó làm thức tỉnh cùng một lúc tất cả nỗi xao động bên trong và chàng tự nói: “Ta không nhận được gì ở cuộc sống nữa”. Và chàng đo

lượng để mà hoảng kinh lên rằng cái lượng sống mỗi ngày một vơi cạn mãi đi. Tâm hồn chàng, chàng đã nhìn thấy cái đáy cạn khô, và chàng lo sợ. Phiến tự hỏi: “Tại sao? Bởi đâu?” Và thần trí chàng sau những câu hỏi đó thật hoang mang cùng cực.

Cuộc sống – phải nói là tất cả, một cách trừu tượng – vì thế nào là cuộc sống chàng cũng không rõ nữa, chàng ở mù sương chỉ đến với chàng bằng những hình thể tĩnh vật, đứng im hay chuyển động, ở xa hay ở gần, giữa chúng và chàng vẫn không thấy cháy lên ánh lửa cọ sát của một sự bắt gặp nào. Khoảng cách biệt mở rộng. Rồi mọi sự vật mất chiều sâu cứ như thu nhỏ mãi lại, lùi đi xa hơn. Rồi sự vật biến thành những tảng đá cứng mà những ngón tay tuyệt vọng bám víu, cào cấu đến tóe máu cũng

không rạch được một đường nứt, một khe hở để biết cái gì chứa đựng ở dưới ở trong. Sự vận dụng trí não điên cuồng nhiều khi có như làm một hành động cầm búa lớn đánh những cái thật mạnh cho long lở những đường gân, cho xáo trộn những phiền óc, đánh một lượt cả vào cái hệ thống thần kinh tê liệt.

Nhưng chính ở trung tâm nhà phân phát điện lực ấy chỉ còn là một cái lò nguội lạnh. Và thành phố tâm hồn của Phiến, một lượt, điện đường, điện nhà, cùng tắt ngấm và chàng rơi chìm vào khoảng tối đen vĩ đại. Phiến nhìn thấy nhiều sự chặn đứng. Những sự chặn đứng vô hình mà rõ rệt đến thành hình ảnh có thực, tưởng như động mình, quờ tay cũng sờ mó thấy chúng. Thoạt đầu là hình ảnh một cái lưới. Nó úp xuống đầu xuống cổ, thắt chặt lấy cuống họng.

Những mắc lưới thì như tết bằng gai bằng lửa. Chúng cào xiết da thịt làm chảy máu làm nhói buốt.

Và Phiến đau một niềm đau vật chất. Cái lưới trùm lên như đôi cánh lớn của một loài chim dữ làm Phiến tối tăm mắt mũi, xây xẩm mặt mày. Phản động lại, chàng cố vùng ra, nhưng từng mắt từng mắt bủa vây, mỗi mắt có đeo thêm một mũi kim đâm suốt qua một hòn chì níu chặt lấy, và cái lưới ngày lại ngày trùng trùng điệp điệp.

Ý thức Phiến gào thét lên là chàng không ngoi lên thì chàng sẽ chết đuối. Mà Phiến đang chết đuối thật. Chân, đầu gối, bụng, lồng ngực. Tới cổ rồi. Cái lưới. Nó chôn sống và chàng chết đứng ở đó. Càng vùng vẫy càng thấy lún ngập mãi xuống. Không vùng vẫy để mặc thì một thứ bụi phấn đã từ đâu lả tả phủ xuống

dần dần những lớp êm nhẹ nhưng lựa chết người. Rồi thì là cảm giác của một thứ đồ vật bị quên ở đáy một nhà chứa hàng ở góc một bảo tàng viện, cái cảm giác bụi bặm và thời gian phủ kín chỉ có một mối đèn lên từng đồng và tơ nhện giăng xuống tầng tầng.

Cái lưới úp chụp như một bầu trời nhật thực, tạo một ý niệm nghìn lần đau đớn hơn những ngày đẹp trời, có nắng gió, trời xanh cao, mây trắng và thiên nhiên mênh mông bao la. Phiến so sánh nội tâm và ngoại cảnh ở một chênh lệch tương phản cùng độ. Chưa hết. Còn là hình ảnh của cái lưng. Sự ngoảnh mặt. Sự án ngữ. Như một trái núi dựng lên ngút mắt chàng không ngó thấy không gian và mất luôn cái ý niệm chân trời. Cái lưng thì rộng phẳng như một tấm phản, một bãi cát sóng đêm xóa nhòa hết

mọi dấu vết, một tờ bìa bọc kín che khuất hết mọi hàng chữ rục rở của cái trang đời không ngó thấy nữa.

Chàng tự bảo: nhìn kỹ lại xem, và chàng nhìn thành phố. Dưới mọi khía cạnh. Ở mọi hình thái sinh hoạt. Qua từng nét kiến trúc. Qua từng thay đổi, từng biến chuyển hàng ngày. Phiến nhìn thành phố thật kỳ khu tử mỉ. Như lọc chiếu và phóng lớn qua một ống kính hiển vi. Và chàng thất bại. Chàng chẳng thấy gì. Lọc qua những tờ lá xanh nõn, lọc qua những lớp sương, những màn mưa, những đợt nắng, lọc qua những tấm kính cửa hàng cửa tiệm trong veo, những cửa sắt đan hình mắt cáo, vẫn vậy.

Ngó từ một đỉnh nhà chọc trời ngó xuống qua cái chóng mặt của thượng tầng, ngó từ dưới ngó lên từ một gầm cầu, một chân tường, một phố trũng,

xoay nghiêng, xoay dọc, lấy thẳng, lấy chéo thế nào, vẫn vậy. Nhìn từ đầu một vệt ánh sáng tỏa ra, nhìn từ cuối một tảng bóng tối đọng lại, vẫn vậy.

Hàng nghìn khung cửa, thân cây, cột điện ống khói, đỉnh thu lôi, mái nhà, ngọn cây, nhà máy chỉ tạo vừa thành một cảm giác kỷ hà học với những góc nhọn, những đường vòng, ô vuông, ô tròn, những hình chữ nhật, hình thang, những đường chữ chi. Tất cả vẫn vậy. Phiến như một người quay phim cố thu vào ống kính một sự sống, lúc rửa bằng nhựa sự sống không có, chỉ có một bối cảnh vô linh hồn hiện lên. Rồi theo một chiều hướng duy nhất, tất cả như thu nhỏ mãi lại. Phiến sống một cảm giác bề non bộ. Sự vật bị tước đoạt mọi kích thước đúng thực của chúng, vụn vặt bé

nhỏ một cách thảm thương. Phiến cũng hóa thân.

Chàng biến thành một con kiến, Thành phố chàng là cái miệng chén. Chàng ngược lên vòm trời bít bùng ngột thở, chàng nhìn lên những đỉnh cây không còn cao vút, những vì sao hết lấp lánh cũng tầm thường như những ngọn điện đường, và nhìn những con đường chàng nghĩ thầm: những con kiến buồn rầu bò những vòng chân buồn rầu trong lòng miệng chén. Chàng nghĩ tới chàng tới mọi người, tưởng như tất cả đã biến hình.

Những con cá chết. Dềnh lên, dưới ánh sáng. Từ một vực đêm từ một vực ngày, những con cá chết dềnh lên. Ngọn triều ngày đêm đánh dạt vào bãi những con cá chết. Chúng nằm đó. Cái vây, cái

vẩy bất động. Những con mắt gỗ. Một sự chương phình úa héo của những thực phẩm buổi chợ chiều ngoại ô dàn trên cái quầy hàng của sự sống đã vãn xế. Không có ai mua, những con cá chết tự mua và tự mang đi. Khoảng cách biệt khơi rộng. Những bộ mặt cuộc sống thì đơn lẻ sa đọa, cô độc, đứng đó như những hòn đảo cúi đầu.

Phiến lại tự đặt một nghi vấn: Mắt chàng nhìn không tinh tai chàng nghe không thấu suốt, cả một hệ thống cảm xúc đã hết bén nhạy ? Và phản ứng lại, chàng dương căng hết mọi cánh cửa cảm xúc để hứng đỡ nội giới vào mình. Chàng ngó đăm đăm như muốn lột trần sự vật. Chàng mở lớn mắt, chàng dỏng tai, hếch mũi, chàng nghe ngóng từng sờ mó, từng đụng chạm nhỏ. Chàng chờ rình từng hình ảnh, chụp bắt từng âm thanh.

Và nghe ngóng tất cả sự thành tựu của những cái đó trong mình. Nhưng không thấy gì, tỉnh không thấy gì. Cuộc sống chàng nhai thật kỹ từng miếng nhưng miếng nào cũng nhạt thếch. Miếng cơm trong miệng người ốm không mùi vị nhai mãi rồi cũng nhả thành bã mà thôi.

Thái độ không gia nhập được vào dòng sống biến thành thái độ do thám nó. Chàng ghi chép từng cử chỉ, từng biến động nhỏ nhoi vô nghĩa, nhập tâm bất cứ sự kiện gì thoáng qua. Kết quả của mỗi lần tổng kết; con số không lớn. Cái lẳng đầu óc tưởng dựng đầy nguyên liệu, nó chỉ có những xác chết nằm đầy trong nó là cái nghĩa địa.

Phiến tìm đến những chỗ đông người, những nơi chàng tưởng cuộc sống sôi hăng nóng bỏng, lén vào đó. Chàng kiếm tìm những vị trí để quan sát lĩnh

hội nhất, đứng sẵn đó. Nhưng mà những điều chàng nhận vào rồi thì lại chảy qua, người chàng như một phiến thủy tinh không giữ được những đường ánh sáng ở lại. Bấy nhiêu vận dụng cảm xúc giác quan, cái tai cái mắt, làm Phiến mệt phờ người nhưng chưa chịu nản chí. Chàng bướng bỉnh nói: «Ta muốn đi vào cuộc sống và phải bắt gặp nó bằng được». Và chàng lao đầu vào.

Chàng lao đầu vào khoảng không. Chiều chiều chàng đến những quán rượu có nhiều không khí nhất của thành phố đêm. Đêm chàng đến những địa điểm chói lòa ánh sáng, tụ họp đông đảo nhiều khuôn mặt và đắm mình vào đó, trả thật đắt tiền bạc và thời gian sự cháy bùng những cảm xúc cần thiết. Nhưng cảm xúc làm sao mua được. Khoảng cách biệt. Kẻ vỗ tay chỉ nghe nỗi buồn

mình thành tiếng động. Vòng hoa nhài nó đeo trên cổ khâm liệm nó. Những khuôn mặt linh động uyển chuyển của người ca sĩ hát trên kia, chính chàng tạc nó thành tượng. Tiếng đàn xuất từ nhạc khí lúc đến với chàng chỉ là những tiếng động khô cứng. Không khí vui đông ồn ào xung quanh, người, bàn ghế, những vòng hoa, âm nhạc, những hàng điện xanh đỏ nhảy múa, chỉ như một thứ đèn kéo quân mà ý thức chàng là cái trục đẩy muốn cho dừng đứng lại lúc nào cũng được.

Đâu đâu cũng thấy cái lý do chính của nỗi buồn lớn: khoảng cách biệt giữa chàng với chung quanh và lòng chàng thì như đã có sẵn cái cuộc mang theo, đến đâu khoảng cách lại đào ngay đó. Phiến trở thành một kẻ lạ mặt với tất cả. Tất cả lạ mặt với chàng.

Và Phiến cúi đầu xuống và buồn rầu bỏ đi. Chàng sống trong tòa nhà tâm hồn trống vắng, tâm hồn chàng đứng đưng. Nhớ một lần, chàng gặp một người gái điếm ở một gốc cây tối vào một trong những đêm lui thủi cô đơn lúc chàng đi bộ một mình về khách sạn. Người con gái rủ chàng đi và Phiến gật đầu đi theo. Chàng bước vào một căn buồng tối có mùi ẩm mốc của xó góc bốc lên và những tiếng muỗi rậm rạp. Chàng nhìn thấy trên cái giường độc nhất của căn buồng tiêu tụy, một đứa nhỏ và một bà cụ già. Bà cụ thấy chàng vào đứng dậy lần ra phía sau nhà. Đứa nhỏ thức giấc quờ quạng và ngã sấp xuống đất. Nó thét lên khủng khiếp. Chàng chưa kịp hiểu tại sao nó ngã dễ dàng như vậy thì người gái điếm nói như cắt nghĩa: “Con em, nó mù”. Chàng nói: “Thế ư” nhưng không chạy lại đỡ đứa nhỏ dậy.

Lát sau chàng ở ngoài đường, tâm hồn vẫn đứng đưng như cũ không hề ánh lên một chua xót nhân đạo về cảnh ngộ người gái điếm với đứa con mù. Chàng quên ngay được chuyện đó. Một lát sau chàng đã thản nhiên ngồi uống rượu một mình ở một tiệm đông đặc những lính thủy ngoại quốc. Nhưng đêm đó, về đến khách sạn, nhìn mình trong gương, tự nhiên Phiến ứa nước mắt. Chàng đưa những ngón tay lên khuôn mặt bùng bùng hơi rượu, và chàng ngó mình kỳ lạ. Khoảng cách mở xuống chiều sâu thăm thẳm đêm đó có tiếng động mất hút như một thây người ngã xuống, ngã xuống.

Chàng nằm vật xuống giường và thiếp đi. Sáng hôm sau thức dậy mặt Phiến đầy máu. Cả một bên trán đâm xuống thành giường lúc chàng bất tỉnh ngã xuống. Trong giấc ngủ chập chờn

hỗn loạn những hình bóng què quặt kinh dị. Phiến mơ thấy người chà và gác cửa khách sạn, Chàng mơ thấy chàng lạnh lùng đi vào, hấn ngủ ngời, cái gáy nhô lên sần sùi như cái gáy của con bò rừng. Rồi khách sạn biến thành đấu trường. Tiếng reo hò man rợ, màu máu đỏ khé. Bể người hò hét điên cuồng gọi tên chàng và chàng đâm một nhát bằng bàn tay suốt qua gáy người chà và, lúc rút tay ra, máu không có, nhưng vết đâm suốt gáy như một khoảng trống còn đó. Chàng đi lên và những bậc thang thì chửi thể đuổi theo. Sau đó chàng mơ thấy mẹ. Khuôn mặt hiền hậu của người, căn gác thừa nhỏ trông lạnh như căn buồng đầu cánh một tòa lâu đài cổ, và chàng như một thứ cây hoang với tuổi ấu thơ cô độc và biển chỉ là một ngôi mộ lớn than khóc không nguôi từ ngày chàng sơ sinh.

Lúc tỉnh dậy, nghĩ lại giấc mơ Phiến mới biết đó là sự thực. Nhà chàng gần biển. Chàng lớn lên trong lời ru huyền bí của sóng. Chàng ngủ một mình trên căn gác thờ từ thừa nhỏ. Chàng vẫn thường thức giấc vào nửa đêm nghe tiếng sóng xa xa đổ về và khóc. Mẹ chàng, những lúc thấy tiếng khóc tấm tức rồi nức nở dần, lại cầm ngọn đèn hoa kỳ từ buồng bên chạy sang. Người ngồi xuống, đặt tay lên trán chàng và hỏi: “Sao thế con?” Cho đến lúc chàng ngủ thiếp đi dưới bàn tay mẹ và trong mơ hồ chàng còn nhìn thấy ở đôi mắt dịu hiền cúi xuống một thoáng ngạc nhiên buồn rầu.

Khoảng cách biệt giữa chàng và đời sống, phân tích tìm kiếm, phản ứng bằng đủ mọi cách để lấp đầy nó, bao nhiêu cố gắng bắc những cái cầu không thành, buộc những sợi dây vô ích thường làm

Phiến trở lại với ám ảnh của vùng biển tuổi nhỏ và tự hỏi: giữa khoảng cách hiện tại với vùng biển quá khứ kia có một liên quan nào không? Phiến không biết nữa. Chàng chỉ là một kẻ ham sống, chàng chỉ muốn ôm, muốn nhận cuộc sống vào mình mà không được và chẳng biết vì sao. Khối đời rục rở trước mắt, sau lưng, chàng có cảm tưởng như bao nhiêu lần nhẩy vào, ngón chân ngón tay bám víu cào cấu đến chảy máu, cái khối sống rục rở ấy vẫn tuột đi.

Thành phố thì có hàng triệu kẻ lạ mặt và chàng thì là sự lạ mặt của hàng triệu cái lạ mặt kia. Quán cà phê buổi sáng, tiệm cơm buổi trưa, một mình lang thang dưới những bóng cây, trong công viên, ngoài bến tàu, có bạn hữu bên cạnh, trở về khách sạn, xuống đường, mang trong người một niềm ham sống mãnh liệt,

Phiến vẫn vấp phải cái khoảng trống ấy. Con kiến buồn rầu bò những vòng chân buồn rầu. Cái phao người đập dình. Cái lưới úp xuống. Cái miệng chén. Cái lưng. Con cá chết, vực đêm vực ngày cùng đánh dạt về. Đường viền chênh vênh. Sự ở ngoài. Những cánh cửa đóng vào một hội vui. Mùa xuân mùa hạ mùa thu mùa đông. Để rồi tàn trong mùa xuân. Tâm hồn Phiến vẫn giản đơn. Ý thức chàng sáng suốt nhận thấy điều đó. Vậy thì khoảng cách ấy ở đâu và Phiến không bao giờ ngừng tự hỏi.

Tôi về rừng đã được tám ngày. Tuần lễ trước xuống thành phố giải quyết một vài công việc còn ứ đọng vì chuyên bỏ đi đột ngột, mua một ít sách cho tôi, mấy thứ đồ dùng cần thiết cho Nhẫn, sau đó ghé lại thăm Phiến và cho anh một nhánh

lan rừng, một cái khung gồm mười con bướm, lúc trở về Nhẫn đang mê tỉnh giữa trận sốt rét đầu mùa của cao nguyên bắt đầu đi vào mùa mưa.

Tôi đưa Nhẫn lên đây đã ba năm. Trước kia Nhẫn cũng là một trong số những người con gái đứng dưới những gốc cây tối của thành phố mà Phiến đã gặp và thuật lại cho tôi nghe. Có khác là khác chỗ Nhẫn không có đứa con mù. Nhưng bây giờ Nhẫn đã là vợ tôi và tôi muốn làm cái gốc cây che chở Nhẫn cho đến suốt đời Nhẫn. Tôi lo ngại, Cơn sốt khá kịch liệt và cơ thể Nhẫn bị hành hạ bao năm bởi cái nghề khốn nạn thì mỏng manh yếu đuối. Nhưng Nhẫn đã đỡ từ buổi sáng hôm qua. Nửa đêm cơn sốt bớt dần, Nhẫn tỉnh lại, tôi pha cho nàng một cốc sữa lớn. Sau đó Nhẫn ngủ được một giấc dài đầu gối lên tay tôi.

Hôm nay Nhẫn đã ngồi dậy được. Nhẫn hỏi chuyện mấy hôm tôi ở Saigon. Tôi kể cho Nhẫn nghe những việc chính trong đó có sự gặp lại Phiến, Nhẫn hỏi:

– Anh Phiến vẫn đi với anh hồi anh đến tìm em ấy ư?

Tôi gật đầu.

– Bây giờ anh ấy ra sao?

Tôi bảo Nhẫn:

– Anh ấy cũng đang đau như em ấy.

Làm Nhẫn tròn mắt:

– Chết, ở thành phố cũng có sốt rét rừng sao?

Tôi mỉm cười:

– Anh Phiến đau bệnh khác em không biết được, em ngủ đi, hôm nay em

không đi rừng với anh được.

Tôi xuống nhà dưới gọi thằng nhỏ người Thượng lên, để phòng Nhẫn có cần thiết điều gì đoạn tôi lấy thang dây leo vào rừng. Sau mấy ngày mưa dầm dề, nắng mới đổ chan hòa từ cửa rừng vào. Những khóm lá còn như nặng trĩu từng khối nước tụ đọng. Bước qua những vũng nước óng ánh mặt trời, tôi tìm vào khoảng rừng đã định trở lại từ lần trước. Hai bên lối đi, những thân cây đứng thẳng, khoảng rừng thưa hiện ra, tôi nhớ được từng gốc, gốc nào có lan trên đỉnh, gốc nào có lan ở đầu cành, loại lan nào, gốc nào khó lấy, gốc nào dễ lấy...

Nhưng rồi tôi quyết định hoãn việc hái lan đến ngày khác và đi thẳng vào ngọn suối ở cuối đáy khu rừng thưa. Mấy tiệm buôn lớn dưới Saigon đặt tôi làm cần những khung bướm để gửi đi ngoại

quốc, cái khung cuối cùng đã cho Phiến, tôi định dành cả ngày hôm nay và ngày mai cho việc bắt bướm trước đã. Hôm nay nắng, hai bên bờ suối hoa nở rộ, bướm ở các khu rừng chung quanh chắc phải kéo nhau về hút mật hoa ở con suối này nhiều. Con suối, tôi khám phá thấy nó từ tháng trước, lần có Nhẫn cùng đi. Bây giờ trở lại nó vẫn nằm yên đó. Lòng nước trong vắt với những hòn sỏi trắng tinh trên nền đá màu rêu thẫm, róc rách một nhịp chảy hiền từ giữa cánh rừng nắng yên lặng. Bờ bên kia, bờ bên này, hoa đủ loại đua nhau nở giữa những bụi cỏ non.

Nhưng tôi đến hơi sớm. Nắng mới lên và những đàn bướm còn đang dập dình đâu đó trên đường đến suối. Tôi đặt cái thang vào một thân cây, treo cái lưới có cán dài lên một đầu ngọn và tôi

ngồi xuống thảm cỏ. Tôi đợi. Mấy năm ở rừng gây cho tôi cái tính kiên nhẫn cần thiết cho việc treo cây hái từng nhánh lan mọc hóc hiểm ở một đầu cành chới với, chờ rình một con bướm quý có màu sắc và hình thù lạ bay hàng giờ trên một khoảng cây cho tới lúc nó mỏi cánh hạ xuống vừa tằm lưới chụp. Nhìn bóng mình đổ xuống thảm cỏ với bóng chiếc mũ to vành đội trên đầu có thể chống đỡ được một trận mưa rừng thật lớn, tôi nghĩ trở lại thành phố dưới kia, buổi chiều mưa phùn tôi đầu trần đi với Phiến đến một tiệm nước.

Quán nước sắp đến giờ đóng cửa. Những người bồi bàn kín đáo rút lui cả vào quầy rượu trả lại yên lặng cho chúng tôi. Phiến ngồi ngã người trên ghế, đôi mắt mệt mỏi buồn rầu nhìn lên những khung cửa sổ vừa lên đèn của một khách

sạn nhiều tầng bên kia đường. Và Phiến đã nói cho tôi nghe về khoảng cách biệt, cái hố sâu thăm ngán chia anh với khối đời rục rở, khoảng cách biệt mà Phiến vùng vẫy giãy giụa, đã tìm đủ mọi cách rồi mà không tài nào lập được. Phiến nói ít. Tôi đoán nhiều. Phiến không nói tôi cũng đoán được. Nhưng tôi chỉ yên lặng ngồi nghe anh lúc đó, và sau đó, trong suốt thời gian anh rủ tôi cùng đi với anh vào cái mà Phiến gọi là cuộc viếng thăm toàn thể và thường lệ các quán nước các phòng trà các tiệm nháy thành phố. Một thứ tournée de grand duc (chuyến tham quan của đại công tước).

Việc đó Phiến làm với hai mục đích, Một, tạo một buổi tối xứng đáng cho người bạn ở rừng xa chưa từng gặp lại cái không khí thành phố ban đêm. Hai, trái ngược hẳn mục đích trước, Phiến muốn

chứng minh cho tôi thấy rõ cái không khí nghìn ngày diễn lại của những chốn vui chơi này. Phiến muốn cho tôi xem những con cá chết của anh, những cái phao người, những con kiến buồn rầu bò những vòng chân buồn rầu, cặp mắt anh ngó thấy lúc mệt mỗi lúc thờ ơ bên kia khoảng cách biệt của anh cùng với cố gắng bướng bỉnh tuyệt vọng của Phiến muốn san bằng khoảng cách biệt ấy để bắt gặp lại đời sống mà không được.

Tôi đi theo Phiến. Ở đâu tôi cũng mỉm cười bảo Phiến: « Vui đấy chứ!» Mà vui thật, khiến Phiến lại hiểu theo một nghĩa thích thú của kẻ mới ở rừng về và mỗi lần tôi tỏ vẻ thích thú, anh ngó tôi bằng cặp mắt trong đó ánh lên niềm thèm muốn lẫn một tha thứ không nói ra.

Tôi không chỉ định hấn bằng danh từ nhưng tôi đã thấy rõ Phiến đang trải qua một cuộc khủng hoảng tinh thần. Trong thời gian khủng hoảng này tâm hồn Phiến không tìm được sự ổn thỏa nữa với chung quanh và với chính bản thân anh. Không ai tự hào khám phá được những sự thật phức biệt, những vò xé đớn đau, những bí ẩn kẻ khác, không ai thấu hiểu toàn vẹn đời sống kẻ khác – kể cả những người làm tiểu sử – nhưng tôi hiểu Phiến.

Thời kỳ khủng hoảng tinh thần Phiến đang trải qua như một trận bão khốc liệt nó quật đập, nó xoay vật anh trong những cái xoáy cái hút, nó ném anh như một quả bóng từ trạng thái bệnh này đến trạng thái bệnh khác, nó tạo cho Phiến những cảm giác cái lưới trùng điệp và bức tường kín đặc mà bao nhiêu cố gắng

phá vỡ chỉ là những hành động bất lực vô ích, trạng thái tinh thần khủng hoảng đó tôi đã trải qua.

Tôi đã sống, không hoàn toàn hẳn, nhưng có những nét chính tương tự như tâm trạng Phiến. Cho nên tôi hiểu. Sự hiểu của kẻ đã đi qua cầu đoạn trường, cùng lụy một cảnh ngộ. Không biết Phiến đã tới đó chưa, nhưng tôi đã từng gần lắm với tự hủy. Một phát đạn. Một liều thuốc độc. Nghĩ lại, so sánh, cuộc khủng hoảng tinh thần của tôi ngày trước còn trầm trọng hơn của Phiến bây giờ, vì nó chia làm hai thời kỳ. Thời kỳ đầu, đại khái cũng như tâm trạng hiện hữu của Phiến. Cũng con cá chết, vực sông đánh dạt về. Cũng cái lưới đề úp xuống đầu xuống cổ đến nghẹt thở và sự hỗn loạn dao động chìm nổi như một cái phao. Cũng khoảng trống tối đen giữa cá nhân

và đời sống không bao giờ lấp kín. Tôi sống trong một tâm trạng bệnh như vậy đến khi gặp Nhẫn và cuộc khủng hoảng cũng chấm dứt thời kỳ thứ nhất.

Không phải quanh co giấu diếm – Nhẫn và tôi bây giờ không lẫn tránh và thân nhiên nhận lấy quá khứ của nhau – trước khi chúng tôi gặp nhau, Nhẫn làm nghề mãi dâm. Không có gì lên án cũng không có gì bào chữa chuyện đó. Đó là một sự thật tầm thường không xung đột với thứ luân lý quyền biến của tôi, nó không có chỗ cho con người đạo đức trong tôi lên tiếng. Nhẫn bán thân thể rẻ mạt, mỗi lần có năm mươi đồng. Nghĩ mà tội nghiệp.

Tôi gặp Nhẫn thu mình dưới gốc cây như một con mèo hoang khốn nạn giữa một đêm chán nản mệt nhọc cùng độ – tôi nằm chính đáy cuộc khủng

hoảng – và theo Nhẫn về nhà. Trái với Phiến, tôi ở lại, ở lại hẳn. Sự chung sống với Nhẫn không khởi đi từ một cử chỉ nhân đạo, một ý niệm anh hùng, tôi biết chắc chắn như vậy. Cũng không do tình yêu. Với Nhẫn, tôi không hề làm một cử chỉ cứu rỗi cao đẹp, cũng chẳng bao giờ nghĩ tới điều đó. Tôi chỉ là con cá chết của Phiến, cuộc sống đánh giạt vào bờ và gặp ở Nhẫn, một con cá chết khác mà sự tàn hủy tâm hồn và thể xác ghê gớm đến nỗi cái cử chỉ giơ tay cầu cứu của tôi lại là một cử chỉ cúi xuống vớt Nhẫn lên. Không ở giữa thời kỳ khủng hoảng tinh thần, sáng suốt, dẫn đo hơn, có lẽ sau lần đụng chạm thứ nhất tôi đã bỏ đi. Nhưng tôi đang là một con bệnh nặng và tôi chịu được một con bệnh nặng khác nhận được cái không khí bệnh. Chỉ có thế.

Nhẫn về ở với tôi và sự màu nhiệm đã xảy ra. Nó xảy ra ở Nhẫn. Trong lúc tôi vùng vẫy thoát khỏi một tâm trạng hoang mang mới mẻ mà không được, Nhẫn đã khởi cuộc chiến đấu trở lại đời người, cuộc chiến đấu khởi đi từ một thực trạng đôi trụy nhất: cuộc sống súc vật của người gái điếm thực thụ. Con cá chết động dần từng cái vẩy từng cái vẩy, phá vỡ từng bức tường từng mắt lưới, lấp dần từng tắc đất vực thẳm ngày nào ngã xuống, và bò lên. Tâm hồn Nhẫn như nghìn mảnh vỡ vụn, Nhẫn chấp dần từng mảnh một. Nàng muốn làm người. Muốn thể nàng phải thành một người khác. Điều đó Nhẫn đã làm được. Cuộc hành trình trở lại dưới mặt trời của Nhẫn, tôi chứng kiến bằng tất cả kinh ngạc của tôi, không ngờ rằng mình còn có thể tìm thấy, qua chứng minh, thế nào là sự màu nhiệm của đời sống. Những đêm không

ngủ Nhẫn thường nắm lấy tay tôi, ngược mắt:

– Anh chìa tay cho em thì thế nào em cũng leo lên được.

Tôi ôm lấy Nhẫn, tôi muốn nói: “Chính em đã chìa tay cho anh, em là sự thăng bằng anh lấy lại được cho anh”.

Từ đó tôi sống với Nhẫn những ngày bình yên ở một căn nhà nhỏ trong trung tâm khu Bàn Cờ. Nhẫn chặt đứt dần những ám ảnh quá khứ và tạo cho Nhẫn một quá khứ mới. Tôi ngồi dậy, nhìn cuộc sống thấy thư thái vững chãi hơn. Tôi sửa soạn trở lại làm việc. Tôi muốn làm bất cứ việc gì. Trong niềm xao động mới như một cánh bướm phát phối trong nắng, tôi tưởng cuộc khủng hoảng tinh thần của mình đã chấm dứt. Nó chỉ

là bắt đầu cho thời kỳ thứ hai, dưới một hình hình thái khác mà thôi.

Ở thời kỳ thứ nhất, đối tượng khủng hoảng là nỗi xao động nội giới. Thời kỳ thứ hai, đối tượng thay đổi, nó chính là cái xã hội loài người với những ràng buộc liên lạc đã có, trật tự và tương quan yên ổn được chấp nhận giữa cá nhân tôi và mọi người từ trước đến nay. Cuộc khủng hoảng tinh thần bản thân chấm dứt, phần lớn nhờ sự có mặt của Nhẫn giữa đời sống, lại cũng do chính sự có mặt của Nhẫn mà để ra cuộc khủng hoảng giữa tôi và cái xã hội quanh tôi.

Tôi không biết rằng người ta có thể chấp thuận cho tôi tìm lại sự ổn thỏa của mình bằng bất cứ một phương tiện nào, kể cả đường lối tự hủy (chắc người ta sẽ mua hoa, đăng báo, rỏ những giọt lệ xót

thương) nhưng người ta không thể tha thứ cho tôi việc chung sống với một gái điếm.

Tám tháng nghỉ việc, một buổi sớm tôi mặc quần áo xuống đường. Tôi tìm đến một viên giám đốc xuất nhập cảng. Hấn là bạn chơi bởi một thửa. Và ngỏ ý xin việc. Nhưng thành phố tuy lớn mà tin tức có cánh. Hấn đã biết tôi ở với Nhẫn. Thấy mặt tôi hấn hỏi ngay:

– Buông rồi chứ?

Tôi hỏi lại:

– Buông cái gì?

Hấn phá lên cười:

– Buông chứ còn buông cái gì nữa.

Và đập vào vai tôi:

– Tưởng cậu đùa dai mãi.

Tôi ngạc nhiên chưa hiểu. Hấn ngăn người:

– Thế vẫn còn à?

Hấn không thèm gọi đến cả tên Nhẫn. Sau đó hấn tự cho cái quyền xâm phạm vào đời sống kẻ khác bằng cách giảng dạy tôi một bài học luân lý. Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là bài học luân lý sơ đẳng kia lại có thể xuất ra không một chút ngượng thẹn ở một thứ người truy lạc bê tha như hấn. Kẻ tội nhân lên mặt quan tòa, hấn nắm tay tôi ân cần:

– Cậu phải giữ nhân cách chứ?

Tôi nhìn thẳng vào mặt hấn và hỏi:

– Nhân cách là thế nào?

Và tôi bỏ đi. Tôi đến nhà một người

bạn khác. Người này học cùng một lớp với tôi từ thuở nhỏ. Hắn kéo với tôi ra một tiệm nước ở đầu đường không dám tiếp ở nhà, và tôi tha thứ cho hắn vì biết hắn có vợ. Chắc hắn lo xa đến một lần nào tôi có thể đưa Nhẫn lại chơi và người đàn bà trưởng giả, kهنh kiệu, khinh người là vợ hắn sẽ phải vì lịch sự chào mời một con điếm. Tôi tránh cho hắn trường hợp khó xử. Tôi gõ cửa hết nhà nọ đến nhà kia, lang thang dưới mưa nắng bụi bậm của thành phố mấy tuần lễ liền. Bạn hữu lảng xa. Những cái bắt tay lạnh nhạt. Những sự lánh mặt cố ý. Những cánh cửa đóng sập lại. Người ta coi tôi như một thằng hủi.

Mới đầu tôi chỉ cười ngạo nghễ. Nhưng về sau thú thật tôi không cười được nữa. Khoảng cách biệt dựng lên giữa tôi và mọi người đã đến cái độ làm

tôi mở to mắt và cảm thấy khó chịu. Một lần ăn sinh nhật đứa con đầu lòng một người bạn cũ, trước hắn chịu ơn tôi nhiều, vợ thằng bạn đã giật thằng bé ở tay tôi khi tôi bế lấy nó. Tới cái nước thiên hạ đã muốn đẩy tôi thành kẻ thù cả với những đứa nhỏ thì thái độ họ đối với tôi đã quyết liệt lắm. Một sự thật rõ như ban ngày: Họ đẩy tôi vào cái nước cùng, vào chân tường, bắt tôi ưng chịu điều kiện quyết liệt nếu muốn trở lại sống giữa họ. Bỏ Nhẫn?

Trên những kè đá nhìn xuống lòng sông sâu đen, trong những công viên ngủ yên dưới những chùm lá tối, dưới những đêm sao lủi thui một mình giữa thành phố ngoảnh mặt làm tỉnh, buổi chiều mệt mỏi trở về cái ngủ sâu hút ngọt ngạt những cuộc sông lảm than, tôi đã tự đặt bao nhiêu lần câu hỏi đó. Và trả lời: Không.

Về nhà, nhìn thấy khuôn mặt dịu dàng của Nhẫn còn như phảng phất niềm đau quá khứ, con mắt buồn rầu như thăm hỏi như đoán thấy sự hắt hủi, sự đẩy dọ tôi chịu đựng ê chề ở dưới kia, tôi lại tự trả lời và tiếng “không” càng quyết liệt.

Không thần thánh hóa sự trở chiều dũng cảm của Nhẫn, tôi vốn tin từ nguyên thủy ở phần trong sạch tâm hồn chỉ có thể bị cảnh ngộ hoàn cảnh che giấu mà không bao giờ mất, của người, kể cả những cuộc sống sa đọa, kể cả những kẻ đã làm tội ác, sự thoát khỏi cơn khủng hoảng thường trực – đời sống người gái điếm là một khủng hoảng thường trực – ở Nhẫn không thể tạo trong tôi gì khác là một niềm cảm phục chân thực. Ở Nhẫn tôi học tập được nhiều điều. Tôi tập sống.

Điểm chói lọi nhất là cái ý thức đánh phá tan tành những khoảng tối để ra

tối mặt trời. Nghĩ đến, lần nào tôi cũng muốn thắp lên một ngọn bạch lạp.

Đêm, tôi ôm Nhẫn thật chặt, nhìn nàng ngủ thơ ngây trong cánh tay, nghĩ đến đời sống thù địch, thấy dâng lên trong hồn mình một niềm kiêu hãnh mới, nhen dần một ý thức mới nó là vũ khí chống đối với đời sống tù ngục trong một mớ luân lý đạo đức không vượt thoát nữa. Tôi thấy vấn đề sống còn lúc đó là phải tạo cho mình một thái độ. Một thái độ tự do độc lập trước những chi phối điều đúng của đời sống.

Đầu mùa Xuân năm sau tôi bán căn nhà nhỏ ở Bàn Cờ. Không một lời báo trước, một từ biệt bạn hữu, tôi đưa Nhẫn lên rừng, tạo khoảng cách giữa đời sống của người để đi vào thiên nhiên.

Một người miền thượng dạy cho tôi cách hái lan, bắt bướm. Lan đóng giá gỗ quý, bướm ướp khô lồng trong khung gấm, gửi về bán cho những triển lãm và hội chợ quốc tế, đủ tiền cho cuộc sống giản đơn của chúng tôi ở miền núi rừng. Sau thời kỳ khủng hoảng, tôi tìm được sự ổn định với chính mình, với tâm hồn mình và điều đó theo tôi mới thật quan trọng.

Tôi nghĩ tới Phiến. Anh đang đứng trong khoảng cách biệt do khủng hoảng tinh thần tạo nên và đang vùng vẫy đón đau trong những hành động điên cuồng tuyệt vọng để lấp bằng khoảng cách biệt, trở lại đời sống. Tôi muốn gửi cho Phiến vài lời chân thành. Không phải là những đáp số thỏa đáng – trạng thái tinh thần khác biệt ở từng cá nhân – nhưng là những kinh nghiệm bản thân rút tủa từ

cái mù sương của tâm hồn bây giờ ngó lại.

Ý hướng con người nhập thế là hành động thường trực san phẳng những khoảng cách giữa hẩn với đời sống, nhưng tôi nghĩ: nhiều khi hẩn phải hành động ngược lại. Tạo những khoảng cách biệt với đời sống những lúc mà đời sống thấp kém chật hẹp hơn ý thức cá nhân, những lúc toàn thể, bằng dư luận, đám đông, bằng những mớ luân lý đạo đức không tượng trưng cho một thứ lương tâm tối cao đo lường được ý thức cá nhân đã vượt thoát khỏi chúng.

Cuộc sống toàn thể không tạo khoảng cách biệt với nó, cá nhân cũng phải tạo khoảng cách biệt và không xao xuyên sợ hãi vì sự cách biệt này. Ở trường hợp này, cuộc sống toàn thể sẽ huy động mọi cách đánh gục cá nhân xuống bởi

lối sống, ý thức cá nhân đã là một thử thách, một đối kháng với cả một trật tự hiện hữu. Và cá nhân cưỡng chống lại, muốn tồn tại phải tìm bằng được một thể quân bình hòa đối với chính mình. Cho nên khoảng cách biệt tạo ra không phải là một đứt rời đoạn tuyệt đời sống, mà có những lúc nó thật hết sức cần yếu.

Tôi tưởng thái độ độc lập với đời sống đó là biểu tỏ cao quý nhất của ý thức yêu mê và kính trọng đời sống đúng mực. Đời sống thực ra cũng chỉ chấp nhận những loại người đó. Những con người ý thức dám phá vỡ cái lưới trùng điệp, bức tường kín đặc, khi sự chật hẹp tầm thường chung quanh không dung chứa nổi sự vượt thoát của mình.

Trật tự toàn thể có khác gì nếp sống cá nhân. Cũng có những suy nhược, những sa đọa, những thời kỳ khủng

hoảng như đời sống cá nhân. Và đời sống nào cũng không có chỗ đứng cho những kẻ nô lệ mù tối, những cái phao người không nhìn thấy thực chất biến đổi của đời sống để định một thái độ sống thỏa đáng với mình.

Suốt thời kỳ khủng hoảng của Phiến, những phản ứng của Phiến có như là những cố gắng giải thích với chung quanh. Phiến lắm. Sống đâu phải là giải thích với kẻ khác. Tôi tưởng điều cần thiết là Phiến có giải thích được với chính Phiến hay không. Một lần nữa ở Phiến là: ngã vào trạng thái khủng hoảng anh đã điên cuồng cưỡng chống lại tức khắc, mà đáng lý ra, Phiến phải dũng cảm chịu đựng nó như chịu đựng một trận bão khủng khiếp thổi qua.

Điều Phiến phải làm là tìm một thể quân bình, một ổn thỏa nào với chính

mình trong cái trạng thái bất thường, trong trận bão khủng khiếp. Tôi yêu những người như Phiến. Những con người luôn luôn có mặt trên con đường kiếm tìm sự thật. Tôi không yêu những con người bình yên đã thấy, hoặc tưởng rằng đã tìm thấy sự thật. Tôi không yêu tôi bằng yêu Phiến. Sự mến yêu này khiến tôi đã theo dõi từng biến động của đời Phiến những thời kỳ ở xa anh.

Về thành phố, tôi đã tìm gặp anh và bây giờ tôi muốn gửi xuống dưới đó cho anh, không phải một nhánh lan, một khung bướm nữa, mà ít nhiều kinh nghiệm nhỏ tôi tưởng cần thiết cho bạn.

Nghĩ ngợi triền miên không biết bao lâu, ngẩng đầu lên, những cánh bướm to nhỏ sặc sỡ đủ mọi hình dáng màu sắc

đã lượn bay chập chờn trên mặt suối tự bao giờ. Tôi nhìn những con bướm, ngọn suối, cười với chính mình. Biết đâu trong lúc tôi đang suy nghĩ ở góc rừng vắng này về tâm trạng bệnh của bạn, Phiến đã tìm thấy yên ổn cho tâm hồn dao động của anh và thành phố dưới kia, biển người ào ạt vui, những cuộc sống đại dương, và Phiến thì đã tìm được một ổn thỏa với bản thân. Cảm xúc anh bén nhậy trở lại, tầm mắt thì đã đi từ những con cá chết, những con kiến, đến những kích thước và vóc dáng thực của người.

Tự nhiên một thoáng ngờ vực nổi lên. Tôi sống yên ổn đã ba năm nay. Tôi sống yên ổn quá. Sự yên ổn này cũng có thể là triệu chứng báo trước một cuộc khủng hoảng tinh thần sắp tới. Biết đâu được.

Tôi lắc đầu mỉm cười với cái lý luận luẩn quẩn của mình và đứng dậy cầm vợt đi suốt bờ suối. Thấy động, đàn bướm bay dập dạt sang bờ bên kia. Ngọn suối trong vắt lúc này là khoảng cách biệt cần yếu cho đời sống tự do của chúng. Tôi nghĩ thế và lại mỉm cười một lần nữa.

VẾT HẸN TRÊN DA

Người con gái xây lưng, không nhìn thấy Đản đi vào từ đầu ngõ. Trăng vàng vạc dải một vùng ánh sáng lạnh tanh xuống lòng con ngõ im lìm chạy men theo bờ tường trắng thấp của khu vực nhà trường. Phía bên kia, dãy hàng hiện lè tè ngó xuống những khung cửa kín mít...

Thiếu nữ ngồi xồm. Vũng nước lênh láng chung quanh. Cái đòn gánh cong hai đầu ghéch nghiêng trên đôi thùng sắt tây

bẹp dúm nằm chổng chơ. Đản mỉm cười. Chàng biết sự bất hạnh hằng đêm lại vừa xảy đến từ trên đôi vai gầy yếu của người con gái lam lũ: sợi giây quang thành linh đứt phụt làm đi đời lượng nước cô ta vừa quấy từ cái máy ở tận ngoài đầu phố xa.

Nhiều đêm, Đản đã bắt gặp cái cảnh tượng này. Lần nào Đản cũng chỉ ngoái đầu ngó lại rồi đi thẳng. Thường là đêm đã khuya lắm, khoảng hai ba giờ sáng, chàng mới về tới trường. Khi đó hoặc Đản đã say mê, hoặc đã buồn ngủ cứng mắt. Sự đứng lại giúp thiếu nữ một tay, không bao giờ chàng nghĩ đến.

Nhưng đêm đó, trăng sáng, chưa khuya, Đản không buồn ngủ, không say rượu và chàng đã đứng lại. Thiếu nữ giật mình. Cô ta ngẩng nhìn Đản bàng hoàng rồi vội vã cúi đầu xuống, toàn thân rung động trong sự ngượng thẹn bối rối,

những ngón tay mà Đản nhìn thấy rất thanh thoát dưới ánh trăng lại loay hoay một cách tuyệt vọng với hai đầu dây vừa cứng vừa lớn; sợi dây đứt rồi và rõ ràng là cô ta không tài nào nối lại được.

Đản bật cười. Chàng ngồi xuống cạnh thiếu nữ, thân mật:

– Nữa. Lại đứt nữa, phải không cô?

Thiếu nữ cúi gằm mặt không trả lời, cứng ngắc trong sự ngượng thẹn cực điểm, Đản đoán thấy một khuôn mặt nóng bừng dưới mái tóc xoắn bung lòa xòa trên trán, trên mắt. Chàng thản nhiên giằng lấy sợi dây, nghiêng đầu, mím môi tinh nghịch, lấy gân tay thắt nhanh hai vòng thật chặt.

– Rồi, cô.

Trao sợi dây quang cho thiếu nữ,

Đản vươn vai đứng dậy. Cô ta nói lý nhí trong cổ họng ba tiếng « cảm ơn ông » rồi cũng lúng túng đứng lên theo. Đản nhìn theo cái bóng dáng gầy đơ dưới công việc nặng nhọc hàng ngày, siêu siêu trở ngược ra đầu ngõ. Chàng lắc đầu trắc ẩn đoạn tiến về phía cánh cửa hậu khép hờ mở vào khoảng sâu sau nhà trường.

Trên nền xi măng, những chuyển trở về, từ ngoài máy trước đó của thiếu nữ còn để lại những vệt nước ngoằn ngoèo ướt át. Vệt nước leo lên bức thềm, mất hút vào hàng hiên âm u tối thẫm rồi lại hiện ra, óng ánh dưới vùng ánh sáng trước cửa buồng Đản.

Chàng đẩy cửa bước vào, cởi quần áo trong bóng tối và lần lại chiếc giường sắt nhỏ, nằm xuống.

Từ tầng lầu trên đầu Đản, bỗng vọng

xuống, rõ mồn một, qua lớp ván mỏng, tiếng chửi thể tục tằn:

– Cha tiên nhận con thối thây. Nó chết đông chết tây ở đâu mà bây giờ chưa vác mặt về.

Tiếng một người đàn bà, khàn khàn như có bệnh:

– Đêm hôm ông làm gì mà âm ỹ lên thế. Để cho hàng xóm người ta ngủ chú.

Tiếng người đàn ông, hấn quát lớn giận dữ:

– Bộ bà cấm không cho tôi được nói động đến nó hả?

Tiếng người đàn bà, đều đều, nhẩn nhục:

– Chắc nó ngồi nghỉ ngoài máy đấy. Đêm nào cũng phải gánh lên cầu thang

tám chín đôi nước. Một đứt hơi đi ấy chứ chơi à. Thôi ông ngủ đi, đừng làm âm lên nữa.

Người đàn ông lầu nhầu. Giọng hấn đã thấp xuống, nhưng Đàn vẫn nghe rõ từng tiếng một. Cả tiếng chân hấn đi đi lại lại bực bội trên mặt ván.

– Hừ, nghỉ ngoài máy. Đồ dĩ dại. Có đánh dĩ với mấy thằng cao bồi thì có.

Đàn lắng tai đợi chờ sự bênh vực của người đàn bà, nhưng chàng thất vọng. Như mọi lần, người đàn bà đã chịu thua và nín thinh. Một lát, rồi có tiếng động ngay sát phía ngoài cửa buồng Đàn. Người đàn bà đã từ lầu trên đi xuống. Đàn rón rén ngồi dậy. Vừa lúc đó, thiếu nữ cũng về tới, tiếng chân nặng nề của cô ta chạy vào theo nhịp thùng rập rình.

– Đặt thùng xuống tao bảo, Xuân.

Đản nghe thấy đôi thùng đặt xuống, thật gần, ngay trước cửa buồng. Và sự im lặng của người con gái đứng yên.

– Mà làm khổ tao. Mà làm khổ tao đến bao giờ Xuân?

Trong hành lang tĩnh mịch, tiếng người đàn bà rít lên, lạnh lẽo, nhưng rất nhỏ, chỉ vừa đủ nghe, như sợ có người khác nghe thấy.

– Tôi làm gì mà mẹ bảo tôi làm khổ mẹ?

Người con gái lần đầu tiên lên tiếng. Cô ta nói đồng dục. Đản đoán thấy, cùng với câu nói, đôi mắt bừng bình tức giận của cô ta nhìn thẳng vào mặt người mẹ làm bà ta kinh ngạc, và chàng mỉm cười tán đồng sự phản kháng bất ngờ ấy.

– Thôi, tôi van cô. Tôi xin cô. Giải lắm rồi. Cô giải lắm rồi. Cô cãi giả tôi tiếng một tiếng hai. Cô lên mà lý sự với bố cô ở trên kia kia.

– Người ta không phải là bố tôi. Bố tôi chết rồi. Người ta lấy mẹ, nhưng người ta không phải là bố tôi, mẹ biết không. Người ta chửi mắng tôi, người ta hành hạ tôi như một con vật, mẹ biết không?

Thốt nhiên Đản thấy ngựa cổ. Và không kìm giữ được tiếng ho ngắn vừa bật lên. Cuộc đấu khẩu ngoài hành lang ngừng bật lại. Rồi là tiếng đòn gánh tiếng nước sóng sánh và tiếng đôi thùng lạnh canh, lạnh canh mất dần về phía cuối dãy hành lang đưa lên tầng lầu trên. Hai mẹ con người con gái đã bỏ đi. Đản nằm xuống.

Chàng lẩm bẩm: “Xuân, Xuân...”

Đản vừa biết được tên thiếu nữ. Tên cô ta là Xuân. Cô Xuân. Cùng với với cái tên Xuân và mẫu đối thoại ngắn ngủi, người con gái thành linh hiện ra trong khối óc tỉnh táo của Đản qua những hình ảnh đột ngột sáng chói, qua một ý tưởng mới lạ, như một phát giác kỳ thú. Cái tên như một tiếng vang mở vào một thế giới có chiều sâu, tạo cho thiếu nữ, ở Đản, một vóc dáng, một đời sống, một bản chất, một cái đẹp nào đó, mà chàng chưa từng nghĩ đến bao giờ. Chàng chớp mắt thích thú và bỗng cảm thấy bằng lòng về sự ban nầy chàng đã đứng lại, đã thân mật hỏi chuyện và buộc giùm cho cô ta cái giây quang bị đứt.

Hồi tư thực này mới mở, Đản là một trong số giáo sư thường trực của nhà trường. Chàng đến dạy qua sự giới thiệu

của một người bạn. Hấn làm giám học và được giao cho việc tổ chức các lớp học và khu ký túc xá mới mở dành cho các học sinh ở xa, khu ký túc xá ấy ở tầng lầu trên, ngay chính trên đầu phòng Đản ở bây giờ. Năm thứ nhất trường gặt ra không hết học trò. Mọi diện tích lớn nhỏ thuộc khu vực nhà trường đều được tận dụng để biến thành những lớp học mới cho đám học trò giữa năm, cuối năm vẫn ùn ùn kéo đến ghi tên đóng tiền nhập học. Nhưng mới vào nghề, thiếu óc tổ chức, không am tường những mảnh khoe thương mại và quảng cáo, viên giám đốc tài tử đã để tư thực rơi chìm mau chóng vào sự đổ vỡ và thất bại đáng tiếc. Con số mấy ngàn học trò đứng lại rồi sụt xuống. Sang năm thứ hai sỹ số chỉ còn già phân nửa so với năm trước. Sang năm thứ ba, một trường sở nguy nga đồ sộ do một vị linh mục bỏ tiền kinh doanh mới hoàn

thành trong khu phố là cái đòn quyết liệt cuối cùng đánh vào một tình thế đã hết sức lung lay. Học sinh thừa dân, thừa dân. Ký túc xá bãi bỏ. Các lớp học lần lượt đình chỉ. Đến giữa năm thì trường bắt buộc đóng cửa hẳn.

Không trả được cho Đản năm tháng lương còn thiếu, thấy Đản độc thân và chưa có chỗ ở, viên giám đốc bèn đề nghị để Đản sử dụng một căn buồng ở tầng dưới trông ra phía sau trường, để trừ dần vào khoản tiền còn nợ lại kia. Không có sự lựa chọn, Đản đành nhận lời ở lại. Dần dần cái không khí tĩnh mịch của khu trường sở bỏ hoang, với những khoảng sân mênh mông, những hàng hiên dài thẳm, những vùng bóng tối âm u vang vang tiếng chân những đêm Đản về trường một mình, làm chàng đâm ra yêu thích cái đời sống lủi thủi đi về tự do

kín đáo, không ai dòm ngó tới, mọi ồn ào của phố phường náo nhiệt đứng lại rất xa ngoài những bờ tường bao bọc bốn phía làm biệt lập nhà trường với chung quanh như một thế giới riêng. Cái thế giới đó lặng lặng, chìm chìm rất thích hợp với tâm hồn hoang vu của Đản.

Thường thường, Đản đi suốt ngày. Chỉ thật khuya mới về trường ngủ. Chàng vừa kiếm được chân thợ bút cho một tờ tuần báo điện ảnh, lương tháng đủ xài, nhờ đó chàng đã có thể từ chối lời mời xuống dạy học ở một tư thực mới mở dưới Cần Thơ. Chàng ngại đi xa vô kể. Đã chán ngấy Saigon, Đản vẫn không rời bỏ được nó.

Nhưng rồi cái không khí yên tĩnh cũng không còn nữa. Sự khuấy động ồn ào khó chịu đến với những lớp học bỏ hoang được viên giám đốc cho thuê

mướn lần lần. Căn buồng đứng trên căn buồng của Đản ở lầu trên, là căn cuối cùng vừa được cho thuê. Một gia đình mới dọn đến đó từ tháng trước. Đản vắng mặt suốt ngày không hề biết cái gia đình ấy ra sao, ngoại trừ người con gái quần đen áo bà ba chàng thường bắt gặp ngoài đầu ngõ, trong hành lang. Giờ cô ta ra máy giặt nước thường trùng hợp với lúc Đản đi chơi đêm trở về. Cô ta cũng đi về bằng lối ngõ sau như Đản. Do đó cô ta bắt buộc phải đi theo cái hành lang tối thẫm dẫn qua cửa buồng chàng để đến cái thang gác xoáy tròn ốc đưa lên từng lầu khi cánh cửa lớn phía trước nhà trường đã khóa kín từ chập tối.

Khung cửa sổ duy nhất đêm đêm còn mở và còn có ánh đèn sáng của căn buồng trên lầu cho Đản đoán thấy thiếu nữ thuộc về gia đình mới dọn đến

và nàng là con gái trưởng. Một gia đình đông con, nheo nhóc, điều đúng vì sinh kế, không yên vui chút nào, với những vụ cãi lộn, lục đục, hàng ngày không ngớt xảy ra, hằn thề. Người mẹ thì yếu đau. Người cha thì độc ác. Hằn thề. Đêm đêm Đản luôn luôn bị đánh thức dậy bởi những tiếng quát mắng âm ỹ, tiếng chửi thề tục tằn của người đàn ông, cùng là tiếng bàn ghế xô dạt, tiếng kêu khóc inh ỏi và chạy trốn tán loạn của bầy trẻ nhỏ bị đánh đập.

Từ cái gia đình âm ỹ đêm ngày với những tiếng đổ vỡ loảng xoảng, tiếng chân nện thành thành, tiếng nước dội ào ào, thiếu nữ là một hình ảnh trái ngược hẳn. Cô ta khép nép và lặng lẽ. Nhiều sáng trở dậy đứng ở cửa buồng, Đản bất chợt thấy thiếu nữ đi qua. Gặp Đản, cô ta chùn người lại, rồi hấp tấp bước đi, men

theo bờ tường mà đi, cái nhìn ngó xuống, vụng về, lúng túng trong dáng điệu Đản thường thấy ở những người đàn bà có tật, thiếu nhan sắc, hoặc có những tội lỗi thầm lén muốn che dấu.

Trong căn trường hoang phế, thiếu nữ di động như một cái bóng lẩn lút. Ban đêm, khi mọi người đã ngủ yên, khu trường mệnh mông chìm ngập trong yên lặng và bóng tối, chỉ còn tiếng chân trở về mỗi một của Đản và cái áo bà ba trắng thấp thoáng của người con gái đi quấy nước. Tiếng động và hình ảnh đó như hai sự hiện hữu bơ vơ đồng tình trong vẻ cô độc xa lạ, cùng gặp nhau trên một lối đi âm thầm.

Cuộc cãi vã ngắn giữa hai mẹ con vừa đem lại cho Đản một chi tiết mới làm hợp lý và sáng tỏ mọi dự đoán của Đản; người đàn ông trên lầu chỉ là bố

dượng của thiếu nữ. « Thảo nào. Cô ta làm việc cực nhọc như một đứa ở vậy », Đản nghĩ thầm. Người mẹ tái giá với đứa con gái lớn của đời chồng trước. Lũ em nhỏ cùng mẹ khác cha ngỗ ngược, mất dạy. Người bố dượng thô bỉ độc ác... và Đản đã dễ dàng quy định được những yếu tố, những nhân vật của tấn thảm kịch gia đình muôn thuở đang diễn ra trên đầu chàng.

Người cha dượng độc ác đã thôi chửi rủa nhường cho tiếng nước ào ào như đang được trút đổ vào một miệng thùng lớn. Yên lặng một lát. Rồi Đản lại nghe thấy những bước chân bước nhẹ qua cửa buồng. Người con gái đi xuống. Cô ta đi hết hành lang về phía sân sau. Đến đó, một cánh cửa mở ra nhẹ nhàng. Thiếu nữ bước ra sân. Cô ta không quấy đôi thùng nữa và điều này làm Đản ngạc nhiên.

Mái tóc xõa sợi đã được vắn lại gọn ghẽ cho Đản nhìn thấy – qua khung cửa sổ mở hé – một khuôn mặt lặng lẽ tắm đẫm dưới ánh trăng về sáng. Người con gái đi lững thững đoạn lại ngồi xuống trên thành cái bể cạn giữa sân. Một tay tỳ lên cằm, cô ta ngửa mặt lên nhìn lên vòm trời. Và cứ ngồi im phắc như thế, như một pho tượng lạnh. Cuối cùng, cô ta đứng dậy, cúi đầu trở vào. Những tiếng chân lướt nhẹ qua cửa buồng về phía cầu thang. Đản nghe theo rồi chàng ngủ thiếp đi.

Đêm đã khuya lắm. Khu trường sở im lìm. Một vệt trắng lạnh và xanh biếc nằm nghiêng trên những chấn song cửa mờ mờ. Căn buồng Đản tối om.

Cùng với cơn mộng bàng hoàng, Đản

thấy chàng đã bình phục hẳn. Chàng đau đã mấy ngày liền. Cơn bệnh tuy không trầm trọng, đó chỉ là sự mỏi mệt với những trận rức đầu choáng váng gây nên bởi sự ăn ngủ thất thường và sự đổi thay đột ngột của thời tiết nhưng cũng đã cầm chân Đản ở nhà trường. Chàng nằm lỳ trong buồng, đọc sách, tối tối tắt đèn đi ngủ rất sớm.

Bây giờ chàng nằm duỗi dài trong bóng tối, mắt mở lớn, hình dung được rõ ràng sự im lặng dàn trải kín khắp những khoảng sân âm u và trên suốt cái hành lang tĩnh mịch bên ngoài. Cơ thể Đản băng khuâng như bỗng thấy nhớ, thấy thiếu một cái gì. Thiếu những dấu chân của chàng trên những hè đường khuya. Thiếu cái bóng chàng đổ nghiêng trên những bờ tường. Thiếu và nhớ một thói quen. Một ly rượu sóng sánh đặt ngang

tầm mắt. Một chỗ ngồi ở một đầu quầy trong khói thuốc chập chờn và âm nhạc dìu dặt. Dòng ý nghĩ triển miên nhảy nhót từ một hình ảnh này đến một hình ảnh khác, ném Đản trở lại những đêm khuya không ngủ, chàng đi lang thang và về trường một mình. Cái ngõ vắng tanh nhợt nhạt ánh trăng. Cái hành lang dài thẳm, tiếng giày chàng vang lên ở đó như trong một đường hầm.

Hình ảnh người con gái đêm đêm đi quẩy nước ngoài máy thành linh hiện ra. Đã mấy đêm ở nhà và đi ngủ sớm, chàng không trông thấy người con gái. Chắc cô ta vẫn gánh nước qua lại cửa buồng mà chàng không hay. Chắc cô ta vẫn đánh đứt sợi dây thừng như thường lệ. Hình ảnh người con gái bối rối ngồi xổm trên vũng nước lênh láng, loay hoay với sợi giây đứt làm Đản mỉm cười ngộ nghĩnh.

Nhưng chàng thôi cười liên và lắng tai nghe.

Trên lầu, một tiếng động mạnh vừa nổi lên làm rung chuyển sàn gác. Tiếp liền đó, là thứ tiếng động đặc biệt của một cuộc vật lộn dẫy dụa, quyết liệt, hỗn hển. Rồi là tiếng ú ớ của người con gái và tiếng người mẹ la lên:

– Trời ơi, bêu rếu chưa!

Đản ngồi hẩn dật. Chàng nghe thấy những bước chân chạy dồn dập rồi mất hút, sau đó là tiếng động nổi lên ở đầu hành lang phía cầu thang đi xuống. Đản hé cửa nhìn ra để kịp thấy người con gái băng qua. Vạt áo bà ba trắng của cô ta bay lả tả, hàng khuy đã tuột hết, mái tóc xô dạt trên khuôn mặt tái nhợt.

Đản đã đoán được chuyện gì vừa xảy

ra trên lầu. Chàng quay lại và nhìn ra khung cửa sổ mở hé, chờ đợi người con gái chạy vùn ra dưới ánh trăng. Nhưng không. Tiếng chân chỉ lao đến cuối dãy hành lang rồi dừng lại và tắt đi ở đó.

Đản đứng tần ngần một lát trong bóng tối. Đoạn chàng mặc quần áo mở nhẹ cửa buồng, đi ra. Từ vùng ánh sáng thu nhỏ của ngọn đèn trước cửa, chàng đứng lại ở một chỗ ngoặt, rồi những bước chân Đản bắt đầu dò dẫm tiến vào một vùng tối đen hoa mắt.

Đi gần hết hành lang thì Đản nghe thấy tiếng khóc nghẹn ngào, thút thít của người con gái. Cái áo bà ba hiện thành một khoảng trắng dưới chân tường. Tiếng khóc xuất lên từ một góc thấp. Đản tiến lại. Người con gái vừa chột thấy Đản. Cô ta thẳng thốt đứng vụt dậy. Giọng Đản thân mật:

– Cô cứ ngồi yên đó. Tôi đây. Cô đừng sợ.

Thiếu nữ bàng hoàng ngồi xuống như nghe theo lời Đản. Đản ngồi xuống bên cạnh. Cô ta sững người một giây, rồi xây người lại, mái tóc tỳ nghiêng trên thành tường, hai tay bưng lấy mặt, cô ta lại nức nở khóc. Đản ngồi im, chàng thấy tốt hơn là nên để mặc thiếu nữ khóc cho vừa, cho thỏa. Tiếng khóc thảm thiết như trút hết những thống khổ dằng dặc một đời, rồi nguôi dần. Sự im lặng làm cho bóng tối như đông đặc lại ở chung quanh, bưng kín lấy Đản và thiếu nữ trong một thế giới riêng chỉ còn là sự hiện hữu im lặng.

Đản đặt một bàn tay lên vai thiếu nữ và nghe thấy tiếng kêu nhỏ, nhưng cực kỳ kinh ngạc của nàng.

– Em bỏ nhà đi rồi. Sau phút em bị thằng khốn nạn làm nhục, em khóc, em chỉ muốn chạy trốn, em chỉ muốn chết, em chỉ muốn tự tử. Sau phút anh đã xóa sạch cho em mọi dấu vết quá khứ, rồi em bỏ anh đứng lại trước cửa buồng, em đi về phía cầu thang, em quay đầu lại em nhìn anh một lần cuối cùng, em đi lên, em về ngồi xuống trước cửa buồng em, em nhìn ra bầu trời bát ngát ánh trăng bên ngoài, em ngồi yên như thể tối tằng sáng, và em đã lặng lẽ đứng dậy và em đã bỏ đi. Sự mất tích của em – em đi không bao giờ trở lại – sẽ làm náo động khắp ngôi trường sở bỏ hoang, sẽ làm anh lo lắng, em biết thế. Nhưng anh không có lỗi gì. Trái lại. Trái lại, Đừng bao giờ hối hận, đừng bao giờ, nghe anh. Anh sợ em đại đột, em nghĩ quẩn, em hổ thẹn, em nhảy xuống sông, em đâm đầu vào bánh xe, em tự tử chứ gì. Không phải thế đâu,

anh yêu dấu, em đi và em sống, sống mãi mãi, em đi và em bắt đầu, mãi mãi bắt đầu. Em bỏ đi vì em không thể cho phép anh được nhìn thấy đứa con gái tầm thường, lam lũ, xấu xí đêm đêm đi quấy nước trên đường về của anh nữa đâu. Không, em không thể cho phép em điều đó. Em đi đây. Đừng lo cho em. Đừng. Đừng bao giờ. Nhờ anh, em mới sống mà. Nhờ anh mà em thức dậy. Em ra đời từ bóng tối, từ ban đêm, từ yên lặng. Anh đã khai sinh, anh đã giải phóng em khỏi sự lưu đày tuyệt vọng, khỏi sự tối tăm không cùng, khỏi sự trống không mãi mãi, và em bay đi, em bay đi được rồi anh ơi!

MAI THẢO

**BẢN CHÚC THƯ
TRÊN NGỌN
ĐỈNH TRỜI**

SÁNG TẠO - 1963